

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 4585/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng để thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 140/TTr-SGTVT ngày 23/12/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn

TT	Loại đường	Chiều dài (km)		Lượng XM hỗ trợ (tấn)	
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung	Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định mức hỗ trợ XM
1	A	22,935	16,579	4.541,130	3.282,642
2	B	119,637	95,233	18.304,461	14.570,649
3	C	46,669	39,519	4.526,893	3.833,343
4	D	10,315	8,981	804,570	700,518
Tổng cộng		199,556	160,312	28.177,054	22.387,152

Trong đó, số liệu tổng hợp chiều dài các loại đường và lượng xi măng hỗ trợ sau điều chỉnh, bổ sung danh mục và cập nhật định mức hỗ trợ xi măng như sau:

TT	Địa phương	Chiều dài loại đường (Km)				Chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		A	B	C	D			
1	An Lão	2,391	7,322	0,500	-	10,213	1.642,184	
2	An Nhơn	1,638	23,136	0,187	0,149	25,110	3.893,893	
3	Hoài Ân	-	3,780	1,077	-	4,857	682,809	
4	Hoài Nhơn	1,506	19,662	13,345	1,885	36,398	4.747,969	
5	Phù Cát	0,720	6,199	6,248	3,546	16,713	1.973,651	
6	Phù Mỹ	4,659	9,244	11,973	2,338	28,214	3.680,559	
7	Tây Sơn	0,750	17,795	6,042	0,573	25,160	3.501,903	
8	Tuy Phước	2,845	4,781	0,147	0,490	8,263	1.347,282	
9	Vân Canh	-	2,002	-	-	2,002	306,306	
10	Vĩnh Thạnh	2,070	1,312	-	-	3,382	610,596	
11	Quy Nhơn	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
Tổng cộng		16,579	95,233	39,519	8,981	160,312	22.387,152	

(Chi tiết có các Phụ lục từ I.01 - I.10 kèm theo).

2. Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn bị hư hỏng

TT	Địa phương	Đường huyện	Đường xã	Loại A	Loại B	Chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	An Lão	3,849	4,143	0,380	-	8,372	2.437,909	
2	An Nhơn	-	0,320	-	0,685	1,005	156,325	
3	Hoài Ân	-	-	1,100	1,790	2,890	491,670	
4	Hoài Nhơn	0,485	11,159	-	2,415	14,059	2.584,815	
5	Phù Cát	-	2,300	-	-	2,300	370,300	
6	Phù Mỹ	-	13,746	2,676	0,465	16.887	4.041,359	
7	Tây Sơn	-	13,450	0,800	1,480	15,730	2.877,910	
8	Tuy Phước	-	-	-	0,460	0,560	70,380	
9	Vân Canh	-	1,115	-	-	1,115	179,515	
10	Vĩnh Thạnh	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
11	Quy Nhơn	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
Tổng cộng		4,334	46,233	4,956	7,295	62,818	13.210,183	

(Chi tiết có các Phụ lục từ II.01 - II.09 kèm theo).

3. Thời gian thực hiện theo Văn bản số 9619/UBND-KT ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh (*thời gian thực hiện Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2024 trên địa bàn tỉnh đến hết tháng 5/2025*).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.(M.30b)




**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 1.01: AN LÃO

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN AN LÃO
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	XÃ AN TRUNG			0,600	0,600	0,000	0,000	0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1	Đường BTNT từ Hồ Đền Cạnh đến Đồng Trưa	Nhà ông Roát	Đồng Trưa		0,600				Nhà ông Roát	Đồng Trưa		-				Không thực hiện
II	XÃ AN QUANG			5,681	1,000	4,591	0,090	0,000			1,699	0,000	1,699	0,000	0,000	
1	Bê tông hóa đường GTNT từ thôn 3 đến thôn 4	Nhà ông Lý	Nhà ông Đào			0,260			Nhà ông Lý	Nhà ông Đào			0,260			
2	Đường bê tông GT nội đồng từ trục đường liên xã đến đập nước lã (Đoạn nối tiếp)	Đường liên xã	Đập nước Lã			0,400			Đường liên xã	Đập nước Lã			0,478			Điều chỉnh tăng chiều dài
3	Bê tông hóa đường giao thông nội đồng từ đồng Mây đến đồng Bo (Đoạn nối tiếp)	Đồng Mây	Đồng Bo			1,000			Đồng Mây	Đồng Bo			0,261			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Làm mới đường GT Nội đồng từ trường Mẫu giáo đến đồng ôi (Đoạn nối tiếp)	Đường liên xã	Đồng Ôi			0,500			Đường liên xã	Đồng Ôi			-			Không thực hiện
5	Đường BTNT đoạn từ nhà ông Hải - Nhà văn hoá thôn	Nhà văn hoá	Nhà ông Hải				0,090		Nhà văn hoá	Nhà ông Hải				-		Không thực hiện
6	Đường BTNT đoạn nghĩa địa thôn Tân Lập	Đường bê tông	Nghĩa Địa			0,040			Đường bê tông	Nghĩa Địa			-			Không thực hiện
7	Đường BTNT đoạn từ nhà ông Cát - Đường bê tông	Đường bê tông	Nhà ông Cát			0,055			Đường bê tông	Nhà ông Cát			-			Không thực hiện
8	Đường BTNT Hóc Xoài- Đập Bờ bạn (đoạn nối tiếp)	Hóc Xoài	Đập Bờ Bạn			1,000			Hóc Xoài	Đập Bờ Bạn			-			Không thực hiện
9	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Thuận An (đoạn nối tiếp)	Trường Mẫu Giáo	Nhà Ông Ân			1,000			Trường Mẫu Giáo	Nhà Ông Ân			-			Không thực hiện
10	Nâng cấp đường nội bộ thôn Tân An (đoạn nhà ông Phước đến nhà bà Chuẩn)	Nhà Ông Phước	Nhà Bà Chuẩn		1,000				Nhà Ông Phước	Nhà Bà Chuẩn		-				Không thực hiện
11	Đường Gò Đồn - Cây Hào	Gò Đồn	Cây Hào			0,300			Gò Đồn	Cây Hào			-			Không thực hiện
12	Đường nghĩa địa thôn Thanh Sơn	Đường bê tông	Giồng Đốt			0,036			Đường bê tông	Giồng Đốt			-			Không thực hiện
13	Làm mới đường bê tông GT nội đồng từ đường liên xã đến đập ruộng Vờ								Đường liên xã	Đập ruộng Vờ			0,700			Bổ sung mới
III	THỊ TRẤN AN LÃO			0,700	0,000	0,700	0,000	0,000			0,783	0,000	0,783	0,000	0,000	
1	Đường nghĩa địa vào Gò Thị	Đường BT	Nghĩa địa			0,700			Đường BT	Nghĩa địa			0,783			Điều chỉnh tăng chiều dài
IV	XÃ AN DỪNG			0,500	0,000	0,500	0,000	0,000			0,440	0,000	0,440	0,000	0,000	
1	Đường bê tông nội đồng từ nhà ông Hiệp đến ruộng ông Ba	Nhà ông Hiệp	Ruộng ông Ba			0,500			Nhà ông Hiệp	Ruộng ông Ba			0,440			Điều chỉnh giảm chiều dài
V	XÃ AN HÒA			1,250	0,000	1,250	0,000	0,000			0,120	0,000	0,120	0,000	0,000	
1	Thôn Long Hòa: Tuyến từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Giới	Nhà ông Hoàng	Nhà ông Giới			0,120			Nhà ông Hoàng	Nhà ông Giới			0,120			
2	Thôn Vạn Khánh: Đường BTXM vào Khu dân cư vườn Duyên	Giáp đường liên thôn Vạn Khánh - Vạn Xuân	Cuối khu dân cư			0,530			Giáp đường liên thôn Vạn Khánh - Vạn Xuân	Cuối khu dân cư			-			Không thực hiện
3	Thôn Xuân Phong Nam: Đường BTXM vào Khu dân cư Cây Khế	Giáp đường bê tông hiện trạng	Cuối khu dân cư			0,600			Giáp đường bê tông hiện trạng	Cuối khu dân cư			-			Không thực hiện
VII	XÃ AN HƯNG			4,200	0,700	3,000	0,500	0,000			1,017	0,000	0,517	0,500	0,000	
1	BTNT các tuyến ngõ xóm các thôn	Đường 5B	Nhà dân				0,500		Đường 5B	Nhà dân				0,500		
2	BTNT tuyến nội bộ thôn 4	Đường thôn	Nhà ông Giáp			0,500			Đường thôn	Nhà ông Giáp			-			Không thực hiện
3	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn khu dân dân thôn 5	5B	nhà dân			0,300			5B	nhà dân			-			Không thực hiện
4	Bê tông tuyến nội bộ thôn 1	Đường thôn	Hộ dân			0,600			Đường thôn	Hộ dân			-			Không thực hiện
5	Bê tông đường nội đồng đồng lớn thôn 4					0,300							-			Không thực hiện
6	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn khu dân dân thôn 1 Tuyến từ Nhà bà Liêu đến Gò Rốc	5B	Đường BT		0,700				5B	Đường BT		-				Không thực hiện
7	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khu giã dân thôn 4	Đường thôn	Nhà ông Giáp			0,700			Đường thôn	Nhà ông Giáp			-			Không thực hiện
8	BTNT tuyến nội đồng thôn 1, thôn 3, thôn 5	5B	Ruộng			0,600			5B	Ruộng			0,517			Điều chỉnh giảm chiều dài
VIII	BAN QLDA ĐTXD&PTQĐ HUYỆN			3,776	2,176	1,600	0,000	0,000			3,927	2,391	1,536	0,000	0,000	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
1	Đường từ Thôn 1 đến ruộng Ram, An Toàn	Cuối làng thôn 1	Giáp ruộng Ram			1,600			Cuối làng thôn 1	Giáp ruộng Ram			1,536			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Đường giao thông liên xã từ thôn 3 đến giáp Ba Trang Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước	Cuối làng thôn 3	Giáp mốc địa chính giữa huyện An Lão và huyện Ba Tư		2,176				Cuối làng thôn 3	Giáp mốc địa chính giữa huyện An Lão và huyện Ba Tư		2,161				Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Đường từ Thôn 6 An Quang đến thác 4 Tầng								Thôn 6 An Quang	Thác 4 Tầng		0,230				Bổ sung mới
IX	XÃ AN TÂN			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000			2,227	0,000	2,227	0,000	0,000	
1	Đường BTNT đoạn nghĩa địa thôn Tân Lập								Đường bê tông	Nghĩa Địa			0,040			Bổ sung mới
2	Đường BTNT Hóc Xoài- Đập Bờ bạn (đoạn nối tiếp)								Hóc Xoài	Đập Bờ Bạn			0,800			Bổ sung mới
3	Nâng cấp đường nội bộ thôn Tân An (đoạn nhà ông Phước đến nhà bà Chuẩn)								Nhà Ông Phước	Nhà Bà Chuẩn			0,300			Bổ sung mới
4	Đường Gò Đồn - Cây Hào								Gò Đồn	Cây Hào			0,251			Bổ sung mới
5	Đường nghĩa địa thôn Thanh Sơn								Đường bê tông	Giông Đốt			0,036			Bổ sung mới
6	Đường từ nhà ông Ly đến ngã Hai nước (giai đoạn 2)								Đường bê tông	Ruộng ké			0,800			Bổ sung mới
Tổng cộng :				16,707	4,476	11,641	0,590	0,000			10,213	2,391	7,322	0,500	0,000	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

16,707 Km

4,476 Km

11,641 Km

0,590 Km

0,000 Km

2.724,551 Tấn

886,248 Tấn

1.781,073 Tấn

57,230 Tấn

0,000 Tấn

10,213 Km

2,391 Km

7,322 Km

0,500 Km

0,000 Km

1.642,184 Tấn

473,418 Tấn

1.120,266 Tấn

48,500 Tấn

0,000 Tấn

PHỤ LỤC I.02: AN NHƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - THỊ XÃ AN NHƠN
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	XÃ NHƠN AN			5,820	0,000	5,820	0,000	0,000			5,820	0,000	5,820	0,000	0,000	
1	Tuyến từ đường bê tông số 2 Thuận Thái đến ngõ Nguyễn Đức Cơ xóm 1 Trần Kim Hùng; đoạn đường 631đến ngõ Phan Hồng Tiên	Bê tông số 2	Ngõ Phan Hồng Tiên			0,250			Bê tông số 2	Ngõ Phan Hồng Tiên			0,250			
2	Tuyến đường từ Thanh Liêm 1 đến nhà ông Văn Hùng; tuyến Phan Thành Thắng đến nhà máy xử lý nước thải và tuyến đường Trương Phước Hiệp đến Gò Tranh	Thanh Liêm 1	Gò Tranh			0,600			Thanh Liêm 1	Gò Tranh			0,600			
3	Tuyến đường từ ngõ ông Đặng Văn Thành đến điểm cuối ngõ ông Huỳnh Văn Cẩm; Đường Trung Định đến mương bê tông nhà ông 6 Lộc	Ngõ Đặng Văn Thành	Nhà ông 6 Lộc			0,400			Ngõ Đặng Văn Thành	Nhà ông 6 Lộc			0,400			
4	Tuyến đường từ ngõ ông Đặng Văn Thành đến ngõ ông Trần Văn Khương; Từ nhà ông Hồ Văn Dương đến ngõ ông Nguyễn Văn Sỹ; Từ đường Trung Định đến Nguyễn Trung Sơn	Ngõ Đặng Văn Thành	Nguyễn Trung Sơn			0,400			Ngõ Đặng Văn Thành	Nguyễn Trung Sơn			0,400			
5	Từ Ngõ Lê Đức Thoại đến kênh 19/5	Ngõ Lê Đức Thoại	Kênh 19/5			0,350			Ngõ Lê Đức Thoại	Kênh 19/5			0,350			
6	Từ ngõ Hồ Hữu Điền đến Đập Bờ Cầu	Ngõ Hồ Hữu Điền	Đập Bờ Cầu			0,250			Ngõ Hồ Hữu Điền	Đập Bờ Cầu			0,250			
7	Tuyến bê tông giao thông nội đồng từ nhà ông Chánh chạy ra đường tránh đến Xóm 1	Nhà ông Chánh	Xóm 1			0,500			Nhà ông Chánh	Xóm 1			0,500			
8	Tuyến bê tông giao thông nội đồng từ Bờ bạn xóm 2 ra Quánh	Từ Bờ Bạn	Ra Quánh			0,700			Từ Bờ Bạn	Ra Quánh			0,700			
9	Tuyến bê tông giao thông nội đồng từ Phan Văn Dương xóm 3 giáp Quánh	Nhà Phan Văn Dương	Giáp Quánh			0,600			Nhà Phan Văn Dương	Giáp Quánh			0,600			
10	Tuyến đường BTGT nội đồng từ nhà bà Nguyễn Thị Bông đến Vườn Cừu An	Nhà Nguyễn Thị Bông	Vườn Cừu An			0,400			Nhà Nguyễn Thị Bông	Vườn Cừu An			0,400			
11	Tuyến đường từ Nguyễn Ngọc Sanh đến Nguyễn Văn Bảy	Nguyễn Ngọc Sanh	Nguyễn Văn Bảy			0,900			Nguyễn Ngọc Sanh	Nguyễn Văn Bảy			0,900			
12	Tuyến đường từ ngõ ông Lê Tú Văn đến đám mai Tạ Hồng Sinh	Ngõ Lê Tú Văn	Đám mai Tạ Hồng Sinh			0,170			Ngõ Lê Tú Văn	Đám mai Tạ Hồng Sinh			0,170			
13	Tuyến đường từ Cầu bà Trương đến đường Bờ Bạn	Cầu bà Trương	Đường Bờ Bạn			0,300			Cầu bà Trương	Đường Bờ Bạn			0,300			
II	XÃ NHƠN PHONG			2,034	0,000	2,034	0,000	0,000			2,034	0,000	2,034	0,000	0,000	
1	BTXM từ nhà ông Lê Văn An đến cổng Đình	Nhà ông Lê Văn An	Cổng Đình			0,099			Nhà ông Lê Văn An	Cổng Đình			0,099			
2	BTXM từ ông Nguyễn Văn Trung đến khu thể dục thể thao Kim Tài	Nhà ông Nguyễn Văn Trung	Khu TDTT Kim Tài			0,045			Nhà ông Nguyễn Văn Trung	Khu TDTT Kim Tài			0,045			
3	BTXM đường nội đồng Thanh Danh- Kim Tài	Thanh Danh	Kim Tài			0,434			Thanh Danh	Kim Tài			0,434			
4	BTXM đường nội đồng ngã ba nhà ông Chấn đến giáp cầu mương 19/5	Nhà ông Chấn	Cầu mương 19/5			0,490			Nhà ông Chấn	Cầu mương 19/5			0,490			
5	BTXM đường từ ngã ba Cây Đông đến nhà thu gom thuốc bảo vệ thực vật	Cây Đông	Nhà thu gom thuốc BVTV			0,110			Cây Đông	Nhà thu gom thuốc BVTV			0,110			
6	BTXM đường nội đồng thôn Tam Hòa từ Ngõ Lân - Mã Đề - Ngã ba Ngõ Minh - Giáp Nhon Hạnh	Ngõ Lân	Giáp Nhon Hạnh			0,856			Ngõ Lân	Giáp Nhon Hạnh			0,856			
III	XÃ NHƠN HẠNH			3,765	0,000	3,765	0,000	0,000			3,740	0,000	3,740	0,000	0,000	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
1	BTXM tuyến đường từ Cây Me 2 đến Đám Vuông 1 (giáp Đường đi Cầu Ông Xếp) thôn Hòa Đông	Cây Me 2	Đám Vuông 1			0,607			Cây Me 2	Đám Vuông 1			0,606			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	BTXM tuyến đường từ Giáp Nhơn Phong (Dương Xuân) đi nhà ông Hùng (Thái Xuân)	Giáp Nhơn Phong	Nhà ông Hùng			1,803			Giáp Nhơn Phong	Nhà ông Hùng			1,780			Điều chỉnh giảm chiều dài
3	BTXM tuyến đường từ ruộng bà Bình đến kênh 19/5 thôn Tịnh Bình	Ruộng bà Bình	Kênh 19/5			0,656			Ruộng bà Bình	Kênh 19/5			0,655			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	BTXM tuyến đường từ Bờ Đá đến Xóm Đông Chùa thôn Lộc Thuận	Bờ Đá	Xóm Đông Chùa			0,178			Bờ Đá	Xóm Đông Chùa			0,178			
5	BTXM tuyến đường từ Mương Tiêu đến Đập đội 4 thôn Thanh Mai	Mương Tiêu	Đập đội 4			0,521			Mương Tiêu	Đập đội 4			0,521			
IV	XÃ NHƠN PHÚC			0,995	0,000	0,995	0,000	0,000			0,995	0,000	0,995	0,000	0,000	
1	Đường BTXM nội đồng thôn Nhơn Nghĩa Đông	Nhà Ông Phạm Ngọc Anh	Đường liên thôn Gò Đá			0,995			Nhà Ông Phạm Ngọc Anh	Đường liên thôn Gò Đá			0,995			
V	XÃ NHƠN LỘC			3,177	0,000	3,177	0,000	0,000			1,545	0,000	1,545	0,000	0,000	
1	Tuyến đường từ Nhà ông Bùi Thanh Đạm - Nhà Nguyễn Văn Nhó	Nhà Bùi Thanh Đạm	Nhà Nguyễn Văn Nhó			0,216			Nhà Bùi Thanh Đạm	Nhà Nguyễn Văn Nhó			0,216			
2	Tuyến đường Từ Nhà Văn Hoá - Nhà Phan Vĩnh Bình	Nhà Văn Hoá	Nhà Phan Vĩnh Bình			0,102			Nhà Văn Hoá	Nhà Phan Vĩnh Bình			0,102			
3	Tuyến đường từ Cầu suối - Ruộng Bờ Vàng	Cầu Suối	Ruộng Bờ Vàng			0,035			Cầu Suối	Ruộng Bờ Vàng			0,035			
4	Tuyến Giáp đường Bê tông - Kênh tiêu TX9	Giáp đường Bê tông	Kênh tiêu TX9			0,213			Giáp đường Bê tông	Kênh tiêu TX9			0,213			
5	Tuyến đường từ Nhà Phan Văn Bồn - Nhà Nguyễn Văn Nhơn	Nhà Phan Văn Bồn	Nhà Nguyễn Văn Nhơn			0,065			Nhà Phan Văn Bồn	Nhà Nguyễn Văn Nhơn			0,065			
6	Tuyến đường Từ Nhà Trần Thị Cúc - Nhà Phạm Thị Lệ	Nhà Trần Thị Cúc	Nhà Phạm Thị Lệ			0,117			Nhà Trần Thị Cúc	Nhà Phạm Thị Lệ			0,117			
7	Tuyến đường từ Nhà Trần Thị Cúc - Giáp đường Bê tông vô Bờ Ca	Nhà Trần Thị Cúc	Giáp đường Bê tông vô Bờ Ca			0,098			Nhà Trần Thị Cúc	Giáp đường Bê tông vô Bờ Ca			0,098			
8	Tuyến từ Cầu Cù Lâm - Trại ông Ngô	Cầu Cù Lâm	Trại ông Ngô			0,380			Cầu Cù Lâm	Trại ông Ngô			-			Không thực hiện
9	Tuyến giáp đường Bê tông - Ruộng Huỳnh Thị Kim Tuyến	Giáp đường Bê Tông	Ruộng Huỳnh Thị Kim Tuyến			0,050			Giáp đường Bê Tông	Ruộng Huỳnh Thị Kim Tuyến			0,050			
10	Tuyến giáp Bê tông má ông Hải - Vùng ruộng Đập Thượng	Giáp Bê tông má ông Hải	Vùng ruộng Đập Thượng			0,200			Giáp Bê tông má ông Hải	Vùng ruộng Đập Thượng			-			Không thực hiện
11	Tuyến đường từ Nhà ông Lê Xuân Ân - Nhà Phạm Thị Yến	Nhà ông Lê Xuân Ân	Nhà Phạm Thị Yến			0,100			Nhà ông Lê Xuân Ân	Nhà Phạm Thị Yến			-			Không thực hiện
12	Tuyến từ đường ĐT 638 - Nhà Hồ Văn Vương	Đường ĐT 638	Nhà Hồ Văn Vương			0,105			Đường ĐT 638	Nhà Hồ Văn Vương			-			Không thực hiện
13	Tuyến Giáp đường Bê tông - Nhà Phạm Đức Lộc	Giáp đường Bê Tông	Nhà Phạm Đức Lộc			0,031			Giáp đường Bê Tông	Nhà Phạm Đức Lộc			-			Không thực hiện
14	Tuyến giáp đường Bê tông - Nhà Phạm Văn Hùng	Giáp đường Bê Tông	Nhà Phạm Văn Hùng			0,025			Giáp đường Bê Tông	Nhà Phạm Văn Hùng			-			Không thực hiện
15	Tuyến Từ Nhà Lương Tám - Ruộng Nguyễn Văn Sự	Nhà Lương Tám	Ruộng Nguyễn Văn Sự			0,045			Nhà Lương Tám	Ruộng Nguyễn Văn Sự			-			Không thực hiện
16	Tuyến từ Cầu Nghĩa Trang - Ruộng Lương Thị Út	Cầu Nghĩa Trang t	Ruộng Lương Thị Út			0,450			Cầu Nghĩa Trang t	Ruộng Lương Thị Út			-			Không thực hiện
17	Tuyến từ Nhà Phạm Đức Thừa - Ruộng dự phòng	Nhà Phạm Đức Thừa	Ruộng dự phòng			0,075			Nhà Phạm Đức Thừa	Ruộng dự phòng			-			Không thực hiện

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
18	Tuyến từ Cầu ông Phan - Ruộng Phạm Hoà	Cầu ông Phan	Ruộng Phạm Hoà			0,294			Cầu ông Phan	Ruộng Phạm Hoà			0,294			
19	Tuyến từ Bê tông khu 14 - Đám ruộng diêm	Bê tông khu 14	Đám ruộng diêm			0,105			Bê tông khu 14	Đám ruộng diêm			0,105			
20	Tuyến từ Cầu Lò gạch - Gò ông Bán	Cầu Lò gạch	Gò ông Bán			0,250			Cầu Lò gạch	Gò ông Bán			0,250			
21	Tuyến từ Nhà Dương Văn Toàn - Ruộng Trình Văn Mai	Nhà Dương Văn Toàn	Ruộng Trình Văn Mai			0,101			Nhà Dương Văn Toàn	Ruộng Trình Văn Mai			-			Không thực hiện
22	Tuyến giáp đường Bê tông - Trại ông Nguyễn Văn Bảy	Giáp đường Bê tông	Trại ông Mai Văn Bảy			0,120			Giáp đường Bê tông	Trại ông Mai Văn Bảy			-			Không thực hiện
VI	XÃ NHƠN TÂN			8,224	3,000	5,224	0,000	0,000			5,152	1,558	3,594	0,000	0,000	
1	Tuyến từ nhà ông Phan Văn Thái đến nhà ông Trần Ngọc Thành	Nhà ông Phan Văn Thái	Nhà ông Trần Ngọc Thành			0,200			Nhà ông Phan Văn Thái	Nhà ông Trần Ngọc Thành			0,200			
2	Tuyến đường Từ ngõ ông Đoàn Văn Đức đến nhà ông Dương Kỳ	Ngõ ông Đoàn Văn Đức	Nhà ông Dương Kỳ			0,120			Ngõ ông Đoàn Văn Đức	Nhà ông Dương Kỳ			0,120			
3	Tuyến từ nhà ông Đoàn Văn Xuân đến nhà ông Trần Quang Công	Nhà ông Đoàn Văn Xuân	Nhà ông Trần Quang Công			0,120			Nhà ông Đoàn Văn Xuân	Nhà ông Trần Quang Công			0,120			
4	Tuyến từ nhà ông Phạm Nhất Tính giáp đường bê tông ngõ ông Nguyễn Văn Đàn	Nhà ông Phạm Nhất Tính	Ngõ ông Nguyễn Văn Đàn			0,200			Nhà ông Phạm Nhất Tính	Ngõ ông Nguyễn Văn Đàn			0,200			
5	Tuyến từ ngõ Lê Thị Hoa đến nhà cũ ông Hà Đầy	Ngõ Lê Thị Hoa	Nhà cũ ông Hà Đầy			0,064			Ngõ Lê Thị Hoa	Nhà cũ ông Hà Đầy			0,064			
6	Tuyến từ đường Quế Châu đến Võ Hoàng Tinh	Đường Quế Châu	Võ Hoàng Tinh			0,035			Đường Quế Châu	Võ Hoàng Tinh			0,035			
7	Tuyến từ Quốc lộ 19 đến nương TX 2	Quốc lộ 19	Mương TX 2			0,100			Quốc lộ 19	Mương TX 2			0,100			
8	Tuyến từ đường ĐH 36 nhà ông Nguyễn Chí Tâm đến nhà bà Cao Thị Chính	Đường ĐH 36 nhà ông Nguyễn Chí Tâm	Nhà bà Cao Thị Chính			0,350			Đường ĐH 36 nhà ông Nguyễn Chí Tâm	Nhà bà Cao Thị Chính			0,350			
9	Tuyến đường từ bê tông Phúc Hậu đến nhà ông Lê Quang Minh	Bê tông Phúc Hậu	Nhà ông Lê Quang Minh			0,030			Bê tông Phúc Hậu	Nhà ông Lê Quang Minh			0,030			
10	Từ đường bê tông đến nhà ông Trần Thông	giáp đường bê tông	Nhà ông Trần Thông			0,100			giáp đường bê tông	Nhà ông Trần Thông			0,050			Điều chỉnh giảm chiều dài
11	Từ đường bê tông đến nhà ông Bạch Văn Thành	giáp đường bê tông	Nhà ông Bạch Văn Thành			0,030			giáp đường bê tông	Nhà ông Bạch Văn Thành			-			Không thực hiện
12	Từ đường bê tông đến nhà ông Bạch Xuân Vương	Đường bê tông	Nhà ông Bạch Xuân Vương			0,040			Đường bê tông	Nhà ông Bạch Xuân Vương			-			Không thực hiện
13	Tuyến Từ Đường Đá Mài đến nhà ông Nguyễn Quang Tư	Đường Đá Mài	Nhà ông Nguyễn Quang Tư			0,200			Đường Đá Mài	Nhà ông Nguyễn Quang Tư			-			Không thực hiện
14	Xây dựng bê tông giao tông từ bê tông Đồng Hứa đến Thọ Tân Nam	Bê tông Đồng Hứa	Thọ Tân Nam		1,000				Bê tông Đồng Hứa	Thọ Tân Nam		-				Không thực hiện
15	Tuyến từ cuối bê tông Đồng Hứa từ nhà ông Lê Ngọc Hòa đến giáp nhà ông Phạm Số Bảy	Cuối bê tông Đồng Hứa nhà ông Lê Ngọc Hòa	Nhà ông Phạm Số Bảy			0,300			Cuối bê tông Đồng Hứa nhà ông Lê Ngọc Hòa	Nhà ông Phạm Số Bảy			0,300			

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
16	Tuyến từ bê tông Đá Bàn đến trại ông Văn Đình Tới	Bê tông Đá Bàn	Trại ông Văn Đình Tới			0,400			Bê tông Đá Bàn	Trại ông Văn Đình Tới			0,400			
17	Tuyến từ bê tông Đá Bàn đến nhà ông Hồ Văn Cư	Bê tông Đá Bàn	Nhà ông Hồ Văn Cư			0,025			Bê tông Đá Bàn	Nhà ông Hồ Văn Cư			0,025			
18	Tuyến từ bê tông Đá Bàn đến nhà ông Hồ Viết	Bê tông Đá Bàn	Nhà ông Hồ Viết			0,300			Bê tông Đá Bàn	Nhà ông Hồ Viết			0,300			
19	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông xóm Bò Cạp kết nối xóm Xuân Điền từ nhà ông Võ Văn Nhơn đến nhà ông Võ Đình Tú	Đường giao thông xóm Bò Cạp nhà ông Võ Văn Nhơn	Nhà ông Võ Đình Tú		1,000				Đường giao thông xóm Bò Cạp nhà ông Võ Văn Nhơn	Nhà ông Võ Đình Tú		0,895				Điều chỉnh giảm chiều dài
20	Đoạn từ đầu cầu bà Khách đến nương chính Hồ Núi 1	Đầu cầu bà Khách	Mương chính Hồ Núi 1			1,000			Đầu cầu bà Khách	Mương chính Hồ Núi 1			1,000			
21	Tuyến Từ nhà ông Lê Văn Cháp đến Đồng Cò Ống	Nhà ông Lê Văn Cháp	Đồng Cò Ống			0,300			Nhà ông Lê Văn Cháp	Đồng Cò Ống			0,300			
22	Tuyến từ nhà ông Lê Văn Tất đến nương khai Đá Mài	Nhà ông Lê Văn Tất	Mương khai Đá Mài			0,320			Nhà ông Lê Văn Tất	Mương khai Đá Mài			-			Không thực hiện
23	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Văn An đến soi ông Chương	Nhà ông Nguyễn Văn An	Soi ông Chương			0,700			Nhà ông Nguyễn Văn An	Soi ông Chương			-			Không thực hiện
24	Tuyến từ cống cấp 3 kênh N2 đến hết đồng Đá Mài	Cống cấp 3 kênh N2	Hết đồng Đá Mài			0,290			Cống cấp 3 kênh N2	Hết đồng Đá Mài			-			Không thực hiện
25	Xây dựng đường đi vào nghĩa trang Nam An Nhơn (giai đoạn 1)	Quốc lộ 19	Nghĩa trang Nam An Nhơn		1,000				Quốc lộ 19	Nghĩa trang Nam An Nhơn		0,663				Điều chỉnh giảm chiều dài
VII XÃ NHƠN KHÁNH				2,814	0,000	2,814	0,000	0,000			2,814	0,000	2,814	0,000	0,000	
1	BTXM đường trục thôn An Hòa	Trạm bơm xóm 12	Nhánh rẽ nhà Võ Văn Anh xóm 12			0,284			Trạm bơm xóm 12	Nhánh rẽ nhà Võ Văn Anh xóm 12			0,284			
2	Đường trục thôn An Hòa	Ao cá xóm 2	Đường bê tông trước nhà Trần Yên xóm 11			0,648			Ao cá xóm 2	Đường bê tông trước nhà Trần Yên xóm 11			0,648			
3	Đường nội đồng thôn Khánh Hòa	Đường Ngõ Minh Triển	Nhà sinh hoạt xóm 10			0,121			Đường Ngõ Minh Triển	Nhà sinh hoạt xóm 10			0,121			
4	Tuyến đường nội đồng thôn Khánh Hòa	Xi phong tuyến mương cấp 1 xóm 10	Bờ vùng ao cá xóm 2			0,574			Xi phong tuyến mương cấp 1 xóm 10	Bờ vùng ao cá xóm 2			0,574			
5	Đường nội đồng thôn Quan Quang	Nhã ba nhà Hà Ngọc Anh	Khu dân cư trung tâm xã			0,277			Nhã ba nhà Hà Ngọc Anh	Khu dân cư trung tâm xã			0,277			
6	Bê tông xi măng nội đồng	Cổng Xung phong	Đường trục Đông - Tây			0,280			Cổng Xung phong	Đường trục Đông - Tây			0,280			
7	Bê tông xi măng nội đồng	Bê tông trước nhà Huỳnh Văn Cẩm xóm 2	Đám ngô Tá			0,380			Bê tông trước nhà Huỳnh Văn Cẩm xóm 2	Đám ngô Tá			0,380			

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
8	Bê tông xi măng nội đồng	Bê tông trước nhà Huỳnh Văn Lượng xóm 11	Soi bờ tời			0,250			Bê tông trước nhà Huỳnh Văn Lượng xóm 11	Soi bờ tời			0,250			
VIII	XÃ NHƠN HẬU			0,281	0,000	0,200	0,081	0,000			0,202	0,000	0,185	0,017	0,000	
1	Tiếp giáp BTXM - Nhà bà Bùi Thị Gái (Thiết Trụ)	Tiếp giáp BTXM	Nhà Bà Bùi Thị Gái				0,064		Tiếp giáp BTXM	Nhà Bà Bùi Thị Gái				-		Không thực hiện
2	Tiếp giáp BTXM - Nhà ông Chính (Thiết Trụ)	Tiếp giáp BTXM	Nhà ông Chính				0,017		Tiếp giáp BTXM	Nhà ông Chính				0,017		
3	Tiếp giáp BTXM - Nhà ông Nguyễn Dũng Hòa (Bắc Nhạn Thấp)	Tiếp giáp BTXM	Nhà ông Nguyễn Dũng Hòa			0,060			Tiếp giáp BTXM	Nhà ông Nguyễn Dũng Hòa			0,045			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Nhà ông Nguyễn Thanh Bình - nhà ông Nguyễn Văn Nhị	Nhà ông Nguyễn Thanh Bình	Nhà ông Nguyễn Văn Nhị			0,140			Nhà ông Nguyễn Thanh Bình	Nhà ông Nguyễn Văn Nhị			0,140			
IX	PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH			0,500	0,000	0,500	0,000	0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1	Đường BTXM tổ 3 Kim Châu	Đường Tăng Bat Hồ	Vùng ruộng tổ 3			0,500			Đường Tăng Bat Hồ	Vùng ruộng tổ 3			-			Không thực hiện
X	PHƯỜNG NHƠN HƯNG			0,222	0,000	0,000	0,222	0,000			0,085	0,000	0,000	0,085	0,000	
1	Đường bê tông giao thông phường Nhơn Hưng, tuyến: Nhà bà Vân - Nhà ông Đậu	Nhà bà Vân	Nhà ông Đậu				0,085		Nhà bà Vân	Nhà ông Đậu				0,085		
2	Đường bê tông giao thông phường Nhơn Hưng, tuyến: Nhà ông Mơi - Nhà ông Hà	Nhà ông Mơi	Nhà ông Hà				0,137		Nhà ông Mơi	Nhà ông Hà				-		Không thực hiện
XI	PHƯỜNG NHƠN HOÀ			1,782	0,080	1,468	0,085	0,149			1,051	0,080	0,737	0,085	0,149	
1	Đường từ BTXM đến nhà ông Hà Văn Mật	Đường BTXM	Nhà ông Hà Văn Mật			0,095			Đường BTXM	Nhà ông Hà Văn Mật			0,090			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Đường từ BTXM đến nhà ông Nguyễn Văn Hải	Đường BTXM	Nhà ông Nguyễn Văn Hải			0,025			Đường BTXM	Nhà ông Nguyễn Văn Hải			0,024			Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Đường từ BTXM đến nhà ông Phạm Đình Điệp	Đường BTXM	Nhà ông Phạm Đình Điệp			0,035			Đường BTXM	Nhà ông Phạm Đình Điệp			0,030			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Đường từ Lê Quý Đôn đến nhà Lê Văn Hạnh	Đường Lê Quý Đôn	Nhà Lê Văn Hạnh			0,090			Đường Lê Quý Đôn	Nhà Lê Văn Hạnh			0,090			
5	Đường từ BTXM đến nhà Tạ Hồng Quân	Đường BTXM	Nhà Tạ Hồng Quân				0,055		Đường BTXM	Nhà Tạ Hồng Quân				0,055		
6	Đường từ BTXM đến nhà Nguyễn Duy Hùng	Đường BTXM	Nhà Nguyễn Duy Hùng				0,030		Đường BTXM	Nhà Nguyễn Duy Hùng				0,030		
7	Đường từ BTXM đến nhà Nguyễn Chùng	Đường BTXM	Nhà Nguyễn Chùng			0,248			Đường BTXM	Nhà Nguyễn Chùng			0,248			
8	Đường từ BTXM đến nhà Nguyễn Thị Thu Thảo	Đường BTXM	Nhà Nguyễn Thị Thu Thảo					0,149	Đường BTXM	Nhà Nguyễn Thị Thu Thảo					0,149	
9	Đường từ Nhà ông Khải đến nhà ông Tích	Nhà ông Khải	Nhà ông Tích			0,066			Nhà ông Khải	Nhà ông Tích			0,066			

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
10	Đường từ Quốc lộ 19 đến nhà ông Tiến	Quốc lộ 19	Nhà ông Tiến		0,080				Quốc lộ 19	Nhà ông Tiến		0,080				
11	Đường từ nhà bà Hạnh đến nhà ông Hùng	Nhà bà Hạnh	Nhà ông Hùng			0,050			Nhà bà Hạnh	Nhà ông Hùng			0,050			
12	Đường BTXM đến miếu xóm Đông	Đường BTXM	Miếu xóm Đông			0,040			Đường BTXM	Miếu xóm Đông			0,040			
13	Đường BTXM đến miếu xóm Tây	Đường BTXM	Miếu xóm Tây			0,060			Đường BTXM	Miếu xóm Tây			0,060			
14	Đường Lê Quý Đôn đến nhà bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Đường Lê Quý Đôn	Nhà bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt			0,039			Đường Lê Quý Đôn	Nhà bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt			0,039			
15	Đường từ nhà bà Trần Thị Cúc đến nhà bà Nguyễn Thị Ánh	Nhà bà Trần Thị Cúc	Nhà bà Nguyễn Thị Ánh			0,065			Nhà bà Trần Thị Cúc	Nhà bà Nguyễn Thị Ánh			-			Không thực hiện
16	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Toan đến nhà ông Trần Đình Chiến	Nhà ông Nguyễn Văn Toan	Nhà ông Trần Đình Chiến			0,215			Nhà ông Nguyễn Văn Toan	Nhà ông Trần Đình Chiến			-			Không thực hiện
17	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Hoa đến nhà bà Trần Thị Vân	Nhà bà Nguyễn Thị Hoa	Nhà bà Trần Thị Vân			0,035			Nhà bà Nguyễn Thị Hoa	Nhà bà Trần Thị Vân			-			Không thực hiện
18	Đường từ nhà bà Mỹ đến nhà ông Đồng	Từ nhà bà Mỹ	Nhà ông Đồng			0,120			Từ nhà bà Mỹ	Nhà ông Đồng			-			Không thực hiện
19	Đường từ nhà ông Khánh đến nhà bà Phúc	Nhà ông Khánh	Nhà bà Phúc			0,130			Nhà ông Khánh	Nhà bà Phúc			-			Không thực hiện
20	Đường từ nhà ông Phương đến nhà ông Hồng	Từ nhà ông Phương	Nhà ông Hồng			0,155			Từ nhà ông Phương	Nhà ông Hồng			-			Không thực hiện
XII	PHƯỜNG NHƠN THÀNH			2,760	0,000	2,680	0,000	0,080			1,672	0,000	1,672	0,000	0,000	
1	Tuyến BTXM GTNT từ QL19B (nhà ông Phở) đến nhà ông Hà Văn Công	QL19B (nhà ông Phở)	Nhà ông Hà Văn Công			0,200			QL19B (nhà ông Phở)	Nhà ông Hà Văn Công			0,194			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Tuyến BTXM GTNT từ BTXM hiện trạng đến Đám cửa hổ (Lê Văn Luân)	BTXM hiện trạng	Đám cửa hổ			0,700			BTXM hiện trạng	Đám cửa hổ			0,697			Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Tuyến giao thông nội đồng từ Đám ruộng ông Kiếm đến đám ruộng ông Nguyễn Văn Bá	Đám ruộng ông Kiếm	Đám ruộng ông Nguyễn Văn Bá			0,310			Đám ruộng ông Kiếm	Đám ruộng ông Nguyễn Văn Bá			0,306			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Tuyến giao thông nội đồng từ nhà ông Bùi Văn Phú đến giáp đường bê tông nhà ông Trần Đình Phong	Ông Bùi Văn Phú	Nhà ông Trần Đình Phong			0,130			Ông Bùi Văn Phú	Nhà ông Trần Đình Phong			0,129			Điều chỉnh giảm chiều dài
5	Tuyến BTXM GTNT nhà bà Nhẫn đến nhà bà Cẩm	Nhà bà Nhẫn	Nhà bà Cẩm			0,170			Nhà bà Nhẫn	Nhà bà Cẩm			-			Không thực hiện
6	Tuyến BTXM GTNT hẻm 01 đường Ngõ Tắt Tổ	BXM hiện trạng	Nhà ông Phong			0,140			BXM hiện trạng	Nhà ông Phong			0,108			Điều chỉnh giảm chiều dài
7	Tuyến BTXM GTNT từ dừng Nguyễn Văn Trỗi đến nhà bà Thuộc	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Nhà bà Thuộc					0,080	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Nhà bà Thuộc					-	Không thực hiện
8	Tuyến BTXM GTNT từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến khu dân cư gần chợ Gò Găng	Đường Nguyễn Văn Trỗi	KDC gần chợ Gò Găng			0,080			Đường Nguyễn Văn Trỗi	KDC gần chợ Gò Găng			0,035			Điều chỉnh giảm chiều dài
9	Xây dựng BTXM GTNT tuyến đường từ trường Bình Dân đến nhà ông Mai Đức Thành	Trường Bình Dân	Nhà ông Mai Đức Thành			0,070			Trường Bình Dân	Nhà ông Mai Đức Thành			-			Không thực hiện
10	Xây dựng BTXM GTNT tuyến đường từ nhà Mai Kỳ Phùng đến trụ sở khu vực Vĩnh Phú	Nhà Mai Kỳ Phùng	Trụ sở khu vực Vĩnh Phú			0,160			Nhà Mai Kỳ Phùng	Trụ sở khu vực Vĩnh Phú			0,107			Điều chỉnh giảm chiều dài

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
11	Xây dựng BTXM GTNT tuyến đường từ đường BTXM hiện trạng nhà ông Mót và nhà ông Dương Thanh Dũng	BTXM hiện trạng	Nhà ông Mót và nhà ông Dũng			0,110			BTXM hiện trạng	Nhà ông Mót và nhà ông Dũng			0,096			Điều chỉnh giảm chiều dài
12	Tuyến Đường BTXM GTNT từ Trỏ sa đến Miếu Trung đám ruộng ông Nghiệp	Trỏ sa đến Miếu Trung	Ruộng ông Nghiệp			0,300			Trỏ sa đến Miếu Trung	Ruộng ông Nghiệp			-			Không thực hiện
13	Tuyến Đường BTXM GTNT Nhà ông Dũng đến Nhà ông Thành	Nhà ông Dũng	Nhà ông Thành			0,170			Nhà ông Dũng	Nhà ông Thành			-			Không thực hiện
14	Tuyến Đường BTXM GTNT đoạn từ Nhà ông Phường đến khu dân cư tổ 6 khu vực Lý Tây	Nhà ông Phường	Cư tổ 6 khu vực Lý Tây			0,140			Nhà ông Phường	Cư tổ 6 khu vực Lý Tây			-			Không thực hiện
Tổng cộng :				32,374	3,080	28,677	0,388	0,229			25,110	1,638	23,136	0,187	0,149	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

32,374	Km	25,110	Km
3,080	Km	1,638	Km
28,677	Km	23,136	Km
0,388	Km	0,187	Km
0,229	Km	0,149	Km
5.052,919	Tấn	3.893,893	Tấn
609,840	Tấn	324,324	Tấn
4.387,581	Tấn	3.539,808	Tấn
37,636	Tấn	18,139	Tấn
17,862	Tấn	11,622	Tấn

PHỤ LỤC I.03: HOÀI ÂN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN HOÀI ÂN
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C		Loại D
I	XÃ AN HẢO TÂY			0,540	0,000	0,540	0,000	0,000			0,540	0,000	0,540	0,000	0,000	
1	Tuyến đường từ xóm Tranh đến Hồ Cút thôn Vạn Trung	Xóm Tranh	Hồ Cút			0,540			Xóm Tranh	Hồ Cút			0,540			
II	XÃ AN NGHĨA			1,825	0,000	1,825	0,000	0,000			1,825	0,000	1,825	0,000	0,000	
1	Tuyến từ nhà ông Cường đến đường nội đồng	Nhà ông Cường	Đường nội đồng			0,340			Nhà ông Cường	Đường nội đồng			0,340			
2	Tuyến từ nhà bà Hạng đến Đá Đen	Nhà bà Hạng	Đá Đen			0,500			Nhà bà Hạng	Đá Đen			0,500			
3	Tuyến từ nhà ông Nguyễn đến Đá Hạng	Nhà ông Nguyễn	Đá Hạng			0,130			Nhà ông Nguyễn	Đá Hạng			0,130			
4	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Phi	Đường Chính	Nhà ông Phi			0,030			Đường Chính	Nhà ông Phi			0,030			
5	Từ mương HTX đến ngã 3 xóm Gò Chò	Từ mương	Gò Chò			0,060			Từ mương	Gò Chò			0,060			
6	Tuyến từ nhà cộng đồng đến đồng lớn	Nhà Cộng Đồng	Đồng Lớn			0,245			Nhà Cộng Đồng	Đồng Lớn			0,245			
7	Tuyến từ đường huyện đến Cây Ké	Đường huyện	Cây Ké			0,160			Đường huyện	Cây Ké			0,160			
8	Tuyến từ đường huyện đến Suối Trầu	Đường huyện	Suối Trầu			0,120			Đường huyện	Suối Trầu			0,120			
9	Tuyến từ đường lộ nhà Thạch đến Hồ Tung	Nhà Thạch	Hồ Tung			0,240			Nhà Thạch	Hồ Tung			0,240			
III	XÃ AN TUỞNG ĐÔNG			0,895	0,000	0,275	0,620	0,000			0,645	0,000	0,275	0,370	0,000	
1	BTXM từ ĐT 638 đến nhà ông Hồ Minh Đức	ĐT 638	Nhà ông Đức				0,250		ĐT 638	Nhà ông Đức				-		Không thực hiện
2	BTXM từ nhà ông Cường đến nhà ông Trần Thanh Sơn	Nhà ông Cường	Nhà ông Sơn			0,275			Nhà ông Cường	Nhà ông Sơn			0,275			
3	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Luận	Ruộng ông Ly	Nhà ông Luận				0,120		Ruộng ông Ly	Nhà ông Luận				0,120		
4	BTXM từ nhà ông Đào Xuân Vi đến nhà ông Thịnh	Nhà ông Vi	Nhà ông Thịnh				0,050		Nhà ông Vi	Nhà ông Thịnh				0,050		
5	BTXM từ đường nội đồng đến nhà ông Luyến	Ruộng ông Tin	Nhà ông Luyến				0,200		Ruộng ông Tin	Nhà ông Luyến				0,200		
IV	XÃ AN ĐỨC			1,290	0,000	1,140	0,150	0,000			1,847	0,000	1,140	0,707	0,000	
1	BTXM từ đường BT đến nhà ông Dư Thôn Gia Trị	BTXM	Nhà ông Dư			0,200			BTXM	Nhà ông Dư			0,200			
2	BTXM từ đường BT đến nhà ông Hoàng thôn Gia Trị	BTXM	Nhà ông Hoàng			0,060			BTXM	Nhà ông Hoàng			0,060			
3	BTXM từ nhà ông Luận tới nhà ông Hảo	Nhà ông Luận	Nhà Ông Hảo			0,480			Nhà ông Luận	Nhà Ông Hảo			0,480			
4	BTXM từ Nhà ông Mạnh đến Nghĩa Địa thôn Vĩnh Hòa	Nhà ông Mạnh	Nghĩa Địa			0,400			Nhà ông Mạnh	Nghĩa Địa			0,400			
5	BTXM từ nhà ông Hải đến nhà bà A	Ông Hải	Bà A				0,150		Ông Hải	Bà A				-		Không thực hiện
6	Tuyến đường từ nhà bà Sô đến gò cây Trâm thôn Phú Thuận								Nhà bà Sô	Gò Cây Trâm				0,230		Bổ sung mới
7	Tuyến đường từ BTXM đến nhà ông Nguyễn Ánh thôn Vĩnh Hòa								BTXM	Nhà ông Ánh				0,054		Bổ sung mới
8	Tuyến đường từ BTXM đến nhà ông Kiệp thôn Vĩnh Hòa								BTXM	Nhà ông Kiệp				0,130		Bổ sung mới
9	Tuyến đường từ BTXM đến nhà bà Diệu thôn Vĩnh Hòa								BTXM	Nhà bà Diệu				0,081		Bổ sung mới
10	Tuyến đường từ BTXM đến nhà ông Cường thôn Vĩnh Hòa								BTXM	Nhà ông Cường				0,091		Bổ sung mới
11	Tuyến đường từ BTXM đến nhà ông Hậu thôn Vĩnh Hòa								BTXM	Nhà ông Hậu				0,062		Bổ sung mới
12	Tuyến đường từ BTXM đến nhà ông Hiệp thôn Vĩnh Hòa								BTXM	Nhà ông Hiệp				0,059		Bổ sung mới
V	XÃ HAO ĐÔNG			1,050	0,000	1,050	0,000	0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1	Từ mương cấp I đến nghĩa địa đồng bé Hội Trung	Mương cấp I	Nghĩa địa Đồng Bé			0,500			Mương cấp I	Nghĩa địa Đồng Bé			0,000			Không thực hiện
2	Từ nhà ông Thường đến nhà ông Sáu	Nhà ông Thường	Nhà ông Sáu			0,550			Nhà ông Thường	Nhà ông Sáu			0,000			Không thực hiện
Tổng cộng :				5,600	0,000	4,830	0,770	0,000			4,857	0,000	3,780	1,077	0,000	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ	5,600 Km	4,857 Km
- Đường GTNT loại A:	0,000 Km	0,000 Km
- Đường GTNT loại B:	4,830 Km	3,780 Km
- Đường GTNT loại C:	0,770 Km	1,077 Km
- Đường GTNT loại D:	0,000 Km	0,000 Km
2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:	813,680 Tấn	682,809 Tấn
- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km	0,000 Tấn	0,000 Tấn
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km	738,990 Tấn	578,340 Tấn
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km	74,690 Tấn	104,469 Tấn
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km	0,000 Tấn	0,000 Tấn

PHỤ LỤC I.04: HOÀI NHƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - THỊ XÃ HOÀI NHƠN
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	PHƯỜNG BÔNG SƠN			2,041	0,000	0,803	1,238	0,000			2,041	0,000	0,803	1,238	0,000	
1	Đường BTXM khu phố Thiết Đỉnh Bắc Tuyến từ nhà ông A đến nhà ông Ninh	Nhà ông A	Nhà ông Ninh			0,446			Nhà ông A	Nhà ông Ninh			0,446			
2	Đường BTXM khu phố Thiết Đỉnh Bắc Hạng mục: + Tuyến từ nhà ông Bàng đến nhà ông Tiếp, L= 169m; + Tuyến từ đường Mai Dương đến đường Võ Văn Dũng, L=188m	Nhà ông Bang, Đường Mai Dương	Nhà ông Tiếp Đường Võ Văn Dũng			0,357			Nhà ông Bang, Đường Mai Dương	Nhà ông Tiếp Đường Võ Văn Dũng			0,357			
3	Đường BTXM khu phố Thiết Đỉnh Bắc Hạng mục: + Tuyến từ nhà ông Châu đến nhà ông Thống và ông Chương ông Mười, L==304m; + Tuyến từ nhà ông Quốc đến nhà ông Đảnh và nhà ông Tâm, ông Đầu, ông Bền, L= 402m	Nhà ông Châu Nhà ông Quốc	Nhà ông Thống và ông Chương, ông Mười Nhà ông Đảnh và ông Tâm, ông Đầu, ông Bền				0,706		Nhà ông Châu Nhà ông Quốc	Nhà ông Thống và ông Chương, ông Mười Nhà ông Đảnh và ông Tâm, ông Đầu, ông Bền				0,706		
4	Đường BTXM khu phố 1 Hạng mục: + Tuyến từ đường Nguyễn Đình Thi nhà ông Lương đến nhà ông Lê Thoại: 141,5m; + Tuyến từ đường Nguyễn Khuyến nhà ông Quyền đến đường Nguyễn Đình Thi nhà bà Nga: 170,5m; + Tuyến từ Nhà bà Tường đến nhà ông Đam: 80,0m; + Tuyến từ nhà bà Phương đến nhà ông Toàn: 140,0m.	Nhà ông Lương Nhà ông Quyền Nhà bà Tường Nhà bà Phương	Nhà ông Thoại Nhà bà Nga Nhà ông Đam Nhà ông Toàn				0,532		Nhà ông Lương Nhà ông Quyền Nhà bà Tường Nhà bà Phương	Nhà ông Thoại Nhà bà Nga Nhà ông Đam Nhà ông Toàn				0,532		
II	XÃ HOÀI CHÂU			0,792	0,000	0,199	0,374	0,219			0,679	0,000	0,199	0,261	0,219	
1	Tuyến đường từ ngõ Tùng - Ngõ Phúc, ngõ Ngộ - Ngõ Trọng, ngõ Toàn - Ngõ Việt, ngõ Khá - Ngõ Vải	Ngõ Tùng	Ngõ Vải			0,199			Ngõ Tùng	Ngõ Vải			0,199			
2	Tuyến đường từ ngõ Tỉnh - Ruộng Giỏi, ĐT638 - Ngõ Lan, ĐH11 - Ngõ Giỏi, ngõ Giỏi - Ngõ Trung, ngõ Hóp - Ngõ Hương, ngõ Lắm - Ngõ Nhát, ngõ Chúng - Ngõ Trầm	ĐT 638	Ngõ Trầm				0,374		ĐT 638	Ngõ Trầm				0,261		Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Tuyến đường từ ĐH 11 - Ngõ Hùng, ngõ Phương - Ngõ Chuyên, ngõ Ngừ - Sân thể thao, Ngõ Duyên	ĐH 11	Ngõ Duyên					0,219	ĐH 11	Ngõ Duyên					0,219	
III	PHƯỜNG HOÀI ĐỨC			1,996	0,000	1,398	0,226	0,372			1,334	0,000	1,143	0,000	0,191	
1	Đường giao thông khu phố Định Bình Nam	Nhà ông Đỗ Quá	Nhà ông Lê Văn Phú			0,255			Nhà ông Đỗ Quá	Nhà ông Lê Văn Phú			-			Không thực hiện
2	Đường giao thông khu phố Định Bình	Nhà ông Trần Văn Tùng	Nhà bà Võ Thị Thuý Kiều					0,191	Nhà ông Trần Văn Tùng	Nhà bà Võ Thị Thuý Kiều					0,191	
3	Đường giao thông khu phố Diễn Khánh	Nhà bà Nguyễn Thị Tư	Nhà ông Trần Văn Độ					0,181	Nhà bà Nguyễn Thị Tư	Nhà ông Trần Văn Độ				-		Không thực hiện
4	Đường giao thông khu phố Lại Khánh Nam	Nhà bà Đặng Thị Ngọc Sứ	Nhà ông Trần Đình Theo				0,167		Nhà bà Đặng Thị Ngọc Sứ	Nhà ông Trần Đình Theo				-		Không thực hiện
5	Đường giao thông khu phố Lại Khánh Nam	Nhà ông Đào Xuân Ngọc	Nhà ông Lê Thành Tốt				0,059		Nhà ông Đào Xuân Ngọc	Nhà ông Lê Thành Tốt				-		Không thực hiện
6	Đường trục chính nội đồng Văn Cang đến Lại Đức	Nhà ông Đặng Tầu	Đường Tôn Thất Tùng			1,143			Nhà ông Đặng Tầu	Đường Tôn Thất Tùng			1,143			
IV	XÃ HOÀI HAI			0,677	0,000	0,078	0,514	0,085			0,983	0,000	0,406	0,492	0,085	
1	Đường xóm, liên gia (Loại B: Võ Mỗn giáp kè 26,5m, Nhà Hiền giáp kè 25m, nhà Trinh giáp kè 26,5m).	Kim Bắc	Diêu Quang			0,078			Kim Bắc	Diêu Quang			0,078			
2	Đường xóm, liên gia Loại C: Nhà Nhật giáp kè 21,5m, Nhà Hiền giáp kè 22m, Nhà Trại giáp kè 22m, Nhà Phơ giáp kè 24, nhà Cường giáp đường BTXM ra lăng vạn 225m, Nhà Trường giáp đường BTXM Mũi Gành 16m, Nhà Yển giáp đường BTXM Mũi Gành 14m, Nhà Ngàn giáp đường BTXM Mũi Gành 27m, Nhà Ngàn -Nhà Mỹ 61m, Nhà Chinh -Nhà Hùng 60m, nhà Cầu-nhà Móng 21,5m.	Kim Bắc	Diêu Quang				0,514		Kim Bắc	Diêu Quang				0,492		Điều chỉnh giảm chiều dài

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
3	Đường xóm, liên gia Loại D: Nhà Thanh giáp kè 25m, nhà Hùng giáp kè 25m, Nhà Mỹ-nhà Ngàn 20m, Nhà Danh -nhà Đùm15m).	Kim Bắc	Điều Quang					0,085	Kim Bắc	Điều Quang					0,085	
4	Tuyến đường giao thông nội bộ khu du lịch Bãi Con								Gành Hoài Hải	Nhà Bà Ninh			0,328			Bổ sung mới
V	PHƯỜNG HOÀI HẢO			3,468	0,000	3,468	0,000	0,000			3,468	0,000	3,468	0,000	0,000	
1	Tuyến từ nhà Thích - Ngõ Tuy	Nhà Thính	Ngõ Tuy			0,150			Nhà Thính	Ngõ Tuy			0,150			
2	Tuyến từ nhà Âu - Ngõ Chát	Nhà Âu	Ngõ Chát			0,125			Nhà Âu	Ngõ Chát			0,125			
3	Tuyến từ nhà Tâm - Ngõ Bích	Nhà Tâm	Ngõ Bích			0,235			Nhà Tâm	Ngõ Bích			0,235			
4	Giáp bê tông đến Ngõ Hào	Bê tông	Ngõ Hào			0,360			Bê tông	Ngõ Hào			0,360			
5	Tuyến giáp cây Muôn đến nhà Liên	Cây muôn	Nhà Liên			0,342			Cây muôn	Nhà Liên			0,342			
6	Tuyến từ Cầu Huân đến Cây Bồng	Cầu Huân	Cây bồng			0,706			Cầu Huân	Cây bồng			0,706			
7	Giáp bê tông đến Ngõ Bì	Bê tông	Ngõ Bì			0,135			Bê tông	Ngõ Bì			0,135			
8	Tuyến từ nhà Bình- Ngõ Quyên	Nhà Bình	Ngõ Quyên			0,145			Nhà Bình	Ngõ Quyên			0,145			
9	Giáp đường Nguyễn Văn Cừ đến nhà Tường	Nguyễn Văn Cừ	Nhà Tường			0,165			Nguyễn Văn Cừ	Nhà Tường			0,165			
10	Tuyến giáp bê tông - Ngõ Trinh	Bê tông	Nhà Trinh			0,140			Bê tông	Nhà Trinh			0,140			
11	Tuyến đường từ Ngõ Hiệp -Ngõ Lạc	Ngõ Hiệp	Ngõ Lạc			0,235			Ngõ Hiệp	Ngõ Lạc			0,235			
12	Tuyến đường từ Ngõ Hoi -Ngõ Thương	Ngõ Hoi	Ngõ Thương			0,155			Ngõ Hoi	Ngõ Thương			0,155			
13	Tuyến đường từ Nhà Tự đến nhà Quá	Nhà Tự	Nhà Quá			0,355			Nhà Tự	Nhà Quá			0,355			
14	Tuyến giáp đường Nguyễn Hữu Tiến - Trường tổ Ninh Thanh Bắc	Nguyễn Hữu Tiến	Trường tổ Ninh Thanh Bắc			0,220			Nguyễn Hữu Tiến	Trường tổ Ninh Thanh Bắc			0,220			
VI	XÃ HOÀI MỸ			1,190	0,000	0,990	0,200	0,000			1,190	0,000	0,990	0,200	0,000	
1	BTXM nội đồng tuyến đường từ Phú Xuân đến đường Liên xã	Phú Xuân	Liên xã			0,830			Phú Xuân	Liên xã			0,830			
2	BTXM liên gia, liên xóm nhà ông Sanh đến nhà ông Quốc (thôn Phú Xuân)	Ông Sanh	Ông Quốc			0,160			Ông Sanh	Ông Quốc			0,160			
3	BTXM liên gia, liên xóm nhà ông Lợi đến nhà ông Tâm (thôn Phú Xuân)	Ông Lợi	Ông Tâm				0,200		Ông Lợi	Ông Tâm				0,200		
VII	XÃ HOÀI PHÚ			1,782	0,000	0,764	0,933	0,085			1,782	0,000	0,764	0,933	0,085	
1	Tuyến đường từ đường chính đến ngõ Phương An xóm 20	Đường chính	Ngõ Phương An			0,089			Đường chính	Ngõ Phương An			0,089			
2	Tuyến đường từ đường chính đến ngõ Lệnh xóm 20	Đường chính	Ngõ Lệnh				0,072		Đường chính	Ngõ Lệnh				0,072		
3	Tuyến đường từ đường chính đến ngõ Thành xóm 19	Đường chính	Ngõ Thành				0,065		Đường chính	Ngõ Thành				0,065		
4	Tuyến đường từ đường chính đến đập Dốc	Đường chính	Đập Dốc				0,370		Đường chính	Đập Dốc				0,370		
5	Tuyến đường từ đường chính đến ngõ Bình xóm 21	Đường chính	Ngõ Bình				0,080		Đường chính	Ngõ Bình				0,080		
6	Tuyến đường từ đường chính đến ngõ Hiếu	Đường chính	Ngõ Hiếu					0,085	Đường chính	Ngõ Hiếu					0,085	
7	Tuyến đường từ ngõ Hào đến ngõ Thông xóm 21	Ngõ Hào	Ngõ Thông				0,046		Ngõ Hào	Ngõ Thông				0,046		
8	Tuyến đường từ ngõ Hơ đến ngõ Khôi xóm 4	Ngõ Hơ	Ngõ Khôi			0,250			Ngõ Hơ	Ngõ Khôi			0,250			
9	Tuyến đường từ ngõ Diện đến ngõ Vô Tơ xóm 4	Ngõ Diện	Ngõ Tơ			0,250			Ngõ Diện	Ngõ Tơ			0,250			
10	Tuyến đường từ ngõ Tơ đến ngõ Hạnh xóm 4	Ngõ Tơ	Ngõ Hạnh				0,300		Ngõ Tơ	Ngõ Hạnh				0,300		
11	Tuyến từ đường chính đến ngõ Tính	Đường chính	Ngõ Tính			0,025			Đường chính	Ngõ Tính			0,025			
12	Từ đường bê tông xóm 2 đến ngõ Chạn	Đường chính	Ngõ Chạn			0,150			Đường chính	Ngõ Chạn			0,150			
VIII	XÃ HOÀI SƠN			3,600	0,000	2,050	1,550	0,000			5,586	0,863	1,754	2,969	0,000	
1	Tuyến bê tông thôn Tường Sơn	Ngõ Luân	Ngõ Hường			0,450			Ngõ Luân	Ngõ Hường			-			Không thực hiện
2	Tuyến bê tông thôn Hy Văn	Ngõ Qua	Cầu Soi			0,500			Ngõ Qua	Cầu Soi			0,334			Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Tuyến đường bê tông nội đồng An Hội Bắc đoạn từ Ngõ Bình đến Ngõ Muộn	Ngõ Bình	Ngõ muộn				0,150		Ngõ Bình	Ngõ muộn				-		Không thực hiện
4	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn Hy Văn						0,600							0,505		Điều chỉnh giảm chiều dài
5	Tuyến bê tông nội đồng thôn Càn Hậu đoạn từ Ngã ba Gò Vịt đến Ngõ Thành	Ngã ba Gò Vịt	Ngõ Thành				0,300		Ngã ba Gò Vịt	Ngõ Thành				0,300		
6	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn An Hội Ngõ thạch đến đường An Hội Bắc	Ngõ Thạch	Đường An Hội Bắc				0,500		Ngõ Thạch	Đường An Hội Bắc				-		Không thực hiện
7	Tuyến bê tông đoạn từ Cổng Khẩu đến bảng tin chữa cháy	Cổng khẩu	Bản tin chữa cháy			1,100			Cổng khẩu	Bản tin chữa cháy			1,100			
8	Tuyến bê tông nội đồng xóm 6 thôn Tường Sơn Nam								Ngõ Nhuận	Ruộng Đá				0,500		Bổ sung mới
9	Tuyến đường bê tông thôn Phú Nông (Đá Chát - Nghĩa Địa)								Đá Chát	Nghĩa Địa			0,320			Bổ sung mới
10	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn Phú Nông Ngõ Danh - Ruộng Chi và Cầu đập ới - ruộng thuận								Ngõ Danh - Ruộng Chi	Cầu đập ới - ruộng thuận				0,475		Bổ sung mới

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
11	Tuyến đường bê tông đoạn từ (Ngã Ba đường Lâm Sinh - Suối Vàng)								Ngã Ba đường Lâm Sinh	Suối Vàng		0,614				Bổ sung mới
12	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn Túy Sơn (Cầu Đập - Ngõ Bảy)								Cầu Đập	Ngõ Bảy				0,425		Bổ sung mới
13	Tuyến đường bê tông phía bắc Ngã Ba Đình								Ruộng Hòa	Ruộng Mười		0,249				Bổ sung mới
14	Tuyến đường bê tông nội đồng thôn An Hội Bắc (Đập ông pha - Nghĩa Địa)								Đập ông pha	Nghĩa Địa				0,764		Bổ sung mới
IX	PHƯỜNG HOÀI TÂN			1,000	0,000	1,000	0,000	0,000			0,600	0,000	0,600	0,000	0,000	
1	Nâng cấp, sửa chữa Cầu Lúa và bê tông tuyến đường từ cầu Lúa đến đồng Đông Năng Thượng, khu phố Đề Đức 3	Cầu Lúa	Đồng Đông Năng Thượng			0,400			Cầu Lúa	Đồng Đông Năng Thượng			-			Không thực hiện
2	Bê tông tuyến đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Đào tổ 2, khu phố Đề Đức 3	Nhà ông Thành, tổ 2	Nhà ông Đào, tổ 2			0,200			Nhà ông Thành, tổ 2	Nhà ông Đào, tổ 2			0,200			
3	Bê tông tuyến đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Phùng, tổ 5, Khu phố Đề Đức 1	Nhà ông Thành tổ 5	Nhà ông Phùng, tổ 5			0,400			Nhà ông Thành tổ 5	Nhà ông Phùng, tổ 5			0,400			
X	PHƯỜNG HOÀI THANH			2,247	0,648	1,192	0,407	0,000			2,516	0,643	1,466	0,407	0,000	
1	Tuyến đường từ Võ Nguyên Giáp đến bờ biển phường Hoài Thanh	Võ Nguyên Giáp	Bờ biển phường Hoài Thanh		0,648				Võ Nguyên Giáp	Bờ biển phường Hoài Thanh		0,643				Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Tuyến đường phía đông Bàu Sen (từ nhà Nguyễn đến bình điện) Lâm Trúc 2	Nhà Nguyễn	Bình điện			0,702			Nhà Nguyễn	Bình điện			0,696			Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Tuyến đường phía đông Bàu Lưới (từ nhà Đờ đến nhà Lộc) Lâm Trúc 2	Nhà Đờ	Nhà Lộc			0,490			Nhà Đờ	Nhà Lộc			0,480			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Tuyến từ nhà Ánh đến nhà Vàng	Nhà Ánh	Nhà Vàng				0,130		Nhà Ánh	Nhà Vàng				0,130		
5	Tuyến từ nhà Hoàng đến nhà Vân	Nhà Hoàng	Nhà Vân				0,190		Nhà Hoàng	Nhà Vân				0,190		
6	Tuyến từ nhà Mễ đến nhà Hùng	Nhà Mễ	Nhà Hùng				0,087		Nhà Mễ	Nhà Hùng				0,087		
7	Tuyến từ chợ Gò Dưa - nhà Thành								Chợ Gò Dưa	Nhà Thành			0,290			Bổ sung mới
XI	PHƯỜNG HOÀI THANH TÂY			1,440	0,000	0,890	0,200	0,350			1,018	0,000	0,564	0,200	0,254	
1	Tuyến đường vào nghĩa trang nhân dân cây Cây, khu phố Ngọc Sơn Nam	Đường Đào Tấn	Nghĩa trang			0,890			Đường Đào Tấn	Nghĩa trang			0,564			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Tuyến đường từ ngõ Trịnh Tùng đến ngõ ông Lê Văn Toàn, khu phố Bình Phú	Ngõ Trịnh Tùng	Ngõ Lê Văn Toàn				0,100		Ngõ Trịnh Tùng	Ngõ Lê Văn Toàn				0,100		
3	Tuyến đường từ ngõ bà Nguyễn Thị Năm đến nhà bà Nguyễn Thị Khấu, khu phố Bình Phú	Ngõ Nguyễn Thị Năm	Nhà Nguyễn Thị Khấu				0,050		Ngõ Nguyễn Thị Năm	Nhà Nguyễn Thị Khấu				0,050		
4	Tuyến đường từ ngõ nhà ông Nguyễn Văn Tường đến nhà ông Nguyễn Văn Hảo, khu phố Bình Phú	Ngõ Nguyễn Văn Tường	Nhà Nguyễn Văn Hảo				0,050		Ngõ Nguyễn Văn Tường	Nhà Nguyễn Văn Hảo				0,050		
5	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đức Cẩm đến nhà bà Châu Thị Thắm, khu phố Ngọc An Đông	Nhà Nguyễn Đức Cẩm	Nhà Châu Thị Thắm					0,050	Nhà Nguyễn Đức Cẩm	Nhà Châu Thị Thắm					0,038	Điều chỉnh giảm chiều dài
6	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Văn Tám đến nhà ông Nguyễn Đức Thông, khu phố Ngọc An Đông	Nhà Nguyễn Văn Tám	Nhà Nguyễn Đức Thông					0,050	Nhà Nguyễn Văn Tám	Nhà Nguyễn Đức Thông					0,050	
7	Tuyến đường từ nhà bà Huỳnh Thị Hương đến nhà ông Trần Văn Thu, khu phố Ngọc An Đông	Nhà Huỳnh Thị Hương	Nhà Trần Văn Thu					0,120	Nhà Huỳnh Thị Hương	Nhà Trần Văn Thu					0,120	
8	Tuyến đường từ nhà ông Trần Mẫn đến đường Phù Đồng Thiên Vương, khu phố Ngọc An Đông	Nhà Trần Mẫn	Đường Phù Đồng Thiên Vương					0,050	Nhà Trần Mẫn	Đường Phù Đồng Thiên Vương					0,046	Điều chỉnh giảm chiều dài
9	Tuyến đường từ nhà ông Đỗ Ngọc Thuận đến nhà bà Trần Thị Kim Hoa, khu phố Tài Lương 3	Nhà Đỗ Ngọc Thuận	Nhà Trần Thị Kim Hoa					0,080	Nhà Đỗ Ngọc Thuận	Nhà Trần Thị Kim Hoa					-	Không thực hiện
XII	PHƯỜNG HOÀI XUÂN			5,081	0,000	5,081	0,000	0,000			4,755	0,000	4,755	0,000	0,000	
1	Tuyến đường từ nhà Tuấn đến nhà Ban	Nhà Tuấn	Nhà Ban			0,061			Nhà Tuấn	Nhà Ban			0,061			
2	Tuyến đường từ đường bê tông Hòa Trung 1 đến nhà Trần Thừa	Đường BT Hòa Trung 1	Nhà Trần Thừa			0,120			Đường BT Hòa Trung 1	Nhà Trần Thừa			0,120			
3	Tuyến đường từ nhà Đông đến nhà Dời	Nhà Đông	Nhà Dời			0,073			Nhà Đông	Nhà Dời			0,073			
4	Tuyến đường từ nhà Nam đến đường nhựa	Nhà Nam	Đường nhựa			0,470			Nhà Nam	Đường nhựa				0,470		
5	Tuyến đường từ nhà Sơn đến giáp nương tươi N2A	Nhà Sơn	Mương tưới N2A			0,100			Nhà Sơn	Mương tưới N2A				0,100		
6	Tuyến đường từ nhà Thanh đến bờ vùng Hòa Trung 1	Nhà Thanh	Bờ vùng Hòa Trung 1			0,135			Nhà Thanh	Bờ vùng Hòa Trung 1			0,135			
7	Tuyến đường từ nhà Mật đến nhà Hương	Nhà Mật	Nhà Hương			0,081			Nhà Mật	Nhà Hương			0,081			
8	Tuyến đường từ đường nhựa Rộc lỗ đến nhà Học	Đường nhựa Rộc Lỗ	Nhà Học			0,274			Đường nhựa Rộc Lỗ	Nhà Học			0,274			

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C		Loại D
9	Tuyến đường từ nhà Lê Thị Phụng đến nhà Mai	Nhà Lê Thị Phụng	Nhà Mai			0,106			Nhà Lê Thị Phụng	Nhà Mai			0,106			
10	Tuyến đường từ nhà Thuận đến nhà Bùi Quốc Dũng	Nhà Thuận	Nhà Bùi Quốc Dũng			0,162			Nhà Thuận	Nhà Bùi Quốc Dũng			0,162			
11	Tuyến đường từ nhà Xin đến kẻ Lại Giang	Nhà Xin	Kẻ Lại Giang			0,122			Nhà Xin	Kẻ Lại Giang			0,122			
12	Tuyến đường từ nhà Luyến đến nhà Trong	Nhà Luyến	Nhà Trong			0,140			Nhà Luyến	Nhà Trong			0,140			
13	Tuyến đường từ đường Lê Đình Chinh đến nhà Nam	Lê Đình Chinh	Nhà Nam			0,102			Lê Đình Chinh	Nhà Nam			0,102			
14	Tuyến đường từ nhà Tuyến đến nhà Phúc, nhà Hồ Thị Hối	Nhà Tuyến	Nhà Phúc, nhà Hồ Thị Hối			0,197			Nhà Tuyến	Nhà Phúc, nhà Hồ Thị Hối			0,197			
15	Tuyến đường từ nhà Nguyệt đến nhà Minh	Nhà Nguyệt	Nhà Minh			0,061			Nhà Nguyệt	Nhà Minh			0,061			
16	Tuyến đường từ nhà Chín Y đến nhà Đường	Nhà Chín Y	nhà Đường			0,162			Nhà Chín Y	nhà Đường			0,162			
17	Tuyến đường từ nhà Tuấn đến nhà Yên	Nhà Tuấn	Nhà Yên			0,055			Nhà Tuấn	Nhà Yên			0,055			
18	Tuyến đường từ ngõ Vắn đến nhà Thành	Ngõ Vắn	Nhà Thành			0,262			Ngõ Vắn	Nhà Thành			0,262			
19	Tuyến đường từ ngõ Sơn Chương đến ngõ Thành	Ngõ Sơn Chương	Ngõ Thành			0,108			Ngõ Sơn Chương	Ngõ Thành			0,108			
20	Tuyến đường từ nhà Sơn Văn đến đường Phụng Sơn	Nhà Sơn Văn	Đường Phụng Sơn			0,268			Nhà Sơn Văn	Đường Phụng Sơn			0,268			
21	Tuyến đường từ nhà Vinh đến nhà Đi	Nhà Vinh	Nhà Đi			0,136			Nhà Vinh	Nhà Đi			-			Không thực hiện
22	Tuyến đường từ nhà Thanh đến nhà Thí	Nhà Thanh	Nhà Thí			0,189			Nhà Thanh	Nhà Thí			-			Không thực hiện
23	Tuyến đường từ nhà Nhạt đến nhà Thông	Nhà Nhạt	Nhà Thông			0,130			Nhà Nhạt	Nhà Thông			0,130			
24	Tuyến đường từ nhà Hùng đến nhà Tha, nhà Tân; nhà Lân đến nhà Dư	Nhà Hùng	Nhà Dư			0,186			Nhà Hùng	Nhà Dư			0,186			
25	Tuyến đường từ nhà Lang đến nhà Phường, bờ sông	Nhà Lang	Nhà Phường			0,190			Nhà Lang	Nhà Phường			0,190			
26	Tuyến đường từ nhà Chính đến nhà Thân	Nhà Chính	Nhà Thân			0,072			Nhà Chính	Nhà Thân			0,072			
27	Tuyến đường từ nhà Thanh đến nhà Mười	Nhà Thanh	Nhà Mười			0,192			Nhà Thanh	Nhà Mười			0,192			
28	Tuyến đường nghĩa địa từ nhà Liên đến nhà Nhậm đến nhà Dương	Nhà Liên	Nhà Dương			0,250			Nhà Liên	Nhà Dương			0,250			
29	Tuyến đường từ nhà Bảo đến nhà Toàn, nhà Nguyên	Nhà Bảo	Nhà Nguyên			0,196			Nhà Bảo	Nhà Nguyên			0,196			
30	Tuyến đường từ nhà Nhu đến nhà Hoàng	Nhà Nhu	Nhà Hoàng			0,122			Nhà Nhu	Nhà Hoàng			0,122			
31	Tuyến đường từ sau nhà Tô đến nhà Ngón	Nhà Tô	Nhà Ngón			0,097			Nhà Tô	Nhà Ngón			0,097			
32	Tuyến đường từ đường Trường Chinh đến nhà Triệu	Đường Trường Chinh	Nhà Triệu			0,090			Đường Trường Chinh	Nhà Triệu			0,090			
33	Tuyến đường từ đường Trường Chinh đến nhà Hồng	Đường Trường Chinh	Nhà Hồng			0,085			Đường Trường Chinh	Nhà Hồng			0,085			
34	Tuyến đường từ nhà Huệ đến nhà Toàn	Nhà Huệ	Nhà Toàn			0,087			Nhà Huệ	Nhà Toàn			0,086			Điều chỉnh giảm chiều dài
XIII	PHƯỜNG TAM QUAN			2,545	0,445	1,900	0,200	0,000			2,321	0,000	2,133	0,188	0,000	
1	Bê tông xi măng đoạn từ đường Thái Lợi (nhà bà Xuân) đến đường Phan Đăng Lưu (nhà ông Ánh) (khu phố 1)	Nhà bà Xuân	Nhà ông Ánh			0,510			Nhà bà Xuân	Nhà ông Ánh			0,492			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Bê tông xi măng đoạn từ đường Xuân Thủy (nhà ông Mau) đến bờ kẻ sông Kho Dầu (khu phố 9)	Nhà ông Mau	Bờ kẻ kho Dầu			0,300			Nhà ông Mau	Bờ kẻ kho Dầu			0,297			Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Bê tông xi măng tuyến đường phía Nam khu dân cư khu phố 2	Đường Triệu Việt Vương	Khu dân cư		0,250				Đường Triệu Việt Vương	Khu dân cư		-				Không thực hiện
4	Bê tông xi măng đoạn từ đường Âu Lạc (trường mầm non) đến đường Mai Hắc Đế (nhà bà Thủy) (khu phố 4)	Trường Mầm Non	Nhà bà Thủy				0,200		Trường Mầm Non	Nhà bà Thủy				0,188		Điều chỉnh giảm chiều dài
5	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà ông Bé đến nhà ông Thành (khu phố 4)	Nhà ông Bé	Nhà ông Thành			0,200			Nhà ông Bé	Nhà ông Thành			0,158			Điều chỉnh giảm chiều dài
6	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà ông Triều đến nghĩa trang khu phố 8 (khu phố 8)	Nhà ông Triều	Nghĩa trang khu phố 8			0,200			Nhà ông Triều	Nghĩa trang khu phố 8			0,200			
7	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà bà Liên đến nhà bà Kịch và đoạn nhánh phía Đông nhà Văn hoá (khu phố 1)	Nhà bà Liên	Nhà bà Kịch			0,390			Nhà bà Liên	Nhà bà Kịch			0,385			Điều chỉnh giảm chiều dài
8	Bê tông xi măng tuyến đường từ Ngã ba Đình đến nhà ông Thuộc (khu phố 3)	Ngã ba Đình	Nhà ông Thuộc		0,195				Ngã ba Đình	Nhà ông Thuộc		-				Không thực hiện
9	Bê tông xi măng tuyến đường từ nhà ông Tài đến nhà ông Cường khu phố 9	Nhà ông Tài	Nhà ông Cường			0,300			Nhà ông Tài	Nhà ông Cường			0,193			Điều chỉnh giảm chiều dài
10	BTXM tuyến đường từ đường Phan Kế Toại đến nhà bà Giang và tuyến nhánh từ nhà ông Giác đến đường Nguyễn Hữu Thọ (khu phố 5,6)								Đường Phan Kế Toại	Nhà bà Giang			0,235			Bổ sung mới

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
11	BTXM tuyến đường từ sân bóng chuyền đến nhà ông Phán (khu phố 3)								Sân bóng chuyền kp3	Nhà ông Phán			0,173			Bổ sung mới
XIV	PHƯỜNG TAM QUAN NAM			2,668	0,000	0,044	1,986	0,638			2,670	0,000	0,044	1,996	0,630	
1	Tuyến đường ông Tài đến ông Lý	Ông Tài	Ông Lý				0,130		Ông Tài	Ông Lý				0,125		Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Tuyến đường ông Hiền đến ông Chí	Ông Hiền	Ông Chí				0,090		Ông Hiền	Ông Chí				0,090		
3	Tuyến đường từ ông Tốt đến nhà bà Trắc	Ông Tốt	Bà Trắc				0,135		Ông Tốt	Bà Trắc				0,135		
4	Tuyến nhà bà Tâm đến ông Dùm	Bà Tâm	Ông Dùm				0,067		Bà Tâm	Ông Dùm				0,067		
5	Tuyến nhà ông Hợp đến bà Hà	Ông Hợp	Bà Hà				0,060		Ông Hợp	Bà Hà				0,060		
6	Tuyến đường ông Bá đến ông Còn	Ông Bá	Ông Còn			0,044			Ông Bá	Ông Còn		0,044				
7	Tuyến đường bà Chim đến bà Phán	Bà Chim	Bà Phán				0,125		Bà Chim	Bà Phán				0,149		Điều chỉnh tăng chiều dài
8	Tuyến đường ông Dương đến ông Tám	Ông Dương	Ông Tám				0,035		Ông Dương	Ông Tám				0,034		Điều chỉnh giảm chiều dài
9	Tuyến đường ông Sổ đến ông Lòi	Ông Sổ	Ông Lòi				0,110		Ông Sổ	Ông Lòi				0,110		
10	Tuyến đường bà Hạnh đến ông Ứng	Bà Hạnh	Ông Ứng				0,075		Bà Hạnh	Ông Ứng				0,075		
11	Tuyến đường ông Nghê đến bà Như	Ông Nghê	Bà Như				0,168		Ông Nghê	Bà Như				0,168		
12	Tuyến đường ông Thu đến ông Búp	Ông Thu	Ông Búp				0,220		Ông Thu	Ông Búp				0,211		Điều chỉnh giảm chiều dài
13	Tuyến đường bà Thủy đến ông Hộ	Bà Thủy	Ông Hộ				0,103		Bà Thủy	Ông Hộ				0,103		
14	Tuyến đường ông Đức đến ông Bảy	Ông Đức	Ông Bảy					0,103	Ông Đức	Ông Bảy					0,102	Điều chỉnh giảm chiều dài
15	Tuyến đường ông Tân đến ông Thành	Ông Tân	Ông Thành				0,040		Ông Tân	Ông Thành				0,044		Điều chỉnh tăng chiều dài
16	Tuyến kết nối Hà Huy Tập đến ĐT639	Hà Huy Tập	ĐT639					0,200	Hà Huy Tập	ĐT639					0,193	Điều chỉnh giảm chiều dài
17	Tuyến đường nhà ông Thế đến ĐT639	Ông Thế	ĐT639					0,080	Ông Thế	ĐT639					0,080	
18	Tuyến nhà ông Gia đến ông Đô	Ông Gia	Ông Đô				0,100		Ông Gia	Ông Đô				0,097		Điều chỉnh giảm chiều dài
19	Tuyến nhà ông Cự đến đường BT chợ Cầu	Ông Cự	BT chợ cầu				0,068		Ông Cự	BT chợ cầu				0,068		
20	Tuyến cầu dân sinh đến nhà bà mạnh	Cầu dân sinh	Bà mạnh				0,085		Cầu dân sinh	Bà mạnh				0,085		
21	Tuyến đường bà Dưỡng đến bà Thi	Bà Dưỡng	Bà Thi					0,100	Bà Dưỡng	Bà Thi					0,100	
22	Tuyến đường trước đình đến nhà ông Quốc	Trước Đình	Ông Quốc				0,075		Trước Đình	Ông Quốc				0,075		
23	Tuyến đường cầu bà Xạ đến cầu bà Cừ	Cầu bà Xạ	Cầu bà Cừ				0,300		Cầu bà Xạ	Cầu bà Cừ				0,300		
24	Tuyến từ ông Cảnh đến ông Liêm	Ông Cảnh	Ông Liêm					0,060	Ông Cảnh	Ông Liêm					0,060	
25	Tuyến ông Vinh đến bà Giáp	Ông Vinh	Bà Giáp					0,045	Ông Vinh	Bà Giáp					0,045	
26	Tuyến ông Cự đến ông Bán	Ông Cự	Ông Bán					0,050	Ông Cự	Ông Bán					0,050	
XV	PHƯỜNG TAM QUAN BẮC			1,797	0,000	0,651	0,725	0,421			1,455	0,000	0,573	0,461	0,421	
1	Từ đường Trần Quốc Toàn - nhà ông Nguyễn Minh Tâm	Trần Quốc Toàn	Nhà Nguyễn Minh Tâm					0,049	Trần Quốc Toàn	Nhà Nguyễn Minh Tâm					0,049	
2	Nhà Nguyễn Minh Tâm - đường Lê Thánh Tông	Nhà Nguyễn Minh Tâm	Đường Lê Thánh Tông			0,165			Nhà Nguyễn Minh Tâm	Đường Lê Thánh Tông			0,165			
3	Nhà Huỳnh Phi Hào - nhà ông Đỗ Thanh Nhân	Nhà Huỳnh Phi Hào	Nhà Đỗ Thanh Nhân				0,082		Nhà Huỳnh Phi Hào	Nhà Đỗ Thanh Nhân				0,082		
4	Nhà Hồ Ngọc Thủy - nhà Trịnh Thị Nữ	Nhà Hồ Ngọc Thủy	Nhà Trị Thị Nữ					0,130	Nhà Hồ Ngọc Thủy	Nhà Trị Thị Nữ					0,130	
5	Đường Trương Định - nhà Nguyễn Thị Liên	Đường Trương Định	Nhà Nguyễn Thị Liên				0,045		Đường Trương Định	Nhà Nguyễn Thị Liên				0,045		
6	Đường Thống Nhất - nhà Trương Lạc	Đường Thống Nhất	Nhà Trương Lạc					0,070	Đường Thống Nhất	Nhà Trương Lạc					0,070	
7	Đường Trần Quốc Toàn - nhà Nguyễn Thị Trĩ	Đường Trần Quốc Toàn	Nhà Nguyễn Thị Trĩ					0,070	Đường Trần Quốc Toàn	Nhà Nguyễn Thị Trĩ					0,070	
8	Đường Thống Nhất - nhà Dương Văn Giới	Đường Thống Nhất	Nhà Dương Văn Giới					0,063	Đường Thống Nhất	Nhà Dương Văn Giới					0,063	
9	Nhà Nguyễn Văn Tuấn - nhà Trần Hùng	Nhà Nguyễn Văn Tuấn	Nhà Trần Hùng					0,039	Nhà Nguyễn Văn Tuấn	Nhà Trần Hùng					0,039	
10	Nhà Nguyễn Thị Bạch Trức - nhà Nguyễn Khải	Nhà Nguyễn Thị Bạch Trức	Nhà Nguyễn Khải			0,136			Nhà Nguyễn Thị Bạch Trức	Nhà Nguyễn Khải			0,136			

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
11	Đường Lê Văn Tú - Chùa Phật học	Đường Lê Văn Tú	Chùa Phật Học				0,223		Đường Lê Văn Tú	Chùa Phật Học				0,223		
12	Giáp đường bê tông - nhà Lê Trọng Cường	Đường Bê tông	Nhà Lê Trọng Cường				0,061		Đường Bê tông	Nhà Lê Trọng Cường				0,061		
13	Giáp đường Trần Quốc Toàn - bến cá Trường Xuân	Trần Quốc Toàn	Bến cá			0,350			Trần Quốc Toàn	Bến cá			0,272			Điều chỉnh giảm chiều dài
14	Nhà ông Nguyễn Khắc Lâm - nhà Nguyễn Thị Lương	Nguyễn Khắc Lâm	Nhà Nguyễn Thị Lương				0,100		Nguyễn Khắc Lâm	Nhà Nguyễn Thị Lương				-		Không thực hiện
15	Giáp đường bê tông - nhà Nguyễn Toàn	Đường bê tông	Nhà Nguyễn Toàn				0,050		Đường bê tông	Nhà Nguyễn Toàn				0,050		
16	Đường Trần Quang Khải - nhà Trương Thị Tám	Đường Trần Quang Khải	nhà Trương Thị Tám				0,164		Đường Trần Quang Khải	nhà Trương Thị Tám				-		Không thực hiện
XVI	XÃ HOÀI CHÁU BẮC			4,000	0,000	0,000	4,000	0,000			4,000	0,000	0,000	4,000	0,000	
1	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ nhà ông Dây đến Cao tốc	Nhà ông Dây	Cao tốc				0,350		Nhà ông Dây	Cao tốc				0,350		
2	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ bờ tràng dưới đến rào Miếu	Bờ tràng dưới	Rào Miếu				0,600		Bờ tràng dưới	Rào Miếu				0,600		
3	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ đám ông Chín đến Bà Bồng	Đám ông Chín	bà Bồng				0,250		Đám ông Chín	bà Bồng				0,250		
4	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ ngõ Hiệu đi rào Mạnh	Ngõ Hiệu	Rào Mạnh				0,250		Ngõ Hiệu	Rào Mạnh				0,250		
5	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ Cầu Kinh đến Cao Tốc	Cầu Kinh	Cao tốc				0,250		Cầu Kinh	Cao tốc				0,250		
6	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ Ao Mới đến Cao Tốc	Ao Mới	Cao tốc				0,500		Ao Mới	Cao tốc				0,500		
7	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ Cầu Triền đến ngõ Ba	Cầu Triền	Ngõ Ba				0,360		Cầu Triền	Ngõ Ba				0,360		
8	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ Ngõ Thê đến Gò Trúc	Ngõ Thê	Gò Trúc				0,300		Ngõ Thê	Gò Trúc				0,300		
9	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ ngõ Hồng đi Cao Tốc	Ngõ Hồng	Cao tốc				0,350		Ngõ Hồng	Cao tốc				0,350		
10	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ ngõ Cản đến Đám Ụ	Ngõ Cản	Đám Ụ				0,440		Ngõ Cản	Đám Ụ				0,440		
11	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ ngõ Ngọt đến ngõ Diêm	Ngõ Ngọt	Ngõ Diêm				0,350		Ngõ Ngọt	Ngõ Diêm				0,350		
Tổng cộng :				36,324	1,093	20,508	12,553	2,170			36,398	1,506	19,662	13,345	1,885	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

36,324	Km	36,398	Km
1,093	Km	1,506	Km
20,508	Km	19,662	Km
12,553	Km	13,345	Km
2,170	Km	1,885	Km
4.741,039	Tấn	4.747,969	Tấn
216,414	Tấn	298,188	Tấn
3.137,724	Tấn	3.008,286	Tấn
1.217,641	Tấn	1.294,465	Tấn
169,260	Tấn	147,030	Tấn

PHỤ LỤC I.05: PHÙ CÁT

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN PHÙ CÁT
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh								Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	XÃ CÁT HIỆP			4,032	0,000	0,247	0,790	2,995			2,284	0,000	0,081	0,650	1,553	
1	Đường BTXM tuyến từ nhà Đoàn Văn Tịn đi đường bê tông	Nhà Đoàn Văn Tịn	Đường bê tông				0,085		Nhà Đoàn Văn Tịn	Đường bê tông				0,075		Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Dốc đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Dốc	Đường bê tông			0,080			Nhà Nguyễn Dốc	Đường bê tông			-			Không thực hiện
3	Đường BTXM tuyến từ nhà Lê Đình Đức đi đường bê tông	Nhà Lê Đình Đức	Đường bê tông				0,035		Nhà Lê Đình Đức	Đường bê tông				0,014		Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Đường BTXM tuyến từ nhà Phan Thị Bích Vân đi đường bê tông	Nhà Phan Thị Bích Vân	Đường bê tông				0,320		Nhà Phan Thị Bích Vân	Đường bê tông				0,150		Điều chỉnh giảm chiều dài
5	Đường BTXM tuyến từ nhà Lưu Thị Mộng Kiều đi đường bê tông	Nhà Lưu Thị Mộng Kiều	Đường bê tông				0,100	0,100	Nhà Lưu Thị Mộng Kiều	Đường bê tông				0,039	-	Điều chỉnh giảm chiều dài
6	Đường BTXM tuyến từ nhà Huỳnh Văn Út đi đường bê tông	Nhà Huỳnh Văn Út	Đường bê tông				0,100		Nhà Huỳnh Văn Út	Đường bê tông				0,064		Điều chỉnh giảm chiều dài
7	Đường BTXM tuyến từ nhà Lê Quốc Phong đi đường bê tông	Nhà Lê Quốc Phong	Đường bê tông				0,070		Nhà Lê Quốc Phong	Đường bê tông				0,055		Điều chỉnh giảm chiều dài
8	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Thị Bông đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Thị Bông	Đường bê tông				0,080		Nhà Nguyễn Thị Bông	Đường bê tông				0,061		Điều chỉnh giảm chiều dài
9	Đường BTXM tuyến từ trại heo ông Nguyễn Trung Thuận đi đồng Cửa ỏi	Trại heo ông Nguyễn Trung Thuận	Đồng Cửa ỏi					0,025	Trại heo ông Nguyễn Trung Thuận	Đồng Cửa ỏi					0,025	
10	Đường BTXM tuyến từ gò Cây Phai đi đường bê tông	Gò Cây Phai	Đường bê tông					0,060	Gò Cây Phai	Đường bê tông					0,060	
11	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Đức Thụ đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Đức Thụ	Đường bê tông					0,090	Nhà Nguyễn Đức Thụ	Đường bê tông					0,060	Điều chỉnh giảm chiều dài
12	Đường BTXM tuyến từ nhà Huỳnh Văn Hương đi đường bê tông	Nhà Huỳnh Văn Hương	Đường bê tông					0,032	Nhà Huỳnh Văn Hương	Đường bê tông					-	Không thực hiện
13	Đường BTXM tuyến từ Suối máng heo đi đường bê tông	Suối máng heo	Đường bê tông					0,110	Suối máng heo	Đường bê tông					0,110	
14	Đường BTXM tuyến từ nhà Ngô Thị Bông đi đường bê tông	Nhà Ngô Thị Bông	Đường bê tông					0,020	Nhà Ngô Thị Bông	Đường bê tông					0,020	
15	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Thị Phương đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Thị Phương	Đường bê tông					0,030	Nhà Nguyễn Thị Phương	Đường bê tông					0,030	
16	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Văn Sanh đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Văn Sanh	Đường bê tông					0,052	Nhà Nguyễn Văn Sanh	Đường bê tông					-	Không thực hiện
17	Đường BTXM tuyến từ ngã 3 đồng đất lang đi ngã 3 trại heo Phạm Văn Chuẩn	Ngã 3 đồng đất lang	Ngã 3 trại heo Phạm Văn Chuẩn					0,310	Ngã 3 đồng đất lang	Ngã 3 trại heo Phạm Văn Chuẩn					0,310	
18	Đường BTXM tuyến từ ruộng Ba Làng đi đường bê tông	Ruộng Ba Làng	Đường bê tông			0,015			Ruộng Ba Làng	Đường bê tông			-			Không thực hiện
19	Đường BTXM tuyến từ khu tái định cư đến nhà Nguyễn Văn Quốc	Khu tái định cư	nhà Nguyễn Văn Quốc			0,140			Khu tái định cư	nhà Nguyễn Văn Quốc			0,081			Điều chỉnh giảm chiều dài
20	Đường BTXM tuyến từ nhà Vương Văn Càng đi đường bê tông	Nhà Vương Văn Càng	Đường bê tông			0,012			Nhà Vương Văn Càng	Đường bê tông			-			Không thực hiện
21	Đường BTXM tuyến từ nhà Trần Ngọc Lý đi đường bê tông	Nhà Trần Ngọc Lý	Đường bê tông					0,086	Nhà Trần Ngọc Lý	Đường bê tông					0,075	Điều chỉnh giảm chiều dài
22	Đường BTXM tuyến từ nhà Trần Văn Minh đi đường bê tông	Nhà Trần Văn Minh	Đường bê tông					0,070	Nhà Trần Văn Minh	Đường bê tông					0,070	
23	Đường BTXM tuyến từ nhà Châu Thế Hiệp đi đường bê tông	Nhà Châu Thế Hiệp	Đường bê tông					0,050	Nhà Châu Thế Hiệp	Đường bê tông					0,050	
24	Đường BTXM tuyến từ nhà Đặng Văn Liêm đi đường bê tông	Nhà Đặng Văn Liêm	Đường bê tông					0,110	Nhà Đặng Văn Liêm	Đường bê tông					0,067	Điều chỉnh giảm chiều dài
25	Đường BTXM tuyến từ nhà Đặng Văn Trung đi đường bê tông	Nhà Đặng Văn Trung	Đường bê tông					0,120	Nhà Đặng Văn Trung	Đường bê tông					0,111	Điều chỉnh giảm chiều dài
26	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Cao Đăng đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Cao Đăng	Đường bê tông					0,050	Nhà Nguyễn Cao Đăng	Đường bê tông					0,040	Điều chỉnh giảm chiều dài

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
27	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Văn Hát đi đường bê tông	Nhà Nguyễn Văn Hát	Đường bê tông					1,200	Nhà Nguyễn Văn Hát	Đường bê tông					0,174	Điều chỉnh giảm chiều dài
28	Đường BTXM tuyến từ nhà Châu Văn Rạng đi đường bê tông	Nhà Châu Văn Rạng	Đường bê tông					0,120	Nhà Châu Văn Rạng	Đường bê tông					0,071	Điều chỉnh giảm chiều dài
29	Đường BTXM tuyến từ nhà Lưu Văn Chung đi đường bê tông	Nhà Lưu Văn Chung	Đường bê tông					0,180	Nhà Lưu Văn Chung	Đường bê tông					0,046	Điều chỉnh giảm chiều dài
30	Đường BTXM tuyến từ nhà Đặng Văn Kháng đi đường bê tông	Nhà Đặng Văn Kháng	Đường bê tông					0,180	Nhà Đặng Văn Kháng	Đường bê tông					0,172	Điều chỉnh giảm chiều dài
31	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Thị Tranh đi đường bê tông								nhà Nguyễn Thị Tranh	đường bê tông				0,095		Bổ sung mới
32	Đường BTXM tuyến từ nhà Lê Văn Đào đi đường bê tông								nhà Lê Văn Đào	đường bê tông				0,097		Bổ sung mới
33	Đường BTXM tuyến từ nhà Phan Thành Luân đi đường bê tông								nhà Phan Thành Luân	đường nhựa					0,062	Bổ sung mới
II	THỊ TRẤN CÁT TIẾN			0,685	0,000	0,000	0,305	0,380			0,685	0,000	0,000	0,305	0,380	
1	Đường BTXM GTNT thị trấn Cát Tiến. Tuyến: Đê sông Kôn - nhà bà Năm khu phố Tân Tiến	Đê sông Kôn	Nhà bà năm				0,150		Đê sông Kôn	Nhà bà năm				0,150		
2	Đường BTXM GTNT thị trấn Cát Tiến. Tuyến: Nhà bà Phạm Thị Hoa đến nhà bà Huỳnh Thị Gái, khu phố Trung Lương.	Nhà bà Phạm Thị Hoa	Nhà bà Huỳnh Thị Gái					0,180	Nhà bà Phạm Thị Hoa	Nhà bà Huỳnh Thị Gái					0,180	
3	Đường BTXM GTNT thị trấn Cát Tiến. Tuyến: Nhà ông Hát đến nhà ông Đoàn Ngọc Nhất, khu phố Trung Lương	Nhà ông Hát	Nhà ông Đoàn Ngọc Nhất				0,100		Nhà ông Hát	Nhà ông Đoàn Ngọc Nhất				0,100		
4	Đường BTXM GTNT thị trấn Cát Tiến. Tuyến: nhà ông Trần Vũ Long đến đường Bê tông, khu phố Trung Lương	Nhà ông Trần Vũ Long	Đường Bê tông				0,055		Nhà ông Trần Vũ Long	Đường Bê tông				0,055		
5	Đường BTXM GTNT thị trấn Cát Tiến. Tuyến: Đường bê tông đến nhà bà Lùn, khu phố Trung Lương	Quốc lộ 19B	Nhà ông Lâm Văn Hòa					0,050	Quốc lộ 19B	Nhà ông Lâm Văn Hòa					0,050	
6	Đường BTXM GTNT thị trấn Cát Tiến. Tuyến: Quốc lộ 19B đến nhà ông Toàn khu phố Phú Hậu,	Quốc lộ 19B	Nhà ông Toàn					0,150	Quốc lộ 19B	Nhà ông Toàn					0,150	
III	XÃ CÁT TÀI			0,975	0,000	0,680	0,135	0,160			0,863	0,000	0,571	0,132	0,160	
1	Bê tông cầu Đông đến Lê Thanh Mai	Bê tông cầu Đông	Lê Thanh Mai				0,085		Bê tông cầu Đông	Lê Thanh Mai				0,082		Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Bê tông đến Ngô Văn Tiến	Bê tông	Ngô Văn Tiến					0,160	Bê tông	Ngô Văn Tiến					0,160	
3	Đường bê tông đội 3	Lương Thị Kha	Trần Công Đức			0,200			Lương Thị Kha	Trần Công Đức			0,100			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Bê tông đến nhà bà Nguyễn Thị Kề	Bê tông	Nhà bà Nguyễn Thị Kề			0,025			Bê tông	Nhà bà Nguyễn Thị Kề			0,024			Điều chỉnh giảm chiều dài
5	Cầu ông ông Khâm đến nghĩa địa Hóc Bông	Cầu ông Khâm	Hóc Bông			0,130			Cầu ông Khâm	Hóc Bông			0,122			Điều chỉnh giảm chiều dài
6	Bê tông đến Huỳnh Thúc Khả	Bê tông	Huỳnh Thúc Khả				0,050		Bê tông	Huỳnh Thúc Khả				0,050		
7	ĐT 633 đến kênh S4	ĐT 633	Kênh S4			0,325			ĐT 633	Kênh S4				0,325		
IV	XÃ CÁT LÂM			3,280	0,000	3,280	0,000	0,000			1,230	0,000	1,230	0,000	0,000	
1	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: từ nhà ông Nguyễn Đình Hiếu đến nhà thờ Cây Ròi	Nhà ông Nguyễn Đình Hiếu	Nhà thờ Cây Ròi			0,920			Nhà ông Nguyễn Đình Hiếu	Nhà thờ Cây Ròi			-			Không thực hiện
2	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Từ trạm biển áp Đại Khoang 1 đến dốc ông Bón	Nhà ông Công	Nhà ông Bón			0,450			Nhà ông Công	Nhà ông Bón			0,420			Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Từ đường ĐT 638 đến nhà ông Nguyễn Văn Khoa	Đường ĐT 638	Nhà ông Nguyễn Văn Khoa			0,200			Đường ĐT 638	Nhà ông Nguyễn Văn Khoa			0,200			
4	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Từ đường ĐT 638 đến nhà ông Lê Cảnh Thiên	Đường ĐT 638	Nhà ông Lê Cảnh Thiên			0,300			Đường ĐT 638	Nhà ông Lê Cảnh Thiên			0,300			
5	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: Từ đường ĐT 638 đến nhà ông Thọ	Đường ĐT 638	Nhà ông Thọ			0,300			Đường ĐT 638	Nhà ông Thọ			-			Không thực hiện
6	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: từ nhà bà Thanh đến nhà ông Ánh	Nhà bà Thanh	Nhà ông Ánh			0,500			Nhà bà Thanh	Nhà ông Ánh			-			Không thực hiện
7	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: từ nhà bà Trần Thị Huỳnh đến nhà ông Trương Thiết	Nhà bà Trần Thị Huỳnh	Nhà ông Trương Thiết			0,300			Nhà bà Trần Thị Huỳnh	Nhà ông Trương Thiết			-			Không thực hiện
8	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: từ nhà ông Tien đến nhà ông Trần Quang	Nhà ông Tien	Nhà ông Quang			0,150			Nhà ông Tien	Nhà ông Quang			0,150			

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
9	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: từ ĐT 634 đến nhà bà Trình Thị Liên	Đường ĐT 634	Nhà bà Trình Thị Liên			0,060			Đường ĐT 634	Nhà bà Trình Thị Liên			0,060			
10	Đường BTXM GTNT xã Cát Lâm; Tuyến: từ ĐT 634 đến nhà ông Lê Hoàng Anh	Đường ĐT 634	Nhà ông Lê Hoàng Anh			0,100			Đường ĐT 634	Nhà ông Lê Hoàng Anh			0,100			
V	XÃ CÁT KHÁNH (NAY LÀ THỊ TRẦN CÁT KHÁNH)			1,114	0,000	0,945	0,169	0,000			0,832	0,000	0,596	0,236	0,000	
1	Tuyến từ nhà ông Trần Văn Minh đến nhà ông Huỳnh Thanh Chữ	Trần Văn Minh	Huỳnh Thanh Chữ				0,071		Trần Văn Minh	Huỳnh Thanh Chữ				0,071		
2	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Cảnh Lanh đến nhà ông Mai Thanh Phụng	Nguyễn Cảnh Lanh	Mai Thanh Phụng			0,050			Nguyễn Cảnh Lanh	Mai Thanh Phụng			0,050			
3	Tuyến từ nhà ông Trần Hữu Anh đến nhà ông Lê Đình Công	Trần Hữu Anh	Lê Đình Công			0,260			Trần Hữu Anh	Lê Đình Công			0,260			
4	Tuyến từ nhà ông Đinh Phước Trung đến Mương cầu Quyền	Đinh Phước Trung	Mương cầu Quyền			0,550			Đinh Phước Trung	Mương cầu Quyền			0,2009	0,080		Điều chỉnh giảm quy mô loại đường và giảm chiều dài
5	Tuyến từ nhà ông Lê Thế Lương đến nhà bà Nguyễn Thị Dung	Lê Thế Lương	Nguyễn Thị Dung			0,085			Lê Thế Lương	Nguyễn Thị Dung			0,085			
6	Tuyến từ nhà ông Đặng Xuân Ánh đến nhà bà Nguyễn Thị Bình	Đặng Xuân Ánh	Nguyễn Thị Bình				0,098		Đặng Xuân Ánh	Nguyễn Thị Bình				0,085		Điều chỉnh giảm chiều dài
VI	XÃ CÁT HƯNG			5,200	1,600	3,600	0,000	0,000			0,990	0,000	0,700	0,000	0,290	
1	Đường BTXM giao thông nội đồng; Tuyến bờ Sông Sa	Khẩu bờ Huynh	Giáp xã Cát Nhơn			1,500			Khẩu bờ Huynh	Giáp xã Cát Nhơn			0,700			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn phía đông trụ sở công an xã	Đường Trục xã	Khu dân cư Thôn Mỹ Long		0,600				Đường Trục xã	Khu dân cư Thôn Mỹ Long		-				Không thực hiện
3	Đường BTXM giao thông nội đồng; Tuyến từ nhà Dũng Trát đi Đập Mẫu Nong	Nhà Dũng Trát	Đập Mẫu Nong			0,700			Nhà Dũng Trát	Đập Mẫu Nong					0,290	Điều chỉnh giảm quy mô loại đường và giảm chiều dài
4	Đường BTXM từ Cổng chào Hội Lộc đến Trường THCS Cát Hưng	Cổng chào Hội Lộc	Trường THCS Cát Hưng		1,000				Cổng chào Hội Lộc	Trường THCS Cát Hưng		-				Không thực hiện
5	Đường BTXM giao thông nội đồng; Tuyến từ nhà ông Lê Văn Hải đi Đập Mẫu Nong	Nhà Lê Văn hải	Đập Mẫu Nong			0,700			Nhà Lê Văn hải	Đập Mẫu Nong			-			Không thực hiện
6	Đường BTXM giao thông nội đồng; Tuyến từ nhà ông Lê Văn Hải đi Đập Mẫu Nong	Nhà ông Lê Văn Hải	Đập Mẫu Nong			0,700			Nhà ông Lê Văn Hải	Đập Mẫu Nong			-			Không thực hiện
VII	XÃ CÁT NHƠN			0,921	0,000	0,180	0,741	0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhơn; Tuyến: Nhà Nguyễn Thị Nương đến nhà ông Thái Văn Tiến	Nhà Nguyễn Thị Nương	Nhà Ông Thái Văn Tiến				0,195		Nhà Nguyễn Thị Nương	Nhà Ông Thái Văn Tiến				-		Không thực hiện
2	Tuyến bê tông từ cổng làng văn hóa thôn Trung Bình đến nhà Trịnh Ngọc Bình + tuyến đám luống lên Đình thôn Trung Bình	Cổng làng Văn hóa thôn Trung Bình	Đám luống Đình				0,326		Cổng làng Văn hóa thôn Trung Bình	Đám luống Đình				0,000		Không thực hiện
3	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhơn; Tuyến: Ngõ Phạm Phước Thanh đến ngã 3 nhà Cảnh	Ngõ Phạm Phước Thanh	Ngõ Nhà Cảnh				0,220		Ngõ Phạm Phước Thanh	Ngõ Nhà Cảnh				-		Không thực hiện
4	Đường BTXM GTNT xã Cát Nhơn; Tuyến: Từ nhà văn hóa thôn đến đường trục ngang	Nhà Văn hóa thôn An Nông	Giáp đường trục ngang			0,180			Nhà Văn hóa thôn An Nông	Giáp đường trục ngang			-			Không thực hiện
VIII	XÃ CÁT HANH			10,388	0,900	1,990	7,498	0,000			4,241	0,720	0,716	2,805	0,000	
1	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến Nối tiếp đường BTXM suối Vui (Từ nhà ông Phùng Văn Thanh đến nhà thờ họ Võ)	Từ nhà ông Thanh	Nhà thờ họ Võ			0,200			Từ nhà ông Thanh	Nhà thờ họ Võ			0,126			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến đường BT từ nhà ông Phan Xuân đến Nghĩa địa Gò Đổ	Từ nhà ông Phan Xuân	Nghĩa địa Gò Đổ				0,150		Từ nhà ông Phan Xuân	Nghĩa địa Gò Đổ				0,150		
3	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà ông An đến nhà ông Thành	Từ nhà ông An	Nhà ông Thành				0,100		Từ nhà ông An	Nhà ông Thành				0,100		
4	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà ông Phạm Đèo đến nhà ông Trần Minh Sự	Từ nhà Ông Phạm Đèo	Nhà ông Trần Minh Sự				0,200		Từ nhà Ông Phạm Đèo	Nhà ông Trần Minh Sự				-		Không thực hiện
5	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà hợp xóm Hanh Thông đến cầu xi măng	Từ nhà hợp xóm Hanh Thông	Cầu xi măng				0,650		Từ nhà hợp xóm Hanh Thông	Cầu xi măng				-		Không thực hiện
6	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà bà Lê Thị Hương đến Đồng giữa	Từ nhà bà Lê Thị Hương	Đồng giữa				0,220		Từ nhà bà Lê Thị Hương	Đồng giữa				-		Không thực hiện

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
7	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà bà Bùi Thị Hà đến nhà ông Lê văn Lập	Từ nhà bà Bùi Thị Hà	Nhà ông Lê văn Lập				0,120		Từ nhà bà Bùi Thị Hà	Nhà ông Lê văn Lập				0,111		Điều chỉnh giảm chiều dài
8	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà Ông Huỳnh Thu Công đến nhà ông Nguyễn Xuân An	Từ nhà Ông Huỳnh Thu Công	Nhà ông Nguyễn Xuân An				0,300		Từ nhà Ông Huỳnh Thu Công	Nhà ông Nguyễn Xuân An				-		Không thực hiện
9	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà Ông Phan Văn Dũng đến nhà ông Phan Thanh Bình	Từ nhà Ông Phan Văn Dũng	Nhà ông Phan Thanh Bình				0,140		Từ nhà Ông Phan Văn Dũng	Nhà ông Phan Thanh Bình				-		Không thực hiện
10	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà Ông Võ Thành đến nhà ông Huỳnh Văn Mẫn	Từ nhà Ông Võ Thành	Nhà ông Huỳnh Văn Mẫn				0,350		Từ nhà Ông Võ Thành	Nhà ông Huỳnh Văn Mẫn				0,189		Điều chỉnh giảm chiều dài
11	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà Ông Nguyễn Văn Toàn đến nhà ông Huỳnh Văn Mẫn	Từ nhà Ông Nguyễn Văn Toàn	Nhà ông Huỳnh Văn Mẫn				0,100		Từ nhà Ông Nguyễn Văn Toàn	Nhà ông Huỳnh Văn Mẫn				-		Không thực hiện
12	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ QL1A đi Tân Xuân	Từ QL1A	Đi Tân Xuân			1,000			Từ QL1A	Đi Tân Xuân			-			Không thực hiện
13	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà ông Hà Văn Hiệp đến nhà bà Lương Thị Miên	Nhà ông Hà Văn Hiệp	Nhà bà Lương Thị Miên				0,200		Nhà ông Hà Văn Hiệp	Nhà bà Lương Thị Miên				-		Không thực hiện
14	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BTXM xóm 1 đến nhà bà Hà Thị Út.	Từ đường BTXM xóm 1	Nhà bà Hà Thị Út.				0,350		Từ đường BTXM xóm 1	Nhà bà Hà Thị Út.				-		Không thực hiện
15	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT từ nhà Thành đi nhà Cảnh	Từ nhà Thành	Nhà Cảnh				0,100		Từ nhà Thành	Nhà Cảnh				0,074		Điều chỉnh giảm chiều dài
16	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT từ 634 đi nhà Hoàng	Từ ĐT.634	Nhà Hoàng				0,300		Từ ĐT.634	Nhà Hoàng				0,250		Điều chỉnh giảm chiều dài
17	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Thuận	Tuyến BT	Nhà Thuận				0,122		Tuyến BT	Nhà Thuận				-		Không thực hiện
18	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT 633 đi nhà Kính	Tuyến ĐT.633	Nhà Kính				0,176		Tuyến ĐT.633	Nhà Kính				0,054		Điều chỉnh giảm chiều dài
19	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT 634 đi nhà Nhung	Tuyến ĐT.634	Nhà Nhung				0,250		Tuyến ĐT.634	Nhà Nhung				0,110		Điều chỉnh giảm chiều dài
20	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT nhà Kháng đi nhà Hải	Nhà Kháng	Nhà Hải				0,220		Nhà Kháng	Nhà Hải				0,049		Điều chỉnh giảm chiều dài
21	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT nhà Bảo đi nhà Bang	Nhà Bảo	Nhà Bang				0,320		Nhà Bảo	Nhà Bang				0,043		Điều chỉnh giảm chiều dài
22	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT 634 đi 633	ĐT.634	ĐT.633				0,100		ĐT.634	ĐT.633				0,090		Điều chỉnh giảm chiều dài
23	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Ân	BT	Nhà Ân				0,193		BT	Nhà Ân				0,193		
24	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Diện	BT	Nhà Diện				0,070		BT	Nhà Diện				0,038		Điều chỉnh giảm chiều dài
25	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Cẩm nối tiếp	BT	Nhà Cẩm				0,104		BT	Nhà Cẩm				-		Không thực hiện
26	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Phụng	BT	Nhà Phụng				0,070		BT	Nhà Phụng				0,045		Điều chỉnh giảm chiều dài
27	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Hào	BT	Nhà Hào				0,052		BT	Nhà Hào				-		Không thực hiện
28	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Thiện	BT	Nhà Thiện				0,075		BT	Nhà Thiện				-		Không thực hiện
29	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Tài	BT	Nhà Tài				0,070		BT	Nhà Tài				-		Không thực hiện
30	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Xuân nối tiếp	BT	Nhà Xuân				0,060		BT	Nhà Xuân				0,030		Điều chỉnh giảm chiều dài
31	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Thương nối tiếp	BT	Nhà Thương				0,051		BT	Nhà Thương				0,038		Điều chỉnh giảm chiều dài
32	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Hoa	BT	Nhà Hoa				0,140		BT	Nhà Hoa				-		Không thực hiện
33	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Phụng	BT	Nhà Phụng				0,077		BT	Nhà Phụng				-		Không thực hiện
34	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Nhánh	BT	Nhà Nhánh				0,092		BT	Nhà Nhánh				0,086		Điều chỉnh giảm chiều dài
35	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Nhật	BT	Nhà Nhật				0,055		BT	Nhà Nhật				0,049		Điều chỉnh giảm chiều dài
36	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Trọng	BT	Nhà Trọng				0,100		BT	Nhà Trọng				0,075		Điều chỉnh giảm chiều dài
37	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Đức	BT	Nhà Đức				0,050		BT	Nhà Đức				-		Không thực hiện

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
38	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Dững	BT	Nhà Dững				0,050		BT	Nhà Dững				0,029		Điều chỉnh giảm chiều dài
39	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Thạnh	BT	Nhà Thạnh				0,130		BT	Nhà Thạnh				0,130		
40	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Giáo	BT	Nhà Giáo				0,102		BT	Nhà Giáo				0,091		Điều chỉnh giảm chiều dài
41	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến BT đi nhà Liễu	BT	Nhà Liễu				0,060		BT	Nhà Liễu				0,046		Điều chỉnh giảm chiều dài
42	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ Gia Vinh đến Ngõ Phấn	Từ Gia Vinh	Ngõ Phấn			0,590			Từ Gia Vinh	Ngõ Phấn			0,590			
43	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ Kênh S đến Gò Bứa	Từ Kênh S	Gò Bứa		0,720				Từ Kênh S	Gò Bứa		0,720				
44	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ ngõ Thà đến Miếu Giếng Tháp	Từ ngõ Thà	Miếu Giếng Tháp			0,200			Từ ngõ Thà	Miếu Giếng Tháp			-			Không thực hiện
45	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ nhà Sự đến xóm Gò Lao	Nhà Sự	Gò Lao				0,070		Nhà Sự	Gò Lao				0,044		Điều chỉnh giảm chiều dài
46	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT đến vào ngõ	Đường BT	Vào ngõ				0,100		Đường BT	Vào ngõ				0,086		Điều chỉnh giảm chiều dài
47	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ miếu Gò Lao đến vào ngõ	Miếu Gò Lao	Vào ngõ				0,180		Miếu Gò Lao	Vào ngõ				-		Không thực hiện
48	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường lớn đến nhà ông Hận	Tuyến từ đường lớn	Nhà ông Hận				0,040		Tuyến từ đường lớn	Nhà ông Hận				0,035		Điều chỉnh giảm chiều dài
49	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT đến nhà bà Liên (Gò Bứa)	Từ đường BT	Nhà bà Liên				0,075		Từ đường BT	Nhà bà Liên				0,027		Điều chỉnh giảm chiều dài
50	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ Kênh S đến nhà ông Hào	Từ Kênh S	Nhà ông Hào				0,200		Từ Kênh S	Nhà ông Hào				0,155		Điều chỉnh giảm chiều dài
51	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường Gò Bứa đến giếng Chòm	Từ đường Gò Bứa	Giếng Chòm		0,180				Từ đường Gò Bứa	Giếng Chòm		0,000				Không thực hiện
52	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ miếu giếng chòm đến nhà công	Giếng Chòm	Nhà Công				0,080		Giếng Chòm	Nhà Công				0,060		Điều chỉnh giảm chiều dài
53	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT giếng thấp đến nhà Thạch	BT giếng thấp	Nhà Thạch				0,050		BT giếng thấp	Nhà Thạch				-		Không thực hiện
54	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT Gò me đến nhà Hương	Từ đường BT Gò me	Nhà Hương				0,150		Từ đường BT Gò me	Nhà Hương				0,077		Điều chỉnh giảm chiều dài
55	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT nghĩa địa Khánh Vinh đến nhà Hạnh	BT nghĩa địa Khánh Vinh	Nhà Hạnh				0,150		BT nghĩa địa Khánh Vinh	Nhà Hạnh				-		Không thực hiện
56	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT Khánh Hòa đến nhà Thoại	Đường BT Khánh Hòa	Nhà Thoại				0,050		Đường BT Khánh Hòa	Nhà Thoại				0,023		Điều chỉnh giảm chiều dài
57	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT Khánh Hòa đến nhà Lý	Đường BT Khánh Hòa	Nhà Lý				0,054		Đường BT Khánh Hòa	Nhà Lý				0,040		Điều chỉnh giảm chiều dài
58	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT Giếng Thượng đến nhà Trường	Đường BT Giếng Thượng	Nhà Trường				0,075		Đường BT Giếng Thượng	Nhà Trường				0,038		Điều chỉnh giảm chiều dài
59	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT Giếng Thượng đến nhà Khích	Đường BT Giếng Thượng	Nhà Khích				0,100		Đường BT Giếng Thượng	Nhà Khích				0,098		Điều chỉnh giảm chiều dài
60	Đường BTXM-GTNT xã Cát Hanh; Tuyến từ đường BT Giếng Thượng đến nhà Thống	Đường BT Giếng Thượng	Nhà Thống				0,055		Đường BT Giếng Thượng	Nhà Thống				0,052		Điều chỉnh giảm chiều dài
IX	XÃ CÁT THẮNG			1,835	0,000	1,110	0,575	0,150			1,658	0,000	0,933	0,575	0,150	
	Thôn Long Hậu															
1	Mở rộng nâng cấp Đường bê tông GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ cống Đập Bải – Xóm 4 Trong thôn Long Hậu	Cống Đập Bải	Xóm 4 Trong			0,700			Cống Đập Bải	Xóm 4 Trong			0,523			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà ông Hương - Mương bê tông Nam Lão Tâm	Nhà ông Hương	Mương bê tông Nam Lão Tâm			0,110			Nhà ông Hương	Mương bê tông Nam Lão Tâm			0,110			
	Thôn Phú Giáo															
3	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ Ngõ Quyền – Mương 3 Huyện	Ngõ Quyền	Mương 3 Huyện			0,300			Ngõ Quyền	Mương 3 Huyện			0,300			
4	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà Nguyễn Văn Tý- giáp đê	Nhà Nguyễn Văn Tý	Giáp đê				0,120		Nhà Nguyễn Văn Tý	Giáp đê				0,120		

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
5	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà Lê Cảnh Đức - Mương thủy lợi	Nhà Lê Cảnh Đức	Mương thủy lợi				0,110		Nhà Lê Cảnh Đức	Mương thủy lợi				0,110		
6	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà Lê Văn Trường - Lê Ngọc Anh	Nhà ông Lê Cảnh Đức	Mương thủy lợi				0,045		Nhà ông Lê Cảnh Đức	Mương thủy lợi				0,045		
	Thôn Hưng Trị															
7	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà Võ Văn Toàn- Nhà Nguyễn Văn Hạnh	Nhà Võ Văn Toàn	Nhà Nguyễn Văn Hạnh				0,060		Nhà Võ Văn Toàn	Nhà Nguyễn Văn Hạnh				0,060		
8	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà Nguyễn Ngọc Toàn- Nhà Đào Duy Huy	Nguyễn Ngọc Toàn	Nhà Đào Duy Huy				0,130		Nguyễn Ngọc Toàn	Nhà Đào Duy Huy				0,130		
9	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà Nguyễn Thị Bé - nhà Tô Bá Sang	Nhà Nguyễn Thị Bé	Nhà Tô Bá Sang				0,060		Nhà Nguyễn Thị Bé	Nhà Tô Bá Sang				0,060		
10	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà Nguyễn Văn Thống - nhà Tô Bá Bộ	Nhà Nguyễn Văn Thống	Nhà Tô Bá Bộ					0,040	Nhà Nguyễn Văn Thống	Nhà Tô Bá Bộ					0,040	
11	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ nhà Nguyễn Văn Thống - Nhà Nguyễn Thị Gái	Nhà Nguyễn Văn Thống	Nhà Nguyễn Thị Gái				0,050		Nhà Nguyễn Văn Thống	Nhà Nguyễn Thị Gái				0,050		
	Thôn Mỹ Bình															
12	Đường BTXM -GTNT xã Cát Thắng, tuyến: từ đường bê tông- Ngõ Lâm	Đường bê tông	Ngõ Lâm					0,110	Đường bê tông	Ngõ Lâm					0,110	
X	XÃ CÁT SƠN			3,916	0,000	2,821	0,743	0,352			1,530	0,000	0,727	0,451	0,352	
1	Từ nhà ông Nguyễn Hùng đến mương NC	Từ nhà ông Nguyễn Hùng	Mương NC			0,500			Từ nhà ông Nguyễn Hùng	Mương NC			0,421			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Từ đường BT đến nhà bà Nhiều và ông Vũ xóm Sơn Tự	Từ đường BT	Bà Nhiều và ông Vũ				0,292		Từ đường BT	Bà Nhiều và ông Vũ				-		Không thực hiện
3	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Hà xóm Sơn Tuyền Bắc	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Hà				0,050		Từ đường ĐT 634	Nhà ông Hà				0,050		
4	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Dũng xóm Sơn Văn	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Dũng					0,107	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Dũng					0,107	
5	Từ đường ĐT 634 đến nhà ông Thắng xóm Sơn Văn	Từ đường ĐT 634	Nhà ông Thắng			0,021			Từ đường ĐT 634	Nhà ông Thắng			0,021			
6	Từ đường BT nhà ông Anh đến nhà ông Đặng Giác xóm Sơn Lạc Đông	Từ đường BT nhà ông Anh	Nhà ông Đặng Giác				0,214		Từ đường BT nhà ông Anh	Nhà ông Đặng Giác				0,214		
7	Từ đường BT Sơn Nguyên đến giáp đường tỉnh đội	Nhà ông Đặng Văn Tuấn	Giáp đường tỉnh đội			2,000			Nhà ông Đặng Văn Tuấn	Giáp đường tỉnh đội			-			Không thực hiện
8	Nhà ông Nguyễn Quốc Dũng đến nhà ông Nguyễn Văn Nam	Nhà ông Nguyễn Quốc Dũng	Nhà ông Nguyễn Văn Nam			0,300			Nhà ông Nguyễn Quốc Dũng	Nhà ông Nguyễn Văn Nam			0,285			Điều chỉnh giảm chiều dài
9	Từ đường BT đến nhà bà Lợi xóm Sơn Quy	Từ đường BT	Nhà bà Lợi				0,104		Từ đường BT	Nhà bà Lợi				0,104		
10	Từ đường BT đến nhà ông Quốc xóm Sơn Quy	Từ đường BT	Nhà ông Quốc					0,070	Từ đường BT	Nhà ông Quốc					0,070	
11	Từ đường BT đến nhà ông Võ Ba xóm Sơn Quy	Từ đường BT	Nhà ông Võ Ba					0,085	Từ đường BT	Nhà ông Võ Ba					0,085	
12	Từ đường BT đến nhà bà Nam xóm Sơn Phụng	Từ đường BT	Nhà bà Nam					0,090	Từ đường BT	Nhà bà Nam					0,090	
13	Từ đường BT đến nhà ông Hà xóm Sơn Phụng	Từ đường BT	Nhà ông Hà				0,083		Từ đường BT	Nhà ông Hà				0,083		
XI	XÃ CÁT MINH										2,400	0,000	0,645	1,094	0,661	
1	Tuyến từ Nguyễn Thủ Cơ đến Lê Thị Lang								Nguyễn Thủ Cơ	Lê Thị Lang			0,070			Bổ sung mới
2	Tuyến Lê Thị Lang đến Trương Bảng								Lê Thị Lang	Trương Bảng				0,025		Bổ sung mới
3	Tuyến Phạm Thị Mỹ Dung đến Nguyễn Tâm								Phạm Thị Mỹ Dung	Nguyễn Tâm				0,055		Bổ sung mới
4	Tuyến bê tông Gò Đắc đến Nguyễn Hưng								Gò Đắc	Nguyễn Hưng			0,072			Bổ sung mới
5	Tuyến bê tông Phạm Hiệp đến Châu Văn Hiếu								Phạm Hiệp	Châu Văn Hiếu			0,043			Bổ sung mới
6	Tuyến bê tông nhà Yến đến Phạm Công Tấn								Nhà Yến	Phạm Công Tấn				0,082		Bổ sung mới
7	Tuyến Lê Thị lang đến Nguyễn Minh Mạng								Lê Thị Lang	Nguyễn Minh Mạng				0,022		Bổ sung mới
8	Tuyến bê tông Võ Bá đến Trần Cao Thắng								Võ Bá	Trần Cao Thắng					0,052	Bổ sung mới
9	Tuyến bê tông Trương Bảng đến Phan Thế Hùng								Trương Bảng	Phan Thế Hùng				0,025		Bổ sung mới
10	Tuyến bê tông từ chùa Phước Hải đến Trần Minh Sơn								bê tông	Trần Minh Sơn					0,085	Bổ sung mới
11	Tuyến từ tỉnh lộ 633 đến nhà ông Bùi Quang Cảnh								Tô Thanh Tùng	Bùi Quang Cảnh					0,040	Bổ sung mới
12	Tuyến từ tỉnh lộ 633 đến nhà bà Trần Thị Thuý								ĐT633	Trần Minh Sơn				0,200		Bổ sung mới
13	Tuyến từ công 3 Quý đến ngõ Nguyễn Đình Long								Cổng 3 Quý	Nguyễn Đình Long					0,075	Bổ sung mới
14	Tuyến từ ngõ Tô Văn Phiến đến ngõ Tô Văn Cảnh								Tô Văn Phiến	Tô văn Cảnh					0,080	Bổ sung mới

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
15	Tuyến từ ngõ Tô Văn Phiên đến ngóc Tô Văn Đình								Tô Văn Phiên	Tô Văn Đình				0,040		Bổ sung mới
16	Tuyến từ Nguyễn Nhâm đến ngõ bà Lê Thị Miên								Nguyễn Nhâm	Lê Thị Miên				0,030		Bổ sung mới
17	Tuyến ĐT 633 đến nhà Thân Thị Luật								ĐT 633	Thân Thị Luật			0,080			Bổ sung mới
18	Bê tông cầu Tản đến nhà ông Phạm Ngọc Thơ								Bê tông	Phạm Ngọc Thơ			0,070			Bổ sung mới
19	Bê tông Lê Thị Ngê đến nhà Nguyễn Thị Thu Ba								Lê Thị Ngê	Nguyễn Thị Thu Ba				0,200		Bổ sung mới
20	Bê tông An Tài đến Nguyễn Tấn Thành								Nguyễn Thị Trung	Nguyễn Tấn Thành					0,140	Bổ sung mới
21	Bê tông Trung Tâm đến Phạm Thành Danh								bê tông	Phạm Thành Danh				0,140		Bổ sung mới
22	Bê tông Trung Thiện đến Nguyễn Văn Thông								Bê tông Trung Thiện	Nguyễn Văn Thông					0,140	Bổ sung mới
23	Bê tông Trung Thiện đến Hồ Thị Mai								Bê tông Trung Thiện	Hồ Thị Mai				0,040		Bổ sung mới
24	Bê tông Trung Tâm đến Nguyễn Hiệp Sự								bê tông	Nguyễn Hiệp Sự				0,080		Bổ sung mới
25	Bê tông Trung Tâm đến Tô Văn Hạnh								Bê tông Trung Tâm	Tô Văn Hạnh					0,080	Bổ sung mới
26	Tuyến Huỳnh Anh Sơ đến Phạm Văn Trúc								Huỳnh Anh Sơ	Phạm Văn Trúc					0,050	Bổ sung mới
27	Tuyến bê tông An Tài đến nhà ông Nguyễn Tấn Thành								Bê tông An Tài	Nguyễn Tấn Thành					0,074	Bổ sung mới
28	Bê tông nội đồng suối Trương đến Nguyễn Trùng Dương								Bê tông nội đồng suối trương	Nguyễn Trùng Dương			0,280			Bổ sung mới
29	Từ đường ra cầu Tản đến nhà ông Nguyễn Văn Thương								Bê tông cầu Tản	Nguyễn Văn Thương			0,030			Bổ sung mới
Tổng cộng :				32,346	2,500	14,853	10,956	4,037			16,713	0,720	6,199	6,248	3,546	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ	32,346 Km	16,713 Km
- Đường GTNT loại A:	2,500 Km	0,720 Km
- Đường GTNT loại B:	14,853 Km	6,199 Km
- Đường GTNT loại C:	10,956 Km	6,248 Km
- Đường GTNT loại D:	4,037 Km	3,546 Km
2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:	4.145,127 Tấn	1.973,651 Tấn
- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/Km	495,000 Tấn	142,560 Tấn
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/Km	2.272,509 Tấn	948,447 Tấn
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/Km	1.062,732 Tấn	606,056 Tấn
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/Km	314,886 Tấn	276,588 Tấn

PHỤ LỤC I.06: PHÙ MỸ

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN PHÙ MỸ
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	XÃ MỸ CHÁNH TÂY			2,200	0,000	0,000	2,200	0,000			2,200	0,000	0,000	2,200	0,000	
1	BTXM tuyến đường từ đập Đám Lớn đi ruộng Mun	Đập Đám Lớn	Ruộng Mun				1,000		Đập Đám Lớn	Ruộng Mun				1,000		
2	BTXM tuyến từ đập Mương Dung đi Ngõ Tỳ	Đập Mương Dung	Ngõ Tỳ				1,200		Đập Mương Dung	Ngõ Tỳ				1,200		
II	XÃ MỸ ĐỨC			1,430	0,000	0,120	1,310	0,000			0,870	0,000	0,000	0,870	0,000	
1	BTXM nhà ông Vũ đến nhà bà Xê	Nhà ông Vũ	Nhà bà Xê				0,180		Nhà ông Vũ	Nhà bà Xê				-		Không thực hiện
2	BTXM nhà ông Toàn đến miếu An Lạc	Nhà ông Toàn	Miếu An Lạc				0,150		Nhà ông Toàn	Miếu An Lạc				-		Không thực hiện
3	BTXM nhà ông Đức đến Nghĩa trang Liệt sĩ	Nhà ông Đức	NTLS				0,200		Nhà ông Đức	NTLS				-		Không thực hiện
4	BTXM nhà bà Huế đến nhà ông Nghị	Nhà bà Huế	Nhà ông Nghị				0,160		Nhà bà Huế	Nhà ông Nghị				-		Không thực hiện
5	BTXM ao Tiến đến nhà ông Long	Ao Tiến	Nhà ông Long				0,100		Ao Tiến	Nhà ông Long				-		Không thực hiện
6	BTXM nhà ông Bình đến cầu Trà Ó	Nhà ông Bình	Cầu Trà Ó				0,150		Nhà ông Bình	Cầu Trà Ó				-		Không thực hiện
7	BTXM nhà ông Lên đến nhà ông Trần	Nhà ông Lên	Nhà ông Trần				0,170		Nhà ông Lên	Nhà ông Trần				-		Không thực hiện
8	BTXM cổng xóm 8 đi nhà bà Xuân	Cổng xóm 8	Nhà bà Xuân				0,200		Cổng xóm 8	Nhà bà Xuân				-		Không thực hiện
9	BTXM cổng chào Phú Hòa đến nhà bà Mười	Cổng chào	Nhà bà Mười			0,120			Cổng chào	Nhà bà Mười			-			Không thực hiện
10	BTXM từ nhà ông Chiến đến đường bê tông An Lạc								Nhà ông chiến	đường BT An Lạc				0,440		Bổ sung mới
11	BTXM cổng Điện đi Đồng Hóc								Cổng điện	đồng Hóc				0,131		Bổ sung mới
12	BTXM nhà bà Lê đi nhà ông Hào								Nhà bà Lê	nhà ông Hào				0,171		Bổ sung mới
13	BTXM nhà bà Tài đi nhà ông Chối								nhà bà Tài	nhà ông Chối				0,128		Bổ sung mới
III	XÃ MỸ LỘC			3,219	0,000	0,000	2,677	0,542			2,700	0,000	0,000	2,037	0,663	
1	BTXM từ nhà ông Nguru đến nhà ông Ánh	Nhà ông Nguru	Nhà ông Ánh				0,150		Nhà ông Nguru	Nhà ông Ánh				0,150		
2	BTXM từ nghĩa địa Vĩnh Thuận đến giáp đường bê tông xi măng đi Vạn Định	Nghĩa địa Vĩnh Thuận	BTXM đi Vạn Định				0,203		Nghĩa địa Vĩnh Thuận	BTXM đi Vạn Định				0,203		
3	BTXM từ nhà ông Bảo đến nhà ông Công	Nhà ông Bảo	Nhà ông Công				0,100		Nhà ông Bảo	Nhà ông Công				-		Không thực hiện
4	BTXM từ nhà ông Hoa đến nhà ông Phước	Nhà ông Hoa	Nhà ông Phước				0,397		Nhà ông Hoa	Nhà ông Phước				0,397		
5	BTXM từ nhà ông Lâm đến nhà ông Diệp	Nhà ông Lâm	Nhà ông Diệp				0,150		Nhà ông Lâm	Nhà ông Diệp				-		Không thực hiện
6	BTXM từ nhà ông Thoại đến nhà ông Phước	Nhà ông Thoại	Nhà ông Phước					0,100	Nhà ông Thoại	Nhà ông Phước				-		Không thực hiện
7	BTXM từ nhà ông Đạo đến nhà ông Sỹ	Nhà ông Đạo	nhà ông Sỹ					0,125	Nhà ông Đạo	nhà ông Sỹ					0,125	
8	BTXM nhà ông Dũng đến nhà bà Tuyết	Nhà ông Dũng	Nhà Bà Tuyết					0,139	Nhà ông Dũng	Nhà Bà Tuyết				-		Không thực hiện
9	BTXM từ nhà bà Trâm đến nhà ông Dũng	Nhà bà Trâm	nhà ông Dũng					0,100	Nhà bà Trâm	nhà ông Dũng					0,100	
10	BTXM từ Mạch Dài đến nhà ông Trung	Mạch Dài	nhà ông Trung				0,177		Mạch Dài	nhà ông Trung				0,177		
11	BTXM từ nhà ông Dư đến nhà ông Lang	Nhà ông Dư	nhà ông Lang					0,078	Nhà ông Dư	nhà ông Lang					0,078	
12	BTXM giao thông nội đồng tuyến đường từ nhà ông Chương đến Đập Ký	Nhà ông Chương	Đập Ký				0,368		Nhà ông Chương	Đập Ký				-		Không thực hiện
13	BTXM giao thông nội đồng tuyến đường từ nhà ông Danh đến Gò Chùa Vĩnh Long	nhà ông Danh	Gò Chùa Vĩnh Long				0,630		nhà ông Danh	Gò Chùa Vĩnh Long				-		Không thực hiện
14	BTXM giao thông nội đồng tuyến đường từ nhà ông Vương đến giáp BTXM đi thị trấn Bình Dương	Nhà ông Vương	BTXM đi thị trấn Bình Dương				0,502		Nhà ông Vương	BTXM đi thị trấn Bình Dương				-		Không thực hiện
15	BTXM tuyến từ nhà ông Vương đến nhà ông Trung								Nhà ông Vương	Nhà ông Trung				0,880		Bổ sung mới
16	BTXM tuyến từ cầu đập Bi đến nhà ông An								Đập Bi	nhà ông An					0,360	Bổ sung mới
17	BTXM tuyến đường từ nhà bà Trà đến nhà ông Đức								nhà bà Trà	nhà ông Đức				0,230		Bổ sung mới
IV	XÃ MỸ LỢI			0,300	0,000	0,300	0,000	0,000			0,300	0,000	0,300	0,000	0,000	
1	BTXM từ ngã ba Đồng Hổng đến Miếu Sơn	Ngã ba Đồng Hổng	Miếu Sơn			0,300			Ngã ba Đồng Hổng	Miếu Sơn			0,300			
V	XÃ MỸ THỌ			1,116	0,875	0,241	0,000	0,000			1,116	0,875	0,241	0,000	0,000	
1	BTXM tuyến đường từ sừng bầu Tân Phụng đến Lăng	Sừng bầu	Lăng		0,597				Sừng bầu	Lăng		0,597				
2	BTXM đường nội bộ chợ Mỹ Thọ	Nhà ông Thập	Nhà ông Du		0,278				Nhà ông Thập	Nhà ông Du		0,278				
3	BTXM tuyến đường từ nhà ông Nhiên đến bờ hồ Hóc Nạn	Nhà ông Nhiên	Bờ hồ Hóc Nạn			0,241			Nhà ông Nhiên	Bờ hồ Hóc Nạn			0,241			
VI	XÃ MỸ THĂNG			0,965	0,965	0,000	0,000	0,000			0,965	0,965	0,000	0,000	0,000	
1	BTXM tuyến đường từ khu thể thao đến nhà bà A	Khu thể thao	Bà A		0,965				Khu thể thao	Bà A		0,965				
VII	XÃ MỸ THÀNH			1,034	0,000	0,000	0,700	0,334			1,034	0,000	0,000	0,700	0,334	
1	BTXM tuyến đường từ nhà ông Từ Công Huỳnh đến Cầu Đu	Nhà ông Từ Công Huỳnh	Cầu đu				0,700		Nhà ông Từ Công Huỳnh	Cầu đu				0,700		
2	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Bài	đường bê tông	Nhà ông Bài					0,080	đường bê tông	Nhà ông Bài					0,080	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
3	BTXM ngõ xóm thôn Hòa Hội Bắc															
	<i>Đoạn 1</i>	Nhà bà Mai	Nhà ông Khánh					0,022	Nhà bà Mai	Nhà ông Khánh					0,022	
	<i>Đoạn 2</i>	Nhà ông Diệp	Nhà ông Cư					0,061	Nhà ông Diệp	Nhà ông Cư					0,061	
	<i>Đoạn 3</i>	Nhà ông Trắng	Nhà ông Lâm					0,066	Nhà ông Trắng	Nhà ông Lâm					0,066	
	<i>Đoạn 4</i>	Nhà ông Ngõ	Nhà bà Tính					0,105	Nhà ông Ngõ	Nhà bà Tính					0,105	
VIII	XÃ MỸ HIỆP			0,964	0,964	0,000	0,000	0,000			0,964	0,964	0,000	0,000	0,000	
1	Đường BTXM khu dân cư Đại Thuận năm 2023	Đường BTXM KDC năm 2020	Nhà ông Anh		0,964				Đường BTXM KDC năm 2020	Nhà ông Anh		0,964				
IX	THỊ TRẤN BÌNH DƯƠNG			0,383	0,000	0,000	0,383	0,000			0,383	0,000	0,000	0,383	0,000	
1	BTXM từ nhà ông Liềm đến nhà ông Hảng	Nhà ông Liềm	Nhà ông Hảng				0,050		Nhà ông Liềm	Nhà ông Hảng				0,050		
2	BTXM từ ruộng ông Dũng đến ruộng bà Cảnh	Ruộng ông Dũng	Ruộng bà Cảnh				0,080		Ruộng ông Dũng	Ruộng bà Cảnh				0,080		
3	BTXM từ nhà ông Triều đến nhà ông Dũng	Nhà ông Triều	Nhà ông Dũng				0,085		Nhà ông Triều	Nhà ông Dũng				0,085		
4	Từ nhà ông Thạch đến nhà bà Tâm	Nhà ông Thạch	Nhà bà Tâm				0,083		Nhà ông Thạch	Nhà bà Tâm				0,083		
5	Từ ngã ba nhà ông Nờ đến ruộng ông Nờ	Ngã ba nhà ông Nờ	Ruộng ông Nờ				0,085		Ngã ba nhà ông Nờ	Ruộng ông Nờ				0,085		
X	THỊ TRẤN PHÚ MỸ			2,672	0,960	1,712	0,000	0,000			2,672	0,960	1,712	0,000	0,000	
1	BTXM các tuyến đường nội thị khu phố Diêm tiêu	Nhà ông Thi	Nhà ông Tú			1,025			Nhà ông Thi	Nhà ông Tú			1,025			
2	BTXM tuyến đường nội bộ khu phố An Lạc Đông 1 và An Lạc Đông 2	Nhà ông Hạnh	Nhà ông Phương			0,427			Nhà ông Hạnh	Nhà ông Phương			0,427			
3	BTXM tuyến đường nội thị từ đường Tây Sơn đến đường Lê Lợi khu phố An Lạc Đông 1	Nhà bà An	Đường Lê Lợi		0,960				Nhà bà An	Đường Lê Lợi		0,960				
4	BTXM tuyến đường Đèo Nhông - Dương Liễu đến nhà ông Tự và ông Khanh	Đường Đèo Nhông - Dương Liễu	Nhà ông Tự, ông Khanh			0,260			Đường Đèo Nhông - Dương Liễu	Nhà ông Tự, ông Khanh			0,260			
XI	XÃ MỸ TRINH			2,375	0,605	0,977	0,793	0,000			2,375	0,605	0,977	0,793	0,000	
1	BTXM tuyến đường từ Gò Làng đến giáp QL.1A	Ngã ba nhà ông Liễu	Giáp QL.1A		0,605				Ngã ba nhà ông Liễu	Giáp QL.1A		0,605				
2	BTXM tuyến đường từ nhà ông Sanh qua suối Đồng Chại	Ngã ba nhà ông Sanh	Giáp nương Vực Gai			0,434			Ngã ba nhà ông Sanh	Giáp nương Vực Gai			0,434			
3	BTXM tuyến đường từ nhà ông 7 Cắm đến nhà ông 6 Vạn	Ngã ba nhà ông Cắm	Ngã ba nhà ông Vạn			0,207			Ngã ba nhà ông Cắm	Ngã ba nhà ông Vạn			0,207			
4	BTXM tuyến đường Đồng Thủ	Giáp đường bê tông đi Hóc Cau	Giáp đường bê tông nhà ông Sỹ			0,405			Giáp đường bê tông đi Hóc Cau	Giáp đường bê tông nhà ông Sỹ				0,405		
5	BTXM các tuyến đường xóm Tân Phúc 1 và xóm Tân Phúc 2															
5.1	<i>Đoạn 1: Từ nhà ông Mẫn đến giáp đường tránh QL.1A</i>	Ngã ba nhà ông Mẫn	Giáp QL.1A			0,145			Ngã ba nhà ông Mẫn	Giáp QL.1A			0,145			
5.2	<i>Đoạn 2: Từ đường tránh QL1A đến giáp khu dân cư mới</i>	Đường tránh QL.1A	Nhà ông Quảng			0,141			Đường tránh QL.1A	Nhà ông Quảng			0,141			
5.3	<i>Đoạn 3: Từ đường tránh QL1A đến giáp nhà ông Chánh</i>	Đường tránh QL.1A	Nhà ông Chánh			0,050			Đường tránh QL.1A	Nhà ông Chánh			0,050			
9	BTXM tuyến đường từ nhà ông Đoàn Túy Việt đi đồng Đơn	Ngã ba nhà ông Việt	Giáp QL.1A				0,388		Ngã ba nhà ông Việt	Giáp QL.1A				0,388		
XII	XÃ MỸ CHÁNH			1,991	0,290	0,000	0,238	1,463			1,869	0,290	0,000	0,238	1,341	
1	Đường BTXM từ đường Nhà Đá -An Lương đến giáp dê sông Cạn thôn Đông An	Đường Nhà Đá-An Lương	Đê Sông Cạn		0,290				Đường Nhà Đá-An Lương	Đê Sông Cạn		0,290				
2	Đường BTXM từ nhà ông Sâm đến nhà ông Trị thôn Chánh An	Nhà ông Sâm	Nhà ông Trị			0,036			Nhà ông Sâm	Nhà ông Trị				0,036		
3	Đường BTXM từ nhà ông Lưu đến giáp nhà ông Dũng thôn Hiệp An	Nhà ông Lưu	Nhà ông Dũng					0,066	Nhà ông Lưu	Nhà ông Dũng					0,066	
4	Đường BTXM từ nhà bà Tám đến giáp nhà ông Dũng thôn Lương Trung	Nhà bà Tám	Nhà ông Dũng					0,135	Nhà bà Tám	Nhà ông Dũng					0,135	
5	Đường BTXM từ nhà ông Hào đến giáp nhà ông Trường thôn Lương Trung	Nhà ông Hào	Nhà ông Trường					0,037	Nhà ông Hào	Nhà ông Trường					0,037	
6	Đường BTXM từ nhà ông Thông đến giáp nhà ông Võ Tịnh thôn Lương Trung	Nhà ông Thông	Nhà ông Võ Tịnh					0,066	Nhà ông Thông	Nhà ông Võ Tịnh					0,066	
7	Đường BTXM từ nhà ông Hiền đến giáp nhà ông Thân thôn Lương Trung	Nhà ông Hiền	Nhà ông Thân					0,035	Nhà ông Hiền	Nhà ông Thân					0,035	
8	Đường BTXM từ nhà ông Sơn đến giáp nhà ông Trần Đạt thôn Công Trung	Nhà ông Sơn	Nhà ông Trần Đạt					0,094	Nhà ông Sơn	Nhà ông Trần Đạt					0,094	
9	Đường BTXM từ nhà ông Lai đến giáp nhà ông Khanh thôn Công Trung	Nhà ông Lai	Nhà ông Khanh					0,060	Nhà ông Lai	Nhà ông Khanh					0,060	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
10	Đường BTXM từ Cầu Suối Hương đến giáp nhà bà Hạnh thôn Công Trung	Cầu Suối Hương	Nhà bà Hạnh					0,060	Cầu Suối Hương	Nhà bà Hạnh					0,060	
11	Đường BTXM từ nhà bà Tài đến giáp nhà ông Đào thôn Thái An	Nhà bà Tài	Nhà ông Đào					0,056	Nhà bà Tài	Nhà ông Đào					0,056	
12	Đường BTXM từ nhà ông Hương đến giáp nhà ông Chi thôn Thái An	Nhà bà Tài	Nhà ông Đào					0,075	Nhà bà Tài	Nhà ông Đào					0,075	
13	Đường BTXM từ nhà ông Thành đến giáp nhà ông Kiệt thôn Thái An	Nhà ông Thành	Nhà ông Kiệt			0,044			Nhà ông Thành	Nhà ông Kiệt			0,044			
14	Đường BTXM từ nhà ông Hoàng đến giáp nhà bà Triêm thôn Thái An	Nhà ông Hoàng	Nhà bà Triêm					0,036	Nhà ông Hoàng	Nhà bà Triêm					0,036	
15	Đường BTXM từ nhà ông Ngọc đến giáp nhà bà Văn thôn Thái An	Nhà ông Hoàng	Nhà bà Triêm					0,120	Nhà ông Hoàng	Nhà bà Triêm					0,120	
16	Đường BTXM từ nhà ông Khiêm đến giáp nhà ông Thắng thôn Lương Thái	Nhà ông Khiêm	Nhà ông Thắng					0,065	Nhà ông Khiêm	Nhà ông Thắng					-	Không thực hiện
17	Đường BTXM từ đê sông Cạn đến giáp nhà ông Ký thôn Lương Thái	Đê sông Cạn	Nhà ông Ký					0,057	Đê sông Cạn	Nhà ông Ký					-	Không thực hiện
18	Đường BTXM từ nhà ông Sáu đến giáp nhà bà Lan thôn Lương Thái	Đê sông Cạn	Nhà ông Ký				0,080		Đê sông Cạn	Nhà ông Ký				0,080		
19	Đường BTXM từ nhà ông Lân đến giáp nhà nhà ông Học thôn Lương Thái	Nhà ông Lân	Nhà ông Học				0,035		Nhà ông Lân	Nhà ông Học				0,035		
20	Đường BTXM từ đê sông Cạn đến giáp nhà ông Xem thôn Lương Thái	Đê sông Cạn	Nhà ông Xem				0,043		Đê sông Cạn	Nhà ông Xem				0,043		
21	Đường BTXM từ nhà ông Phụng đến giáp nhà ông Trung, ông Mai thôn Đông An	Nhà ông Phụng	Nhà ông Mai, ông Trung					0,239	Nhà ông Phụng	Nhà ông Mai, ông Trung					0,239	
22	Đường BTXM từ nhà ông Sơn đến giáp nhà ông Thiện thôn Đông An	Nhà ông Sơn	Nhà ông Thiện					0,098	Nhà ông Sơn	Nhà ông Thiện					0,098	
23	Đường BTXM từ nhà ông Thành đến giáp nhà ông Hùng thôn Đông An	Nhà ông Thành	Nhà ông Hùng					0,065	Nhà ông Thành	Nhà ông Hùng					0,065	
24	Đường BTXM từ bờ cao đến giáp nhà ông Nguyễn thôn An Xuyên 1	Bờ cao	Nhà ông Nguyễn					0,099	Bờ cao	Nhà ông Nguyễn					0,099	
XIII	XÃ MỸ QUANG			3,900	0,000	2,175	1,725	0,000			3,900	0,000	2,175	1,725	0,000	
1	BTXM tuyến đường từ trạm hạ thế Tân An đến nhà ông Thê	Trạm hạ thế	Nhà ông Thê			0,450			Trạm hạ thế	Nhà ông Thê			0,450			
2	BTXM tuyến đường từ cầu Bình Trị đến cầu suối Bình Trị	Cầu Bình Trị	Cầu suối Bình Trị			0,450			Cầu Bình Trị	Cầu suối Bình Trị			0,450			
3	BTXM tuyến đường từ nhà ông Vinh đến nhà ông Trần Hoa	Nhà ông Vinh	Nhà ông Hoa			0,520			Nhà ông Vinh	Nhà ông Hoa			0,520			
4	BTXM tuyến đường nội bộ khu dân cư ruộng mía	Đầu khu dân cư	Cuối khu dân cư			0,245			Đầu khu dân cư	Cuối khu dân cư			0,245			
5	BTXM tuyến đường từ nhà bà Ty đến nhà ông Nhân	Nhà bà Ty	Nhà ông Nhân				0,745		Nhà bà Ty	Nhà ông Nhân				0,745		
6	BTXM tuyến đường từ nhà ông Định đến nhà ông Phương và đường nội bộ khu dân cư Rừng Phú	Nhà ông Định	Đường nội bộ khu dân cư			0,290			Nhà ông Định	Đường nội bộ khu dân cư			0,290			
7	BTXM tuyến đường từ nhà ông Hà đến nhà ông Huệ	Nhà ông Hà	Nhà ông Huệ			0,220			Nhà ông Hà	Nhà ông Huệ			0,220			
8	BTXM từ đường bê tông đến nhà ông Khoa	Đường bê tông	Nhà ông Khoa			0,150			Đường bê tông	Nhà ông Khoa			0,150			
9	BTXM tuyến đường từ hồ Hóc Mẩn đến núi ông Diệu	Hồ Hóc Mẩn	Núi ông Diệu			0,530			Hồ Hóc Mẩn	Núi ông Diệu			0,530			
10	BTXM tuyến đường từ đường xi măng đến nhà ông Thi	Đường bê tông	Nhà ông Thi				0,300		Đường bê tông	Nhà ông Thi				0,300		
XIV	XÃ MỸ CÁT			2,532	0,000	1,850	0,682	0,000			2,532	0,000	1,850	0,682	0,000	
1	BTXM từ nhà ông Thủy đến nhà ông Bê	Nhà ông Thủy	Nhà ông Bê			0,052			Nhà ông Thủy	Nhà ông Bê			0,052			
2	BTXM từ nhà ông Tường đến nhà ông Tùng	Nhà ông Tường	Nhà ông Tùng			0,030			Nhà ông Tường	Nhà ông Tùng			0,030			
3	BTXM từ nhà ông Nghiêm đến nhà ông Hoanh	Nhà ông Nghiêm	Nhà ông Hoanh			0,120			Nhà ông Nghiêm	Nhà ông Hoanh			0,120			
4	BTXM từ nhà ông Thọ đến nhà ông Bình	Nhà ông Thọ	Nhà ông Bình			0,125			Nhà ông Thọ	Nhà ông Bình			0,125			
5	BTXM từ nhà ông Khánh đến nhà bà Tuyền	Nhà ông Khánh	Nhà bà Tuyền			0,045			Nhà ông Khánh	Nhà bà Tuyền			0,045			
6	BTXM từ nhà ông Tấn Sa đến nhà ông Châu Đích	Nhà Tấn Sa	Châu Đích			0,150			Nhà Tấn Sa	Châu Đích			0,150			
7	BTXM từ nhà Lốc đến nhà ông Hiếu	Nhà Lốc	Nhà ông Hiếu			0,035			Nhà Lốc	Nhà ông Hiếu			0,035			
8	BTXM từ nhà ông Tiến đến nhà ông Tâm - Trung	Nhà ông Tiến	Nhà ông Tâm - Trung			0,065			Nhà ông Tiến	Nhà ông Tâm - Trung			0,065			
9	BTXM từ đường BTXM thôn đến nhà ông Vân	Đường BTXM thôn	Nhà ông Vân			0,065			Đường BTXM thôn	Nhà ông Vân			0,065			
10	BTXM từ đường BTXM thôn đến nhà bà Huân	Đường BTXM thôn	Nhà bà Huân			0,100			Đường BTXM thôn	Nhà bà Huân			0,100			
11	BTXM từ đường BTXM thôn đến nhà ông Ninh	Nhà BTXM thôn	Nhà ông Ninh			0,065			Nhà BTXM thôn	Nhà ông Ninh			0,065			
12	BTXM từ nhà ông Phương đến nhà bà Lê	Nhà ông Phương	Nhà bà Lê			0,045			Nhà ông Phương	Nhà bà Lê			0,045			
13	BTXM từ đường trục chính xã đến nhà ông Tùng	Đường trục chính xã	Nhà ông Tùng			0,105			Đường trục chính xã	Nhà ông Tùng			0,105			
14	BTXM từ nhà ông Hào đến nhà ông Đức	Nhà ông Hào	Nhà ông Đức			0,110			Nhà ông Hào	Nhà ông Đức			0,110			
15	BTXM từ Trường THCS Mỹ Cát đến quán Cắn	Trường THCS	Quán Cắn			0,210			Trường THCS	Quán Cắn			0,210			
16	BTXM từ nhà ông Tuấn đến ĐT. 639	Nhà ông Tuấn	ĐT.639			0,730			Nhà ông Tuấn	ĐT.639			0,730			
17	BTXM từ đường trục chính xã đến đê Sông	Đường trục chính xã	đê sông			0,480			Đường trục chính xã	đê sông			0,480			
	XÃ MỸ CHÁU			1,375	0,000	0,370	1,005	0,000			1,065	0,000	0,120	0,945	0,000	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
1	BTXM từ đường bê tông nhà bà Hiệu đến giáp đường bê tông nhà bà Bốn	Đường bê tông nhà bà Hiệu	Đường bê tông nhà bà Bốn			0,120			Đường bê tông nhà bà Hiệu	Đường bê tông nhà bà Bốn			0,120			
2	BTXM từ nhà ông Nam đến nhà ông Bình	Nhà ông Nam	Nhà ông Bình				0,035		Nhà ông Nam	Nhà ông Bình				0,035		
3	BTXM từ nhà ông 8 Diên đến nhà ông Ga	Nhà ông 8 Diên	Nhà ông Ga			0,250			Nhà ông 8 Diên	Nhà ông Ga			-			Không thực hiện
4	BTXM từ đường bê tông đến ngõ ông Hồ Văn Tùng	Đường bê tông	Ngõ ông Hồ Văn Tùng				0,050		Đường bê tông	Ngõ ông Hồ Văn Tùng				0,050		
5	BTXM từ nhà bà Ngo đến nhà ông Hướng	Nhà bà ngo	Nhà ông Hướng				0,300		Nhà bà ngo	Nhà ông Hướng				0,300		
6	BTXM từ nhà ông Tâm đến nhà ông Phong	Nhà ông Tâm	Nhà ông Phong				0,250		Nhà ông Tâm	Nhà ông Phong				0,250		
7	BTXM từ bảng tin đến nhà ông Lâm Hữu Mai	Bảng tin	Ông Lâm Hữu Mai				0,220		Bảng tin	Ông Lâm Hữu Mai				0,160		Điều chỉnh giảm chiều dài
8	Từ nhà 2 Nhi đến nhà ông Trương Ngọc Thành	Nhà 2 Nhi	Nhà ông Trương Ngọc Thành				0,150		Nhà 2 Nhi	Nhà ông Trương Ngọc Thành				0,150		
XVI	XÃ MỸ TÀI			2,449	0,000	1,869	0,580	0,000			2,449	0,000	1,869	0,580	0,000	
1	BTXM đường từ ngõ ông 3 Sen thôn Vĩnh Phú 7 đi ngõ 10 Nguyễn đội 5, thôn Vĩnh Phú 3	Ngõ 3 Sen	Ngõ 10 Nguyễn			0,324			Ngõ 3 Sen	Ngõ 10 Nguyễn			0,324			
2	BTXM đường từ Trường Tiểu Học Mỹ Tài đi Ngõ ông 3 Sen thôn Vĩnh Phú 7	Trường Tiểu Học Mỹ Tài	Ngõ 3 Sen			0,305			Trường Tiểu Học Mỹ Tài	Ngõ 3 Sen			0,305			
3	BTXM đường từ ngã 3 đường bê tông thôn Mỹ Hội 2 đi giáp đường Chợ Đố - Mỹ Quang (trước Chùa Mỹ Hội 2).	Đường bê tông thôn Mỹ Hội 2	Giáp đường Chợ Đố - Mỹ Quang			1,240			Đường bê tông thôn Mỹ Hội 2	Giáp đường Chợ Đố - Mỹ Quang			1,240			
4	BTXM từ đường bê tông liên thôn đến ngõ ông Minh Mỹ Hội 1	BTXM liên thôn	Ngõ ông Minh				0,090		BTXM liên thôn	Ngõ ông Minh				0,090		
5	BTXM từ đường bê tông xi măng xóm đến ngõ ông Chưng Vĩnh Phú 3	BTXM xóm	Ngõ ông Chưng				0,055		BTXM xóm	Ngõ ông Chưng				0,055		
6	BTXM từ đường bê tông xi măng xóm đến ngõ ông Thanh Vĩnh Phú 3	BTXM xóm	Ngõ ông Thanh				0,020		BTXM xóm	Ngõ ông Thanh				0,020		
7	BTXM từ đường bê tông liên thôn đến ngõ bà Thúy Vạn Ninh 1	BTXM liên thôn	Ngõ Bà Thúy				0,065		BTXM liên thôn	Ngõ Bà Thúy				0,065		
8	BTXM từ đường bê tông liên thôn đến ngõ ông Chùm thôn Kiên Phú	BTXM liên thôn	Ngõ ông Chùm				0,150		BTXM liên thôn	Ngõ ông Chùm				0,150		
9	BTXM từ đường bê tông xóm đến ngõ ông Dũng Vĩnh Phú 8	BTXM xóm	Ngõ ông Dũng				0,200		BTXM xóm	Ngõ ông Dũng				0,200		
XVII	XÃ MỸ HÒA			1,172	0,000	0,000	1,172	0,000			0,820	0,000	0,000	0,820	0,000	
1	BTXM tuyến từ đường bê tông liên thôn đến giáp Hồ Ông Ròng	Đường bê tông liên thôn	Giáp hồ Ông Ròng				0,140		Đường bê tông liên thôn	Giáp hồ Ông Ròng				0,140		
2	BTXM tuyến từ đường bê tông liên thôn đến nhà ông Ngô Quang Thắng	Đường bê tông liên thôn	Nhà ông Thắng				0,072		Đường bê tông liên thôn	Nhà ông Thắng				-		Không thực hiện
3	BTXM tuyến từ đường bê tông liên thôn đến Gò Me	Đường bê tông liên thôn	Gò Me				0,221		Đường bê tông liên thôn	Gò Me				0,221		
4	BTXM tuyến từ nhà bà Trần Thị Yến đến miếu xóm 5	Nhà bà Yến	Miếu xóm 5				0,060		Nhà bà Yến	Miếu xóm 5				0,060		
5	BTXM tuyến từ đường bê tông liên thôn đến nhà ông Nguyễn Đức Hạnh	Đường bê tông liên thôn	Nhà ông Hạnh				0,252		Đường bê tông liên thôn	Nhà ông Hạnh				0,252		
6	BTXM tuyến từ đường bê tông liên thôn đến nhà ông Đoàn Tiến Sơn	Đường bê tông liên thôn	Nhà ông Sơn				0,032		Đường bê tông liên thôn	Nhà ông Sơn				0,032		
7	BTXM tuyến từ khu di tích mộ Bùi Diên đến nhà ông Thái	Khu di tích mộ Bùi Diên	Nhà ông Thái				0,115		Khu di tích mộ Bùi Diên	Nhà ông Thái				0,115		
8	BTXM tuyến từ đường ĐT.638 đến nhà ông Nguyễn Ngọc Thuận	Đường ĐT.638	Nhà ông Thuận				0,280		Đường ĐT.638	Nhà ông Thuận				-		Không thực hiện
Tổng cộng :				30,077	4,659	9,614	13,465	2,339	Đường ĐT.639	Nhà ông Thuận	28,214	4,659	9,244	11,973	2,338	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

30,077 Km

4,659 Km
9,614 Km
13,465 Km
2,339 Km

3.881,971 Tấn

922,482 Tấn
1.470,942 Tấn
1.306,105 Tấn
182,442 Tấn

28,214 Km

4,659 Km
9,244 Km
11,973 Km
2,338 Km

3.680,559 Tấn

922,482 Tấn
1.414,332 Tấn
1.161,381 Tấn
182,364 Tấn

PHỤ LỤC I.07: TÂY SƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN TÂY SƠN
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	THỊ TRẤN PHÚ PHONG			1,355	0,000	1,355	0	0,000			1,355	0,000	1,355	0	0,000	
1	Đường BTXM nội đồng từ đập ông Phụng tổ 1 đến lò gạch tổ 4, khối 1A	Đập Ông Phụng	Lò gạch khối 1A			1,005			Đập Ông Phụng	Lò gạch khối 1A			1,005			
2	Đường BTXM tổ 2A, khối Hòa Lạc	Nhà Nguyễn Văn Châu	Nhà Lê Xuân Trường			0,350			Nhà Nguyễn Văn Châu	Nhà Lê Xuân Trường			0,350			
II	XÃ BÌNH TÂN			2,187	0,000	0,277	1,735	0,175			1,922	0,000	0,187	1,735	0,000	
1	Đường từ nhà ông Trần Bá Đàng đến nhà bà Nguyễn Thị Hạnh	Nhà ông Trần Bá Đàng	Nhà bà Nguyễn Thị Hạnh				0,031		Nhà ông Trần Bá Đàng	Nhà bà Nguyễn Thị Hạnh				0,031		
2	Đường ngõ xóm Thuận Hòa từ nhà ông Nguyễn Hà đến nhà ông Trần Văn Mùi	Nhà ông Nguyễn Hà	Nhà ông Trần Văn Mùi				0,584		Nhà ông Nguyễn Hà	Nhà ông Trần Văn Mùi				0,584		
3	Đường xóm Bắc Thuận Hòa từ nhà ông Hồ Đức Dũng đến nhà ông Lâm Văn Tao	Nhà ông Hồ Đức Dũng	Nhà ông Lâm Văn Tao			0,277			Nhà ông Hồ Đức Dũng	Nhà ông Lâm Văn Tao			0,187			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Đường từ nhà ông Tinh đến nhà ông 5 Dương	Nhà ông Tinh	Nhà ông 5 Dương					0,175	Nhà ông Tinh	Nhà ông 5 Dương					-	Không thực hiện
5	Đường ngõ xóm Mỹ Thạch từ nhà ông Huỳnh Ngọc Nam đến nhà bà Nguyễn Thị Nga	Nhà ông Huỳnh Ngọc Nam	Nhà bà Nguyễn Thị Nga				0,445		Nhà ông Huỳnh Ngọc Nam	Nhà bà Nguyễn Thị Nga				0,445		
6	Đường ngõ xóm Phú Hưng từ nhà ông 4 Sương đến nhà ông Trịnh Ngọc Văn	Nhà ông 4 Sương	Nhà ông Trịnh Ngọc Văn				0,675		Nhà ông 4 Sương	Nhà ông Trịnh Ngọc Văn				0,675		
III	XÃ BÌNH THÀNH			2,250	0,650	1,600	0,000	0,000			1,600	0,000	1,600	0,000	0,000	
1	Nâng cấp đường nội bộ vào khu trồng hoa xã Bình Thành	Nhà ông Nhân	Vùng trồng hoa		0,650				Nhà ông Nhân	Vùng trồng hoa		-				Không thực hiện
2	Nâng cấp đường từ Ruộng cát đến Trạm Bơm	Ruộng cát	Trạm bơm			0,750			Ruộng cát	Trạm bơm			0,750			
3	Nâng cấp đường từ nhà ông Dũng đến soi Chơn Tự	Nhà ông Dũng	Soi chơn tự			0,350			Nhà ông Dũng	Soi chơn tự			0,350			
4	Nâng cấp đường từ nhà ông Thiệt đến kênh mương Thuận Ninh	Nhà ông Thiệt	Kênh Thuận Ninh			0,500			Nhà ông Thiệt	Kênh Thuận Ninh			0,500			
IV	XÃ BÌNH THUẬN			4,615	0,000	4,615	0,000	0,000			4,615	0,000	4,615	0,000	0,000	
1	BTXM Tuyến từ nhà Trần Trọng Hên đến dốc 3 Hòa Mỹ	Nhà Trần Trọng Hên	Dốc 3 Hòa Mỹ			1,782			Nhà Trần Trọng Hên	Dốc 3 Hòa Mỹ			1,782			
2	BTXM tuyến từ cổng làng nghề nón lá Thuận Hạnh đến nhà Nguyễn sánh	Cổng làng Nón lá Thuận Hạnh	Nhà Nguyễn sánh			1,237			Cổng làng Nón lá Thuận Hạnh	Nhà Nguyễn sánh			1,237			
3	BTXM Tuyến từ cầu nhà ông Nguyễn Đức Đạo đến Gò Giang	Nhà Nguyễn Hồng Đạo	Gò Giang			0,200			Nhà Nguyễn Hồng Đạo	Gò Giang			0,200			
4	BTXM tuyến đồng Hanh Hao Thuận Nhứt	Nhà Nguyễn Văn Xiếp	Nhà Nguyễn Tánh			1,396			Nhà Nguyễn Văn Xiếp	Nhà Nguyễn Tánh			1,396			
V	XÃ BÌNH TƯỜNG			0,450	0,000	0,450	0,000	0,000			0,450	0,000	0,450	0,000	0,000	
1	Tuyến đường Đồng Thương Hòa Sơn	Đường BTXM xóm 1	Ruộng Ông Cát			0,450			Đường BTXM xóm 1	Ruộng Ông Cát			0,450			
VI	XÃ TÂY AN			1,828	0,000	1,268	0,000	0,560			1,828	0,000	1,268	0,000	0,560	
1	Đường BTXM TỪ Gò ông Mầu đến Cầu Sạp	Gò ông Mầu	Đường bê tông			0,310			Gò ông Mầu	Đường bê tông			0,310			
2	Đường BTXM từ nhà ông Thảo đến nhà Ông Có	Nhà ông Thảo	Nhà ông Có			0,510			Nhà ông Thảo	Nhà ông Có			0,510			
3	Đường BTXM Gò Thu	Đường bê tông	Gò Thu			0,198			Đường bê tông	Gò Thu			0,198			
4	Đường nội bộ nghĩa địa Rẫy Mây	Đường bê tông	Rẫy Mây			0,250			Đường bê tông	Rẫy Mây			0,250			
5	Đường ngõ xóm Đại Chí, Trà Sơn	Đại Chí	Trà Sơn					0,560	Đại Chí	Trà Sơn					0,560	
VII	XÃ TÂY PHÚ			0,750	0,750	0,000	0,000	0,000			0,750	0,750	0,000	0,000	0,000	
1	BTXM từ đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong đến Gò Thủy Thuận - thôn Phú Hiệp	Đường tránh phía Nam	Gò Thủy Thuận		0,510				Đường tránh phía Nam	Gò Thủy Thuận		0,510				
2	BTXM từ nhà bà Thủy đến Chợ Tây Phú	Nhà bà Thủy	Chợ Tây Phú		0,240				Nhà bà Thủy	Chợ Tây Phú		0,240				
VIII	XÃ TÂY THUẬN			2,160	0,000	2,160	0,000	0,000			2,160	0,000	2,160	0,000	0,000	
1	Đường bê tông thôn Thượng Sơn: Từ bê tông đến đất ông Giai, đất ông Kính, đất ông Nghĩa.	Từ bê tông	Đất ông Nghĩa			0,750			Từ bê tông	Đất ông Nghĩa			0,750			
2	Đường bê tông thôn Hoà Thuận: Từ bê tông đến nhà bà Lịch, đất ông Trọng, đất ông Thành.	Từ bê tông	Đất ông Thành			0,650			Từ bê tông	Đất ông Thành			0,650			
3	Đường bê tông thôn Tiên Thuận: Từ bê tông đến nhà ông Thuận, đất ông Hoàng, đất ông Phú, Trạm bơm Cấp I, đất bà Mai, đất ông Sơn.	Từ bê tông	Đất ông Sơn			0,760			Từ bê tông	Đất ông Sơn			0,760			
IX	XÃ TÂY VINH			4,400	0,000	1,050	3,350	0,000			4,135	0,000	1,014	3,121	0,000	
1	Giao thông nội đồng từ xóm 1 đến xóm 3 (nhà ông Tuấn), đoạn Mả Rây, Đám Lỗ	Mả Rây	Bờ Vùng xóm 2				1,100		Mả Rây	Bờ Vùng xóm 2				1,004		Điều chỉnh giảm chiều dài

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
2	Giao thông nội đồng từ xóm 1 đến xóm 3 (nhà ông Tuấn), đoạn Đám Vuông, Cây Xoài, Đám Nếp	Đám Vuông	Bờ Vùng xóm 2				0,950		Đám Vuông	Bờ Vùng xóm 2				0,920		Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Giao thông nội đồng từ đám ruộng 2 Ánh tới Bờ Đò Gò Giang	Bờ Ánh	Bờ đò Gò Giang				0,390		Bờ Ánh	Bờ đò Gò Giang				0,355		Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Đường giao thông nội đồng từ bờ đò xóm 5 tới sông Du Lâm	Bờ đò xóm 5	Sông Du Lâm				0,260		Bờ đò xóm 5	Sông Du Lâm				0,232		Điều chỉnh giảm chiều dài
5	Đường nhà Thầy Tầm đến Gò trên, Bến Cây Vừng đến suối Dầu thôn Bình Đức	Thầy Tầm	Gò Trên				0,450		Thầy Tầm	Gò Trên				0,423		Điều chỉnh giảm chiều dài
6	Đường trên nhà 2 Hào, Cầu ông Diên đến xóm 13	Nhà 2 Hào	Cầu ông Diên			0,310			Nhà 2 Hào	Cầu ông Diên			0,294			Điều chỉnh giảm chiều dài
7	Giao thông nội đồng xóm 9A	Bến Đại Háo	Xóm 3			0,740			Bến Đại Háo	Xóm 3			0,720			Điều chỉnh giảm chiều dài
8	Đường Soi xóm 8	Nhà ông Phúc	Sông Du Lâm				0,200		Nhà ông Phúc	Sông Du Lâm				0,187		Điều chỉnh giảm chiều dài
X	XÃ TÂY XUÂN			0,350	0,000	0,350	0,000	0,000			0,270	0,000	0,270	0,000	0,000	
1	Bê tông xi măng tuyến từ nhà Đình Lanh đến ruộng cải tạo Thủy Dê	Nhà ông Đình Lanh	Ruộng cải tạo Thủy Dê			0,350			Nhà ông Đình Lanh	Ruộng cải tạo Thủy Dê			0,270			Điều chỉnh giảm chiều dài
XI	XÃ VĨNH AN			1,950	0,000	1,950	0,000	0,000			1,258	0,000	1,258	0,000	0,000	
1	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy 3 Đức đến rẫy Đình Tô	Rẫy 3 Đức	Rẫy Đình Tô			0,500			Rẫy 3 Đức	Rẫy Đình Tô			0,500			
2	Nâng cấp đường BTXM từ ruộng Mầu chè đến rẫy Đình Hương	Ruộng mầu Chè	Rẫy Đình Hương			0,200			Ruộng mầu Chè	Rẫy Đình Hương			0,200			
3	Nâng cấp đường BTXM từ nghĩa trang nhân dân xã đến bản tin Dốc dài	Cuối đường BTXM	Bản tin Đá bản			0,700			Cuối đường BTXM	Bản tin Đá bản			0,558			Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy Đình Truyền đến Ruộng Đình Dem	rẫy Đình Truyền	Ruộng Đình Dem			0,550			rẫy Đình Truyền	Ruộng Đình Dem			-			Không thực hiện
XII	XÃ BÌNH NGHỊ			1,945	0,352	1,380	0,213	0,000			0,774	0,000	0,580	0,194	0,000	
1	Đường từ trước trạm bơm Đại Đồng đến giáp đường 636	Trước trạm bơm Đại Đồng	Đường 636			0,800			Trước trạm bơm Đại Đồng	Đường 636			-			Không thực hiện
2	Đường từ ngã 3 nhà Nguyễn Văn Hùng đến giáp đường bê tông tháp Thủ Thiện	Ngã 3 nhà Nguyễn Văn Hùng	Đường bê tông tháp Thủ Thiện			0,350			Ngã 3 nhà Nguyễn Văn Hùng	Đường bê tông tháp Thủ Thiện			0,350			
3	Đường từ cổng gò Ông Mua đến trước trường Tiểu học số 1 Bình Nghi	Cổng gò Ông Mua	Trước trường Tiểu học số 1 Bình Nghi		0,352				Cổng gò Ông Mua	Trước trường Tiểu học số 1 Bình Nghi		-				Không thực hiện
4	Đường từ trước nhà Đình Thị Tuyết Lài đến giáp đường vào chợ Gò Lớn	Trước nhà Đình Thị Tuyết Lài	Đường vào chợ Gò Lớn			0,230			Trước nhà Đình Thị Tuyết Lài	Đường vào chợ Gò Lớn			0,230			
5	Đường từ giáp đường bê tông nhà Trịnh Thị Kim Oanh đến Giáp nhà Phạm Thị Hồng Đến	Giáp đường bê tông nhà Trịnh Thị Kim Oanh	Giáp nhà Phạm Thị Hồng Đến				0,019		Giáp đường bê tông nhà Trịnh Thị Kim Oanh	Giáp nhà Phạm Thị Hồng Đến				-		Không thực hiện
6	Đường từ giáp đường bê tông nhà Hà Thị Ướt đến giáp nhà Nguyễn Thị Thu Sương	Giáp đường bê tông nhà Hà Thị Ướt	Giáp nhà Nguyễn Thị Thu Sương				0,145		Giáp đường bê tông nhà Hà Thị Ướt	Giáp nhà Nguyễn Thị Thu Sương				0,145		
7	Đường từ giáp đường bê tông nhà Lê Hà Lô đến giáp nhà Lê Thị Kim	Giáp đường bê tông nhà Lê Hà Lô	Giáp nhà Lê Thị Kim				0,049		Giáp đường bê tông nhà Lê Hà Lô	Giáp nhà Lê Thị Kim				0,049		
XIII	XÃ TÂY GIANG			5,513	0,000	3,038	2,392	0,083			4,043	0,000	3,038	0,992	0,013	
1	Từ QL 19 đến soi Lương Văn Cang	QL.19	Soi Lương Văn Cang				0,060		QL.19	Soi Lương Văn Cang				-		Không thực hiện
2	Từ QL 19 đến nhà bà Đỗ Thị Tuyết	QL.19	Nhà bà Đỗ Thị Tuyết				0,040		QL.19	Nhà bà Đỗ Thị Tuyết				-		Không thực hiện
3	Từ BTXM đến nhà Nguyễn Văn Tâm	BTXM	Nhà Nguyễn Văn Tâm				0,020		BTXM	Nhà Nguyễn Văn Tâm				-		Không thực hiện
4	Từ BTXM đến nhà Huỳnh Công Luận	BTXM	Nhà Huỳnh Công Luận				0,070		BTXM	Nhà Huỳnh Công Luận				-		Không thực hiện
5	Từ QL 19 đến Gò Trai	QL.19	Gò Trai				0,400		QL.19	Gò Trai				-		Không thực hiện
6	Từ BTXM đến nhà ông Nguyễn Văn Thanh	BTXM	Nhà ông Nguyễn Văn Thanh				0,120		BTXM	Nhà ông Nguyễn Văn Thanh				0,120		
7	Từ BTXM đến nhà Huỳnh Thị Hoa	BTXM	Nhà Huỳnh Thị Hoa					0,070	BTXM	Nhà Huỳnh Thị Hoa					-	Không thực hiện
8	Từ BTXM đến soi Hải nam	BTXM	Soi Hải nam				0,150		BTXM	Soi Hải nam				-		Không thực hiện
9	Từ BTXM đến soi miếu Bình Liên	BTXM	Miếu Bình Liên				0,300		BTXM	Miếu Bình Liên				-		Không thực hiện
10	Từ QL.19 đến nương Soi Cầu	QL.19	Mương Soi Cầu				0,500		QL.19	Mương Soi Cầu				0,335		Điều chỉnh giảm chiều dài

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
11	Từ đường đất đến soi ông Toại	Đường đất	Soi ông Toại				0,150		Đường đất	Soi ông Toại				0,120		Điều chỉnh giảm chiều dài
12	Từ BTXM đến Bến Đình	BTXM	Bến Đình				0,040		BTXM	Bến Đình				0,035		Điều chỉnh giảm chiều dài

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
13	Từ BTXM đến Cục U	BTXM	Cục U				0,120		BTXM	Cục U				-		Không thực hiện
14	Từ BTXM đến nhà ông Thái Minh Tâm	BTXM	Nhà Thái Minh Tâm				0,019		BTXM	Nhà Thái Minh Tâm				0,019		
15	Từ BTXM đến nhà ông Bùi Thành Trung	BTXM	Nhà Bùi Thành Trung				0,015		BTXM	Nhà Bùi Thành Trung				0,015		
16	Từ BTXM đến nhà ông Nguyễn Đình Trọng	BTXM	Nhà Nguyễn Đình Trọng				0,029		BTXM	Nhà Nguyễn Đình Trọng				0,029		
17	Từ BTXM nhà ông Khanh đến Đập	BTXM nhà ông Khanh	Đập				0,250		BTXM nhà ông Khanh	Đập				0,250		
18	Từ BTXM đến nhà ông Huỳnh Xuân Hùng	BTXM	Nhà Huỳnh Xuân Hùng					0,013	BTXM	Nhà Huỳnh Xuân Hùng					0,013	
19	Từ nhà ông Nguyễn Văn Long đến nhà ông Bùi Thanh Hiệp	Nhà Nguyễn Văn Long	Nhà Bùi Thanh Hiệp				0,019		Nhà Nguyễn Văn Long	Nhà Bùi Thanh Hiệp				0,019		
20	Từ BTXM đến nhà ông Nguyễn Ngọc Châu	BTXM	Nhà Nguyễn Ngọc Châu				0,050		BTXM	Nhà Nguyễn Ngọc Châu				0,050		
21	Từ BTXM đến nhà ông Phan Quốc Cường	BTXM	Nhà Phan Quốc Cường				0,040		BTXM	Nhà Phan Quốc Cường				-		Không thực hiện
22	Đường Đồng Hóc cát	BTXM	Đồng Hóc cát			0,700			BTXM	Đồng Hóc cát			0,700			
23	Từ đường BTXM đến Bàu Hải Nam	BTXM (nhà ông Phước)	Bàu Hải Nam			0,300			BTXM (nhà ông Phước)	Bàu Hải Nam			0,300			
24	Đường Gò Thị - Rộc Vỡ	BTXM	Gò Thị - Rộc Vỡ			0,336			BTXM	Gò Thị - Rộc Vỡ			0,336			
25	Đường từ BTXM nhà ông Liệu đến Đất ông Trung	BTXM	Đất ông Trung			0,232			BTXM	Đất ông Trung			0,232			
26	Đường từ nhà ông Lê Văn Mai đến ruộng Đồng Tràm	Nhà Lê Văn Mai	Ruộng Đồng Tràm			0,200			Nhà Lê Văn Mai	Ruộng Đồng Tràm			0,200			
27	Đường từ nhà ông Lâm Văn Thiệu đến ruộng Đồng Sạ	Nhà Lâm Văn Thiệu	Ruộng Đồng Sạ			0,100			Nhà Lâm Văn Thiệu	Ruộng Đồng Sạ			0,100			
28	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Kiên đến gò Hố Giang	Nhà Nguyễn Văn Kiên	Gò Hố Giang			0,070			Nhà Nguyễn Văn Kiên	Gò Hố Giang			0,070			
29	Đường từ nhà bà Trần Thị Trảo đến bưng tin rừng phòng hộ	Nhà Trần Thị Trảo	Bưng tin rừng phòng hộ			1,100			Nhà Trần Thị Trảo	Bưng tin rừng phòng hộ			1,100			
Tổng cộng :				29,753	1,752	19,493	7,690	0,818			25,160	0,750	17,795	6,042	0,573	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

29,753 Km

1,752 Km

19,493 Km

7,690 Km

0,818 Km

4.139,059 Tấn

346,896 Tấn

2.982,429 Tấn

745,930 Tấn

63,804 Tấn

25,160 Km

0,750 Km

17,795 Km

6,042 Km

0,573 Km

3.501,903 Tấn

148,500 Tấn

2.722,635 Tấn

586,074 Tấn

44,694 Tấn

PHỤ LỤC I.08: TUY PHƯỚC

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN TUY PHƯỚC
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	XÃ PHƯỚC QUANG			0,311	0,135	0,029	0,147	0,000			0,311	0,135	0,029	0,147	0,000	
1	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Nhà văn hóa Phục Thiện - Đường BTXM	Nhà văn hóa Phục Thiện	Đường BTXM		0,135	0,029			Nhà văn hóa Phục Thiện	Đường BTXM		0,135	0,029			
2	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Đường BTXM - Nhà Lê Thanh Hải và tuyến đường phía sau chùa Bà	Đường BTXM	Phía sau chùa Bà				0,147		Đường BTXM	Phía sau chùa Bà				0,147		
II	XÃ PHƯỚC THẮNG			1,888	0,000	1,378	0,020	0,490			1,733	0,000	1,243	0,000	0,490	
1	Bê tông giao thông thôn An Lợi															
	-Tuyến từ nhà Dương Văn Tám đến nhà Dương Văn Mười	Nhà Dương Văn Tám	Nhà Dương Văn Mười			0,028			Nhà Dương Văn Tám	Nhà Dương Văn Mười			-			Không thực hiện
	- Tuyến từ nhà Trương Thị Đa đến nhà Lý Hùng	Nhà Trương Thị Đa	Nhà Lý Hùng			0,060			Nhà Trương Thị Đa	Nhà Lý Hùng			-			Không thực hiện
	- Tuyến từ nhà Võ Văn Cẩn đến nhà Võ Thành Tâm	Nhà Võ Văn Cẩn	Nhà Võ Thành Tâm			0,047			Nhà Võ Văn Cẩn	Nhà Võ Thành Tâm			-			Không thực hiện
2	Bê tông giao thông thôn Đông Điền															
	- BTXM đường giao thông tuyến Đông Điền - Huỳnh Tây	Cổng 8 cửa	Huỳnh Tây			1,200			Cổng 8 cửa	Huỳnh Tây			1,200			
3	Bê tông giao thông thôn Tư Cung															
	- BTXM tuyến xóm Tư Bắc từ bờ sông đến nhà Ngụy Phan Luy	Bờ sông	Nhà Ngụy Phan Luy					0,110	Bờ sông	Nhà Ngụy Phan Luy					0,110	
4	Bê tông giao thông thôn Khuông Bình															
	- BTXM tuyến từ đập Cây Dừa đến Vườn cũ	Đập Cây Dừa	Vườn cũ					0,380	Đập Cây Dừa	Vườn cũ					0,380	
	- BTXM tuyến từ đám Vuông đến đám Hầm	Đám Vuông	Đám Hầm			0,043			Đám Vuông	Đám Hầm			0,043			
	- BTXM tuyến từ đám Ngõ Nam đến đám Ngõ Bắc	Đám Ngõ Nam	Đám Ngõ Bắc				0,020		Đám Ngõ Nam	Đám Ngõ Bắc				-		Không thực hiện
III	XÃ PHƯỚC HÒA			0,070	0,070	0,000	0,000	0,000			0,070	0,070	0,000	0,000	0,000	
1	Đường xóm Bắc Định thôn Hữu Thành	Đường bê tông	Đường bê tông		0,070				Đường bê tông	Đường bê tông		0,070				
IV	XÃ PHƯỚC HIỆP			6,850	4,010	2,840	0,000	0,000			4,920	2,080	2,840	0,000	0,000	
1	Tuyến từ cầu Chờ đợi đến đám ông Phận (ĐL)	Cầu Chờ Đợi	Đám ông Phận			0,600			Cầu Chờ Đợi	Đám ông Phận			0,600			
2	Tuyến từ cống Đồi đến cầu Gò Cỏ (ĐL)	Cống Đồi	Cầu Gà Cỏ			0,600			Cống Đồi	Cầu Gà Cỏ			0,600			
3	Tuyến từ cống ông Ớn đến gò Giữa	Cống ông Ớn	Gò Giữa			0,660			Cống ông Ớn	Gò Giữa			0,660			
4	Tuyến từ cầu ông Thảo đến giáp đường ĐH.42	Cầu ông Thảo	Đường ĐH.42			0,480			Cầu ông Thảo	Đường ĐH.42			0,480			
5	Tuyến đường từ ĐH 42 đến giáp đường cầu đội 10 thôn Giang Bắc	Đường ĐH.43	Cầu đội 10		1,050				Đường ĐH.43	Cầu đội 10		1,050				
6	Tuyến giao thông: Từ ĐH 42 đến cầu qua kênh N2. TL	Từ ĐH.42	Cầu qua kênh N2		0,490				Từ ĐH.42	Cầu qua kênh N2		-				Không thực hiện
7	Tuyến đường giao thông kết nối nội đồng từ chợ Lục Lẻ đến đường ĐH.42	Chợ Lục Lẻ	Đường ĐH.42		0,840				Chợ Lục Lẻ	Đường ĐH.42		-				Không thực hiện

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
8	Tuyến đường từ đường bê tông nhựa đến cầu Đình. XM	Đường bê tông nhựa	Cầu Đình		0,680				Đường bê tông nhựa	Cầu Đình		0,680				
9	Tuyến giao thông: Từ ngã ba gò Đình đến kênh N14. TT	Ngã ba gò Đình	Kênh N14		0,350				Ngã ba gò Đình	Kênh N14		0,350				
10	Tuyến giao thông: Từ ngã ba từ đường họ Lê đến cầu ông Xiêu. LC	Từ đường họ Lê	Cầu ông Xiêu		0,600				Từ đường họ Lê	Cầu ông Xiêu		-				Không thực hiện
11	Đường bê tông giao thông nông thôn nội đồng từ cầu đội 13 đến đường An Nhơn - Tây Đầm.	Cầu đội 13	Đường An Nhơn - Tây Đầm			0,500			Cầu đội 13	Đường An Nhơn - Tây Đầm			0,500			
V	XÃ PHƯỚC HƯNG			0,500	0,000	0,500	0,000	0,000			0,500	0,000	0,500	0,000	0,000	
1	Đường bê tông GTNT thôn Lương Lợi, Tuyến từ công nina 5 nam đến vùng ruộng xóm 14.	Đường nhựa	Vùng ruộng xóm 14			0,500			Đường nhựa	Vùng ruộng xóm 14			0,500			
VI	THỊ TRẤN TUY PHƯỚC			0,560	0,560	0,000	0,000	0,000			0,560	0,560	0,000	0,000	0,000	
1	BTXM đường nội đồng, tuyến từ bi Bờ Đụn đến giáp xóm Bắc Hạ, thị trấn Diêu Trì	Đường Đào Tấn (bi Bờ Đụn)	Ranh giới thị trấn Diêu Trì		0,560				Đường Đào Tấn (bi Bờ Đụn)	Ranh giới thị trấn Diêu Trì		0,560				
VII	XÃ PHƯỚC NGHĨA			0,401	0,000	0,169	0,000	0,232			0,169	0,000	0,169	0,000	0,000	
1	BTXM đường trục nội đồng từ trạm bơm cũ Thọ Nghĩa đến đầm bờ quạ	Trạm bơm cũ TN	Đám ruộng bờ quạ			0,169			Trạm bơm cũ TN	Đám ruộng bờ quạ			0,169			
2	BTXM đường trục nội đồng từ miễu tây đến giáp đường trục nội đồng gò Đốc	Miễu Tây xóm Huỳnh Tây	Đường trục Gò Đốc					0,232	Miễu Tây xóm Huỳnh Tây	Đường trục Gò Đốc					-	Không thực hiện
Tổng cộng :				10,580	4,775	4,916	0,167	0,722			8,263	2,845	4,781	0,147	0,490	

Trong đó:		
1. Tổng chiều dài được hỗ trợ	10,580 Km	8,263 Km
- Đường GTNT loại A:	4,775 Km	2,845 Km
- Đường GTNT loại B:	4,916 Km	4,781 Km
- Đường GTNT loại C:	0,167 Km	0,147 Km
- Đường GTNT loại D:	0,722 Km	0,490 Km
2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:	1.770,113 Tấn	1.347,282 Tấn
- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km	945,450 Tấn	563,310 Tấn
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km	752,148 Tấn	731,493 Tấn
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km	16,199 Tấn	14,259 Tấn
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km	56,316 Tấn	38,220 Tấn

PHỤ LỤC I.09: VÂN CANH

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN VÂN CANH
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	XÃ CANH HIỀN			0,650	0,000	0,650	0,000	0,000			0,650	0,000	0,650	0,000	0,000	
1	Bê tông hóa đường từ ngã ba nhà ông Sỹ đi suối Cầu nổi dài	Nhà ông Sỹ	Suối Cầu			0,300			Nhà ông Sỹ	Suối Cầu			0,300			
2	Mở rộng cấp phối đường vào khu sản xuất từ nhà ông Chấn tới Gò Bông nổi dài	Nhà ông Chấn	Gò Bông			0,350			Nhà ông Chấn	Gò Bông			0,350			
II	THỊ TRẤN VÂN CANH			0,240	0,000	0,240	0,000	0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1	Đường BTXM từ Trường Mẫu Giáo đến đất ông An (Khu phố 3)	Trường Mẫu Giáo	Đất ông An			0,090			Trường Mẫu Giáo	Đất ông An			-			Không thực hiện
2	Đường BTXM từ nhà ông Vai đến nhà bà Bông (Khu phố Hiệp Hà)	Nhà ông Vai	Nhà bà Bông			0,050			Nhà ông Vai	Nhà bà Bông			-			Không thực hiện
3	Đường BTXM từ ngã 3 nhà bà Đào đến đường ngang Cụm công nghiệp (Khu phố Thịnh Văn 1)	Ngã 3 nhà bà Đào	Đường ngang Cụm công nghiệp			0,100			Ngã 3 nhà bà Đào	Đường ngang Cụm công nghiệp			-			Không thực hiện
III	XÃ CANH HÒA			2,100	0,000	2,100	0,000	0,000			1,352	0,000	1,352	0,000	0,000	
1	Đường BTXM từ đất nhà Dũng đến chân đồi Đại Hàn	Nhà Dũng	Chân đồi Đại Hàn			0,700			Nhà Dũng	Chân đồi Đại Hàn			0,453			Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Ôt (cây Cây)	Quốc lộ 19C	Đất ông Ôt			0,700			Quốc lộ 19C	Đất ông Ôt			0,450			Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Mồn (2 đoạn)	Quốc lộ 19C	Đất ông Mồn			0,700			Quốc lộ 19C	Đất ông Mồn			0,449			Điều chỉnh giảm chiều dài
Tổng cộng :				2,990	0,000	2,990	0,000	0,000			2,002	0,000	2,002	0,000	0,000	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ	2,990 Km	2,002 Km
- Đường GTNT loại A:	0,000 Km	0,000 Km
- Đường GTNT loại B:	2,990 Km	2,002 Km
- Đường GTNT loại C:	0,000 Km	0,000 Km
- Đường GTNT loại D:	0,000 Km	0,000 Km
2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:	457,470 Tấn	306,306 Tấn
- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km	0,000 Tấn	0,000 Tấn
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km	457,470 Tấn	306,306 Tấn
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km	0,000 Tấn	0,000 Tấn
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km	0,000 Tấn	0,000 Tấn

PHỤ LỤC II.01: AN LÃO

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN AN LÃO
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)		Năm khai thác sử dụng
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ AN TRUNG	0,000	1,710	1,300	0,000		862,740		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Nâng cấp mở rộng đường nội bộ thôn TmangGheng															
1.1	Từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Du		0,260			354	92,040	2008		-			354	-	2008	Không thực hiện
1.2	Từ nhà ông Dâm đến nhà ông Beo		0,260			354	92,040	2008		-			354	-	2008	Không thực hiện
2	Nâng cấp mở rộng đường BTNT từ làng phê đến nhà văn hoá thôn 8		0,600			354	212,400	2009		-			354	-	2009	Không thực hiện
3	Nâng cấp mở rộng đường BTNT từ nhà văn hoá thôn 3 đến nhà văn hoá thôn 8		0,590			354	208,860	2009		-			354	-	2009	Không thực hiện
4	Nâng cấp mở rộng đường BTNT từ nhà văn hoá thôn 8 đến Hồ Trọng Thượng			0,700		198	138,600	2008			-		198	-	2008	Không thực hiện
5	Nâng cấp mở rộng đường BTNT Làng TmangCân			0,600		198	118,800	2010			-		198	-	2010	Không thực hiện
II	XÃ AN QUANG	0,000	0,750	0,000	0,000		265,500		0,000	0,808	0,000	0,000		233,304		
1	Nâng cấp đường giao thông từ đường liên xã đến nhà ông The		0,400			354	141,600	2008		0,415			354	146,910	2008	Điều chỉnh tăng chiều dài
2	Nâng cấp đường bê tông GTNT từ nhà bà Hồng đến nhà ông Dung		0,350			354	123,900	2008								Cập nhật chiều dài tuyến và định mức xi măng
2.1	Tuyến chính									0,055			354	19,470	2008	
2.2	Tuyến nhánh									0,338			198	66,924	2008	
III	XÃ AN TÂN	0,000	6,400	0,500	0,000		2.364,600		0,000	2,120	0,000	0,000		637,480		
1	Đoạn từ nhà Ông Rạng đến khu giãn dân thôn Tân An (Bê tông mặt đường, gia cố mái talý)		0,700			354	247,800	2007		-			354	-	2007	Không thực hiện
2	Đường từ nhà văn hóa thôn đến ruộng ông Nhanh thôn Thanh Sơn		0,700			354	247,800	2008		-			354	-	2008	Không thực hiện
3	Đường từ nhà ông Ly đến ngã Hai nước (giai đoạn 2)		0,600			354	212,400	2010		-			354	-	2010	Không thực hiện
4	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn Thuận An		0,800			354	283,200	2010		-			354	-	2010	Không thực hiện
5	Đường nội bộ thôn Tân Lập		0,800			354	283,200	2010		0,850			354	300,900	2010	Điều chỉnh tăng chiều dài
6	Mở rộng tuyến đường An Tân –An Quang (đoạn còn lại)		1,100			354	389,400	2010		0,250			354	88,500	2010	Điều chỉnh giảm chiều dài
7	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Thuận Hòa		0,500			354	177,000	2008		-			354	-	2008	Không thực hiện
8	Nâng cấp các tuyến đường liên thôn xã An Tân		1,000			354	354,000	2010		-			354	-	2010	Không thực hiện
9	Mở rộng các tuyến đường thôn Thuận Hòa (giai đoạn 2)															
9.1	Tuyến 1		0,200			354	70,800	2010		-			354	-	2010	Không thực hiện
9.2	Tuyến 2			0,500		198	99,000	2010			-		198	-	2010	Không thực hiện

10	Mở rộng tuyến đường An Tân –An Quang (đoạn còn lại)								0,500				128	64,000	2008	Bổ sung mới
11	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Thuận An (Đoạn nối tiếp)								0,110				354	38,940	2009	Bổ sung mới
12	Đoạn từ nhà ông Rạng đến khu giãn dân thôn Tân An (Bê tông mặt đường, gia cố mái taly) đoạn nối tiếp								0,410				354	145,140	2007	Bổ sung mới
IV	THỊ TRẤN AN LÃO	0,000	0,700	0,000	0,000		247,800		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Nâng cấp, mở rộng đường nội bộ khu phố Gò Bui		0,700			354	247,800	2003		-			354	-	2003	Không thực hiện
V	XÃ AN HÒA	0,000	3,025	0,000	0,000		1.070,850		0,000	0,903	0,000	0,000		319,662		
1	Nâng cấp các tuyến đường nội bộ thôn (Hạng mục: Tuyến Gò Cây Ưng và Gò Cây Si - Hưng Nhượng)		0,905			354	320,370	2010		-			354	-	2010	Không thực hiện
2	Nâng cấp , mở rộng các tuyến đường nội bộ thôn Vạn Xuân		1,120			354	396,480	2009		-			354	-	2009	Không thực hiện
3	Nâng cấp các tuyến đường nội bộ xã An Hòa		1,000			354	354,000	2009		0,903			354	319,662	2009	Điều chỉnh giảm chiều dài
VI	XÃ AN HƯNG	0,000	0,700	0,000	0,000		247,800		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Nâng cấp tuyến đường nội bộ thôn 3		0,700			354	247,800	2013		-			354	-	2013	Không thực hiện
VIII	BAN QLDA ĐTXD&PTQĐ HUYỆN	6,690	0,350	0,400	0,000		1.580,390		3,849	0,312	0,380	0,000		1.247,463		
1	Đường giao thông Thôn 2, xã An Toàn Hạng mục: Công trình thoát nước và các hạng mục khác			0,250		198	49,500	2010			0,246		198	48,708	2010	Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Đường giao thông Thôn 3, xã An Toàn			0,150		198	29,700	2010			0,134		161	21,574	2010	Điều chỉnh giảm chiều dài và giảm định mức xi măng
3	Đường giao thông Thôn 1, xã An Toàn		0,350			354	123,900	2010		0,312			354	110,448	2010	Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Nâng cấp một số đoạn đường 5B và các tuyến đường nội bộ xã An Hưng	2,600				141	366,600	2008	-				141	-	2008	Không thực hiện
5	Nâng cấp tuyến đường từ Cầu Hlong hoai đến Thôn 2															
5.1	Đoạn 1	0,340				141	47,940	2006	0,319				141	44,979	2006	Điều chỉnh giảm chiều dài
5.2	Đoạn 2	0,620				389	241,180	2006	0,620				389	241,180	2006	
6	Duy tu tuyến đường từ thôn 2 đến UBND xã An Vinh	1,130				389	439,570	2006	0,978				389	380,442	2006	Điều chỉnh giảm chiều dài
7	Duy tu tuyến đường xã An Nghĩa (Đoạn nối tiếp)	2,000				141	282,000	2010								Cập nhật chiều dài tuyến và định mức xi măng
	Đoạn tận dụng 3,5m								1,417				141	199,797	2010	
	Đoạn BT mặt 5,5m hư hỏng hoàn toàn								0,515				389	200,335	2010	
Tổng cộng		6,690	13,635	2,200	0,000		6.639,680		3,849	4,143	0,380	0,000		2.437,909		

PHỤ LỤC II.02: AN NHƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - THỊ XÃ AN NHƠN
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)		Năm khai thác sử dụng
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ NHON MỸ	0,000	0,820	0,000	0,000		132,020		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Mở rộng đường Tân Đức (nối tiếp từ nhà ông Hải đến giáp điểm đường mở mới vào cụm công nghiệp Tân Đức)		0,820			161	132,020	2013		-			161	-	2013	Không thực hiện
II	XÃ NHON KHÁNH	0,000	0,000	0,000	0,685		104,805		0,000	0,000	0,000	0,685		104,805		
1	Đường liên xã đi Nhơn Mỹ (Điểm đầu: Nhà ông Phúc; Điểm cuối: Ngã 3 Nhơn Mỹ)				0,685	153	104,805	2007				0,685	153	104,805	2007	
III	XÃ NHON HẬU	0,000	0,320	0,000	0,000		51,520		0,000	0,320	0,000	0,000		51,520		
1	Mở rộng tuyến giao thông từ nhà ông Thanh đến nhà bà Thanh		0,320			161	51,520	2012		0,320			161	51,520	2012	
IV	PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH	0,000	0,700	0,000	0,000		112,700		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường BTXM tổ 9 Liêm Trực		0,700			161	112,700	2000		-			161	-	2000	Không thực hiện
Tổng cộng		0,000	1,840	0,000	0,685		401,045		0,000	0,320	0,000	0,685		156,325		

PHỤ LỤC II.04: HOÀI NHƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - THỊ XÃ HOÀI NHƠN
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	PHƯỜNG BÔNG SƠN	0,000	0,850	0,000	0,000		136,850		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Nâng cấp mở rộng đường Lê Thanh Nghị đoạn từ đường Trần Hưng Đạo (nhà ông Trần) đến nhà Tin (nhà ông Hiệu)		0,850			161	136,850	2012		-			161	-	2012	Không thực hiện
II	XÃ HOÀI CHÂU	0,000	1,230	0,000	0,000		198,030		0,000	0,890	0,000	0,000		143,290		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Cầu Mương Cái - Gia An, Hoài Châu Bắc		1,230			161	198,030	2003		0,890			161	143,290	2003	Điều chỉnh giảm chiều dài
III	PHƯỜNG HOÀI ĐỨC	0,000	4,417	0,000	0,000		1.216,218		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Vô Liệu		2,617			354	926,418	2001		-			354	-	2001	Không thực hiện
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Lam Sơn		1,800			161	289,800	2000		-			161	-	2000	Không thực hiện
IV	XÃ HOÀI MỸ	0,000	0,919	0,000	0,000		212,035		0,000	0,862	0,000	0,195		232,693		
1	Nâng cấp, tuyến đường từ ngã ba quán Khánh Mỹ đến Cây Xăng số 27 (thôn Công Lương)		0,332			354	117,528	2012		0,332			354	117,528	2012	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ngã ba nhà Thành đến giáp nhà Đức (thôn Định Công)		0,367			161	59,087	2014		0,310			161	49,910	2014	Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Mở rộng tuyến đường từ nhà Tư đến nhà ông Phụng (thôn Định Công)		0,220			161	35,420	2016		0,220			161	35,420	2016	
4	Nâng cấp đoạn đường từ quán Hạ đến ngõ nhà Đông (thôn An nghiệp)											0,195	153	29,835	2010	Bổ sung mới
V	XÃ HOÀI SƠN	0,000	2,504	0,000	0,000		403,144		0,000	3,159	0,000	0,000		508,599		
1	Tuyến bê tông mở rộng đoạn từ Ngõ Thiệt - Cổng Làng Văn Hoá thôn Túy Sơn		0,304			161	48,944	2007		0,288			161	46,368	2007	Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Tuyến bê tông mở rộng đoạn từ Ngõ Âu - Cổng Sầu Đầu		1,100			161	177,100	2007		0,850			161	136,850	2007	Điều chỉnh giảm chiều dài
3	Tuyến bê tông mở rộng đoạn từ Ngõ Chung đến Ngã ba nhà thôn Hy Văn		0,600			161	96,600	2006		0,521			161	83,881	2006	Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Tuyến bê tông mở rộng cổng làng Văn hoá thôn Cẩn Hậu - Trụ Sở thôn Cẩn Hậu		0,500			161	80,500	2007		0,500			161	80,500	2007	
5	Tuyến đường mở rộng đoạn từ Ngõ Anh - Cầu Soi									0,109			161	17,549	2007	Bổ sung mới
66	Tuyến đường mở rộng đoạn từ Ngõ Xường - Nhà Văn Hóa thôn Tường Sơn Nam									0,891			161	143,451	2006	Bổ sung mới
VI	PHƯỜNG HOÀI TÂN	0,000	1,860	0,000	0,000		465,440		0,000	1,860	0,000	0,000		465,440		
1	Mở rộng bê tông tuyến đường Đàm Quang Trung, khu phố An Dương 1		1,000			161	161,000	2005		1,000			161	161,000	2005	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Hoàng Quốc Việt từ nhà văn hoá khu phố Đệ Đức 1 đến ngõ Đặng Văn Thức		0,860			354	304,440	2004		0,860			354	304,440	2004	
VII	PHƯỜNG HOÀI XUÂN	0,000	4,210	0,000	0,000		677,810		0,000	4,210	0,000	0,000		677,810		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phụng Sơn		2,015			161	324,415	2009		2,015			161	324,415	2009	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Tôn Thất		1,525			161	245,525	2015		1,525			161	245,525	2015	
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Lê Đình Chính (đoạn từ ngã ba Lê Đình Chính - Võ Trường Toàn đến ngã ba Lê Đình Chính - Vạn Thắng)		0,670			161	107,870	2003		0,670			161	107,870	2003	
VIII	PHƯỜNG TAM QUAN	0,000	0,950	0,000	0,000		152,950		0,000	0,178	0,000	0,000		28,658		
1	Bê tông mở rộng tuyến đường Cừ Lợi (đoạn phường Tam Quan)		0,750			161	120,750	2008		-			161	-	2008	Không thực hiện
2	Nâng cấp, mở rộng, thảm bê tông nhựa tuyến đường Ngõ Mây.		0,200			161	32,200	2000		0,178			161	28,658	2000	Điều chỉnh giảm chiều dài
IX	PHƯỜNG TAM QUAN NAM	0,485	0,000	0,000	0,000		188,665		0,485	0,000	0,000	0,000		188,665		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Trần (Lý trình: Cầu Cộng Hòa đến giáp Thái Lợi)	0,485				389	188,665	2005	0,485				389	188,665	2005	
X	PHƯỜNG TAM QUAN BẮC	0,000	0,950	0,000	0,000		152,950		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		

1	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Trần Quốc Toản (giai đoạn 2)		0,950			161	152,950	2000		-			161	-	2000	Không thực hiện
XI	PHƯỜNG HOÀI THANH								0,000	0,000	0,000	2,220		339,660		
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Nguyễn Thái Học đoạn từ đường Bà Triệu đến giáp kênh N2 khu phố An Đình 2											2,220	153	339,660	2004	
Tổng cộng		0,485	17,890	0,000	0,000		3.804,092		0,485	11,159	0,000	2,415		2.584,815		

PHỤ LỤC II.05: PHÙ CÁT

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN PHÙ CÁT
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hồ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hồ trợ (Tấn)		Năm khai thác sử dụng
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ CÁT HIỆP	0,000	1,100	0,000	0,000		140,800		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Nâng cấp Mở rộng thảm nhựa từ cầu Rộc Phò đi Nguyễn Hồng Đạo		1,100			128	140,800	2010		-			128	0,000	2010	Không thực hiện
II	THỊ TRẤN CÁT TIỀN	0,000	0,000	0,770	0,000		152,460		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Tuyến cây số 6 đến đường cạnh tranh nông nghiệp (Đường chợ Gò Muồng cũ)			0,300		198	59,400	1999			-		198	0,000	1999	Không thực hiện
2	Tuyến cây số 6 đến đường cạnh tranh nông nghiệp (Đường chợ Gò Muồng cũ)			0,320		198	63,360	1999			-		198	0,000	1999	Không thực hiện
3	Tuyến cây số 6 đến đường cạnh tranh nông nghiệp (Đường chợ Gò Muồng cũ)			0,150		198	29,700	2000			-		198	0,000	2000	Không thực hiện
III	XÃ CÁT HƯNG	0,000	2,300	0,000	0,000		370,300		0,000	2,300	0,000	0,000		370,300		
1	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường 202. Từ Dốc Nước Số 1 (thôn Mỹ Long) - Nhà họp xóm 3 (thôn Lộc Khánh)		1,800			161	289,800	2008		1,800			161	289,800	2008	
2	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ QL19B đến nhà ông Nguyễn An Lướt		0,500			161	80,500	2008		0,500			161	80,500	2008	
Tổng cộng		0,000	3,400	0,770	0,000		663,560		0,000	2,300	0,000	0,000		370,300		

PHỤ LỤC II.06: PHÙ MỸ

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN PHÙ MỸ
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)		Năm khai thác sử dụng
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ CHÁNH TÂY	0,000	1,200	0,000	0,000		193,200		0,000	0,593	0,000	0,000		95,473		
1	Mở rộng tuyến ngõ 5 Lượng đi ngõ Miên		0,500			161	80,500	2012		-			161	-	2012	Không thực hiện
2	Mở rộng tuyến ngõ Loan đi ngõ 6 Mỹ		0,700			161	112,700	2012		0,593			161	95,473	2012	Điều chỉnh giảm chiều dài
II	XÃ MỸ LỘC	0,000	2,707	0,000	0,000		789,403		0,000	1,400	0,000	0,000		495,600		
1	Sửa chữa, mở rộng BTXM từ nhà ông Thanh đến nhà ông Nhân		0,700			354	247,800	2014		0,700			354	247,800	2014	
2	Sửa chữa, mở rộng BTXM từ nhà ông Hoàng đến cầu Đập Lâm		0,700			354	247,800	2014		0,700			354	247,800	2014	
3	Sửa chữa, mở rộng BTXM từ ngã tư An Bảo đến ngã tư Vĩnh Thuận							2014							2014	
3.1	Đoạn từ ngã 4 Vĩnh Thuận đến nương nước Đập Thao		0,098			354	34,692			-			354	-		Không thực hiện
3.2	Đoạn từ nương nước Đập Thao đến cầu Đập Sét		0,098			161	15,778			-			161	-		Không thực hiện
3.3	Đoạn từ Đập Sét đến ngã 4 An Bảo		0,334			354	118,236			-			354	-		Không thực hiện
4	Mở rộng BTXM từ ngã ba Vạn Định đến Cầu Đập Quý		0,777			161	125,097	2014		-			161	-	2014	Không thực hiện
III	XÃ MỸ THO	0,000	0,475	0,000	0,000		76,475		0,000	0,475	0,000	0,000		76,475		
1	Mở rộng đường BTXM từ nhà ông Tịnh đi đội 6 Đại Lương		0,475			161	76,475	2015		0,475			161	76,475	2015	
IV	XÃ MỸ PHONG	0,000	1,000	0,000	0,000		354,000		0,000	1,000	0,000	0,000		354,000		
1	Sửa chữa, mở rộng BTXM từ Quốc lộ 1 đến sân vận động xã		1,000			354	354,000	2013		1,000			354	354,000	2013	
V	XÃ MỸ HIỆP	0,000	3,830	0,000	0,465		784,275		0,000	3,049	0,000	0,465		562,034		
1	Sửa chữa, mở rộng đường BXTM từ ĐT.638 (Vạn Phước Tây) đi Nhà văn hóa thôn Vạn Thiện							2013							2013	
1.1	Sửa chữa, mở rộng BTXM đoạn hư hỏng hoàn toàn		0,500			354	177,000			-			354	-		Không thực hiện
1.2	Mở rộng BTXM kết hợp với mặt đường cũ		0,230			161	37,030			-			161	-		Không thực hiện
2	Mở rộng đường BXTM từ Cầu K3 đi Nhà văn hóa thôn Hữu Lộc		0,900			161	144,900	2012		0,900			161	144,900	2012	
3	Mở rộng đường BTXM từ đường Nhà Đá - An Lương đi Nhà văn hóa thôn Vạn Lộc		0,820			161	132,020	2012		0,781			161	125,741	2012	Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Mở rộng đường BTXM từ QL.1 đi xóm rừng thôn An Trinh		0,480			161	77,280	2012		0,468			161	75,348	2012	Điều chỉnh giảm chiều dài
5	Mở rộng đường BTXM từ nhà ông Khôi (Vạn Lộc) đi thôn Tú Dương		0,900			161	144,900	2015		0,900			161	144,900	2015	
6	Sửa chữa đường BTXM từ QL.1 đi Nhà văn hóa thôn Thanh An				0,465	153	71,145	2000				0,465	153	71,145	2000	
VI	THỊ TRẤN PHÙ MỸ	0,000	0,650	0,000	0,000		83,200		0,000	0,650	0,000	0,000		83,200		
1	Mở rộng đường 2 Tháng 9 đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Biên Cương		0,650			128	83,200	2011		0,650			128	83,200	2011	
VII	XÃ MỸ TRINH	0,000	2,184	2,676	0,000		1145,882		0,000	2,184	2,676	0,000		1145,882		
1	Sửa chữa tuyến đường Đồng Cù Gừng đi Hóc Cau			0,568		198	112,464	2009			0,568		198	112,464	2009	

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
2	Mở rộng BTXM tuyến đường từ hồ Dốc Đá đến nhà ông Sanh		0,314			161	50,554	2014		0,314			161	50,554	2014	
3	Sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Chính đến sân vận động xã và từ nhà ông Tân đến nhà ông Huy						0,000	2012						0,000	2012	
3.1	<i>Đoạn 1: Mở rộng mặt đường</i>		0,500			161	80,500			0,500			161	80,500		
3.2	<i>Đoạn 2: Sửa chữa mặt đường</i>			0,300		198	59,400				0,300		198	59,400		
4	Sửa chữa tuyến đường từ nhà ông Phong đi Hóc Cau			0,795		198	157,410	2009			0,795		198	157,410	2009	
5	Sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến đường từ đường tránh QL.1A đi giáp TT Phù Mỹ		0,450			354	159,300	2010		0,450			354	159,300	2010	
6	Sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến đường vào xóm Tân Phát		0,351			354	124,254	2009		0,351			354	124,254	2009	
7	Sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến đường từ cầu Đập Bó đến ngã ba Miếu		0,569			354	201,426	2008		0,569			354	201,426	2008	
8	Sửa chữa tuyến đường từ nhà bà Nương đến nhà ông 4 Liễu (Trung Bình)			0,722		198	142,956	2008			0,722		198	142,956	2008	
9	Sửa chữa tuyến đường từ xóm Tân Hiệp (từ nhà ông Đặng Hồng Tiên đến nhà ông Đặng Văn Hân)			0,291		198	57,618	2009			0,291		198	57,618	2009	
VIII	XÃ MỸ CHÂU	0,000	1,965	0,000	0,000		565,335		0,000	1,965	0,000	0,000		565,335		
1	Mở rộng đường từ QL.1 nhà ông Sa đến nhà hợp xóm 4.		0,675			161	108,675	2015		0,675			161	108,675	2015	
2	Sửa chữa, mở rộng đường từ QL.1 nhà ông Nghĩa đến đường sắt		0,855			354	302,670	2010		0,855			354	302,670	2010	
3	Sửa chữa, mở rộng đường từ nhà ông Sang đến kho đội 9		0,435			354	153,990	2010		0,435			354	153,990	2010	
IX	XÃ MỸ TÀI	0,000	1,874	0,000	0,000		663,396		0,000	1,410	0,000	0,000		499,140		
1	Sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến đường từ cây Cầy đi ngõ ông Tâm thôn Vĩnh Nhơn		0,918			354	324,972	2009		0,750			354	265,500	2009	Điều chỉnh giảm chiều dài
2	Sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến đường từ Trạm Y tế thôn Vĩnh Phú 7 đi ngõ ông Tâm thôn Vĩnh Nhơn		0,956			354	338,424	2009		0,660			354	233,640	2009	Điều chỉnh giảm chiều dài
X	XÃ MỸ HÒA	0,000	1,020	0,000	0,000		164,220		0,000	1,020	0,000	0,000		164,220		
1	Mở rộng tuyến đường BTXM từ đường ĐT.638 đến giáp Nhà văn hoá 4 xóm thôn An Lạc 1		1,020			161	164,220	2014		1,020			161	164,220	2014	
Tổng cộng		0,000	16,905	2,676	0,465		4.819,386		0,000	13,746	2,676	0,465		4.041,359		

PHỤ LỤC II.07: TÂY SƠN

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN TÂY SƠN
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ BÌNH HÒA	0,000	1,760	0,800	0,000		441,760		0,000	1,760	0,800	0,000		441,760		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ Trụ loa đi ra sông; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,300		198	59,400	2000			0,300		198	59,400	2000	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐH.28 đi ra nhà ông Võ Văn Ân; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,270		198	53,460	2011			0,270		198	53,460	2011	
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐH.28 đi ra nhà ông Nguyễn Văn Thịnh; Hạng mục: Nền, mặt đường BTXM			0,230		198	45,540	2002			0,230		198	45,540	2002	
4	Tuyến đường từ QL19B đến tuyến đường ĐH.28		0,900			161	144,900	2002		0,900			161	144,900	2002	
5	Tuyến đường từ nhà Đào Văn Nhị đến chùa Vĩnh Lộc		0,860			161	138,460	2015		0,860			161	138,460	2015	
II	XÃ BÌNH THÀNH	0,000	1,320	0,000	0,000		212,520		0,000	1,320	0,000	0,000		212,520		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà ông Mân đến nhà ông Nhân		0,650			161	104,650	2014		0,650			161	104,650	2014	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã 3 xóm 4 đến đường suối Bà Trung		0,670			161	107,870	2012		0,670			161	107,870	2012	
III	XÃ TÂY THUẬN	0,000	0,000	0,000	0,710		108,630		0,000	0,000	0,000	0,710		108,630		
1	Đường giao thông trong khu dân cư xã Tây Thuận (Mở rộng: Đoạn Từ Tinh Lộ 637 đến nhà ông Tài)				0,360	153	55,080	2010				0,360	153	55,080	2010	
2	Đường giao thông trong khu dân cư xã Tây Thuận (Mở rộng: Đoạn Từ bê tông đến nhà Trại ông Mãi)				0,350	153	53,550	2010				0,350	153	53,550	2010	
IV	XÃ BÌNH NGHI	0,000	1,670	0,000	0,000		268,870		0,000	1,670	0,000	0,000		268,870		
1	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng tuyến đường từ Cổng chào thôn 3 đến nhà Đinh Văn Cư, xóm Thanh, thôn Thủ Thiện Hạ		1,670			161	268,870	2001		1,670			161	268,870	2001	
V	XÃ TÂY GIANG	0,000	0,000	0,000	0,770		117,810		0,000	0,000	0,000	0,770		117,810		
1	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà Phạm Tý đến nhà Nguyễn Hữu Tài				0,050	153	7,650	2001				0,050	153	7,650	2001	
2	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà Đặng Thị Hoan đến nhà Nguyễn Thị Dung				0,100	153	15,300	2001				0,100	153	15,300	2001	
3	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà Huỳnh Bảy đến nhà ông Nguyễn Ngọc Sang				0,145	153	22,185	2004				0,145	153	22,185	2004	
4	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà bà Trê đến nhà 3 Quý				0,130	153	19,890	2003				0,130	153	19,890	2003	
5	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà Ông Cảnh đến nhà ông Hoàng				0,125	153	19,125	2001				0,125	153	19,125	2001	
6	Nâng cấp, sửa chữa từ nhà ông Thành đến nhà Thầy Diệu				0,100	153	15,300	2002				0,100	153	15,300	2002	
7	Nâng cấp, sửa chữa từ chợ Đồng Phó đến Trường Tiểu học số 1				0,120	153	18,360	2001				0,120	153	18,360	2001	
VI	XÃ BÌNH THUẬN	0,000	4,210	0,000	0,000		1,018,000		0,000	4,210	0,000	0,000		1,018,000		
1	Mở rộng BTXM Tuyến ngã tư Thuận Nhứt đi Thuận Hiệp		2,090			128	267,520	2015		2,090			128	267,520	2015	
2	Mở rộng sửa chữa BTXM đường từ nhà Trần Ngọc Hòa đi Bình Tân		2,120			354	750,480	2001		2,120			354	750,480	2001	
VII	XÃ TÂY XUÂN	0,000	4,200	0,000	0,000		537,600		0,000	3,890	0,000	0,000		497,920		
1	Nâng cấp sửa chữa, mở rộng BTXM tuyến từ Trung tâm xã đến Làng Cam		4,200			128	537,600	2010		3,890			128	497,920	2010	Điều chỉnh giảm chiều dài

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Ghi chú
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
VIII	THỊ TRẤN PHÚ PHONG	0,000	0,600	0,000	0,000		212,400		0,000	0,600	0,000	0,000		212,400		
1	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tổ 6, khối 1		0,600			354	212,400	2010		0,600			354	212,400	2010	
IX	XÃ VĨNH AN	0,000	0,000	2,195	0,000		434,610		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Đình Hoàng Ganh đến rẫy Đình Truyền			0,870		198	172,260	2001			-		198	-	2001	Không thực hiện
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Đình An đến Chợ Vĩnh An			0,682		198	135,036	2000			-		198	-	2000	Không thực hiện
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà Duyên Hồng đến nhà Đình Thị khích			0,643		198	127,314	2001			-		198	-	2001	Không thực hiện
Tổng cộng		0,000	13,760	2,995	1,480		3.352,200		0,000	13,450	0,800	1,480		2.877,910		

PHỤ LỤC II.08: TUY PHƯỚC

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN TUY PHƯỚC
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)		Năm khai thác sử dụng
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ PHƯỚC THẮNG	0,000	0,000	0,000	0,570		87,210		0,000	0,000	0,000	0,460		70,380		
1	Sửa chữa bê tông giao thông thôn An Lợi															
1.1	Sửa chữa bê tông giao thông tuyến từ nhà Nguyễn Văn Chương đến trạm điện An Lợi				0,460	153	70,380	2014				0,460	153	70,380	2014	
1.2	Sửa chữa bê tông giao thông tuyến từ nhà Lý Văn Dư đến nhà Nguyễn Hữu Sĩ				0,110	153	16,830	2014				-	153	-	2014	Không thực hiện
Tổng cộng		0,000	0,000	0,000	0,570		87,210		0,000	0,000	0,000	0,460		70,380		

PHỤ LỤC II.09: VÂN CANH

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN VÂN CANH
(PHẦN II: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú	
		Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Năm khai thác sử dụng	Loại đường (Km)				Định mức XM hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)		Năm khai thác sử dụng
		ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				ĐH	ĐX	Loại A	Loại B				
I	XÃ CANH HIÊN	0,000	0,000	0,000	0,400		61,200		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Sửa chữa, nâng cấp đường từ Trạm quản lý bảo vệ rừng phòng hộ đến Suối phèn thôn Thanh Minh				0,400	153	61,200	2009				-	153	-	2009	Không thực hiện
II	THỊ TRẤN VÂN CANH	0,000	1,380	0,000	0,000		222,180		0,000	1,115	0,000	0,000		179,515		
1	Đường BTXM từ nhà ông Hợp đến nhà văn hóa Hiệp Hội		0,140			161	22,540	2003		-			161	-	2003	Không thực hiện
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Lộc (Hiệp Giao) đến nhà ông Trí (Hiệp Hội)		0,460			161	74,060	2005		0,460			161	74,060	2005	
3	Nâng cấp, mở rộng đoạn từ nhà ông Thành đến Nghĩa địa Hiệp Hội		0,220			161	35,420	2005		0,141			161	22,701	2005	Điều chỉnh giảm chiều dài
4	Nâng cấp, mở rộng đường từ nhà ông Tùy đến nhà ông Sơn (Hiệp Hà)		0,560			161	90,160	2006		0,514			161	82,754	2006	Điều chỉnh giảm chiều dài
III	XÃ CANH LIÊN	0,000	0,000	0,000	0,095		14,535		0,000	0,000	0,000	0,000		0,000		
1	Sửa chữa đường BTXM xã Canh Liên (Hạng mục: Đường BTXM nội bộ làng Cát, làng Kà Bưng, cầu bần làng Chôm, cống tràn suối Kà Chuối 1 làng Kà Nâu)				0,095	153	14,535	2012				-	153	-	2012	Không thực hiện
Tổng cộng		0,000	1,380	0,000	0,495		297,915		0,000	1,115	0,000	0,000		179,515		

PHỤ LỤC I.10: VĨNH THẠNH

KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2024 - HUYỆN VĨNH THẠNH
(PHẦN I: BÊ TÔNG HÓA HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Theo Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	
I	THỊ TRẤN VĨNH THẠNH			0,600	0,600	0,000	0,000	0,000			0,600	0,600	0,000	0,000	0,000	
1	BTXM đường phía Nam Gò Đá - Định Bình (Đoạn từ nhà ông Hiền đến đồng Bá Bình)	Nhà ông Phan Mông Hiền	Dốc Cầm		0,600				Nhà ông Phan Mông Hiền	Dốc Cầm		0,600				
II	XÃ VĨNH HÒA			1,500	0,000	1,500	0,000	0,000			1,048	0,000	1,048	0,000	0,000	
1	BTXM đường vào khu sản xuất sản cù thôn M8	Trang trại APL	Đất trồng keo ông Lê Văn Cù			1,500			Trang trại APL	Đất trồng keo ông Lê Văn Cù			-			Không thực hiện
2	BTXM đường vào khu nghĩa trang nhân dân thôn M6								Đất trồng keo của ông Đinh Y Nam	Nghĩa trang nhân dân thôn M6			1,048			Bổ sung mới
III	XÃ VĨNH THỊNH			0,090	0,000	0,000	0,090	0,000			0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	
1	BTXM giao thông nông thôn xã Vĩnh Thịnh	ĐH31	Nhà ông Ân				0,090		ĐH31	Nhà ông Ân			-			Không thực hiện
IV	XÃ VĨNH QUANG			0,615	0,000	0,615	0,000	0,000			1,734	1,470	0,264	0,000	0,000	
1	Đường vào khu sản xuất Cây Xoài	Nghĩa địa thôn Đình Trường	Khu sản xuất Cây Xoài			0,350			Nghĩa địa thôn Đình Trường	Khu sản xuất Cây Xoài			-			Không thực hiện
2	Đường từ nhà Võ Văn Ca đến đất Nguyễn Văn Nhớ	Nhà Nguyễn Văn Ca	Đất Nguyễn Văn Nhớ			0,025			Nhà Nguyễn Văn Ca	Đất Nguyễn Văn Nhớ			0,025			
3	Đường từ nhà Nguyễn Văn Đại đến ruộng 3 Thắng	Nhà Nguyễn Văn Đại	Ruộng 3 Thắng			0,100			Nhà Nguyễn Văn Đại	Ruộng 3 Thắng			0,100			
4	Đường từ nhà Huỳnh Thanh Tân ra sông	Nhà Huỳnh Thanh Tân	Sông Kôn			0,070			Nhà Huỳnh Thanh Tân	Sông Kôn			0,070			
5	Đường vào nhà Đặng Thị Kiều	ĐT.637	Nhà bà Kiều			0,040			ĐT637	Nhà bà Kiều			-			Không thực hiện
6	Đường vào nhà Nguyễn Thị Nở	Đường bê tông	Nhà bà Nở			0,030			Đường bê tông	Nhà bà Nở			0,030			
7	BTXM ngõ xóm thôn Định Xuân								Đường ĐT.637	Nhà Đặng Thị Kiều			0,039			Bổ sung mới
8	Đường vào khu sản xuất gò Cây Duối								Đường ĐT.637	Gò Cây Duối		1,470				Bổ sung mới
Tổng cộng :				2,805	0,600	2,115	0,090	0,000			3,382	2,070	1,312	0,000	0,000	

Trong đó:

1. Tổng chiều dài được hỗ trợ

- Đường GTNT loại A:
- Đường GTNT loại B:
- Đường GTNT loại C:
- Đường GTNT loại D:

2. Tổng khối lượng xi măng được hỗ trợ:

- Đường GTNT loại A: 198 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại B: 153 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại C: 97 Tấn/1Km
- Đường GTNT loại D: 78 Tấn/1Km

2,805 Km
0,600 Km
2,115 Km
0,090 Km
0,000 Km
451,125 Tấn
118,800 Tấn
323,595 Tấn
8,730 Tấn
0,000 Tấn

3,382 Km
2,070 Km
1,312 Km
0,000 Km
0,000 Km
610,596 Tấn
409,860 Tấn
200,736 Tấn
0,000 Tấn
0,000 Tấn